

F O R U M



Berlin Postdamer Platz ngày- 27-11-1989...

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|------------------------------|--------------------|
| 1 Việt Nam và Vatican | Phong Quang |
| 4 Tin / Thời sự | |
| 10 Bài viết trước khi bị bắt | Nguyễn Thanh Giang |
| 12 Thư gửi Trần Độ | Lữ Phương |
| 15 Thư California | Nguyễn Lộc |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|---|-------------------|
| 19 Đêm Kiều ca ở Paris...Hoàng Phủ Ngọc Tường | |
| 22 Berlin năm 2000 | Văn Ngọc |
| 27 Có con | Phan Thị Vàng Anh |
| 29 Ngôn ngữ Hà Nội hơi bị ngô | Phạm Hy Hưng |
| 30 Gia đình vẹ Nhống (truyện ngắn) | Đặng Văn Long |

Thơ : ý Khi (tr.20), Cung Trầm Tường (tr. 21),
Thám Oán (tr.30)

Tiến tới quan hệ ngoại giao Việt Nam & Vatican

Phong Quang

Chuyến đi thăm Việt Nam (từ ngày 15 đến ngày 19.3) của “đức ông” (Monsignor) Celestino Migliore, thứ trưởng ngoại giao của Vatican, được coi là “bước đầu quan trọng” của quá trình thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Toà thánh Vatican (Reuter, 19.3).

Phía chính quyền Việt Nam tỏ ý thận trọng, chỉ nói “hai bên nhất trí cần có những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc để tiếp tục trao đổi ý kiến về lĩnh vực này và xác định những bước đi thích hợp nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trên tinh thần thiện chí, hữu nghị, bình đẳng, hai bên cùng có lợi, không can thiệp vào nội bộ của nhau, phù hợp tập quán và thông lệ quốc tế” (báo Nhân Dân điện tử, 22.3). Một câu văn đậm đà ngôn ngữ... gỗ lim và dài ngoằng như chiếc thia mà giáo hội vẫn thường khuyên con chiên cầm chắc trong tay khi phải ăn cơm tối với quỷ dữ.

Phái viên của Giáo hoàng thì tỏ ra “lạc quan” sau những cuộc hội đàm “xây dựng”. Giám mục Bartolomeo Nguyễn Sơn Lâm (chủ chiên địa phận Khánh Hoà) phấn khởi hơn : “Chúng tôi ngạc nhiên thấy lần này phía Việt Nam tỏ thái độ tích cực hơn hẳn” (Reuter, 19.3). GM. Lâm cho biết chính quyền Việt Nam đã chấp nhận đề nghị của Toà thánh Roma tấn phong hai giám mục (không rõ tên), còn ông Migliore “hy vọng Đức Giáo hoàng có thể đến thăm Việt Nam”. Theo các hãng thông tấn, Roma dường như đã từ bỏ ý muốn Jean-Paul II sang dự cuộc hành hương La Vang vào tháng 8.99, và mong rằng giáo hoàng có thể thăm Việt Nam vào cuối năm nay trong một cuộc viễn du đã dự trù tại một số nước châu Á. Phía Việt Nam thì hàm ý cuộc viếng thăm này chỉ có thể tính tới sau khi hai bên đã thiết lập quan hệ ngoại giao.

Quan hệ phức tạp giữa hai nhà nước suốt một phần tư thế kỷ vừa qua khiến ta phải thận trọng trong dự đoán về thời

(xem tiếp trang 8)

John-Foster-Dulles-Allee 10, 10557 BERLIN
 Telephone : 030 - 397 87 0 ; Telefax : 030 - 394 86 79
 e-mail : info@hkw.de ; http://www.hkw.de

Gặp Việt Nam

tháng 4 & 5.99

Bắt đầu từ trung tuần tháng 3, Nhà Văn hoá Thế giới của Thành phố Berlin bắt đầu một chương trình thông tin, văn hoá, văn học, nghệ thuật GẶP VIỆT NAM kéo dài đến cuối tháng 5-1999.

Tháng 4 và 5 có các cuộc triển lãm nhiếp ảnh, tranh cổ động, và ảnh thời trang.

Điện ảnh

Một chương trình điện ảnh khá phong phú bắt đầu từ cuối tháng 3 với những phim quốc tế nổi tiếng như Apocalypse Now (F. Coppola). Sang tháng 4 và đến giữa tháng 5, một loạt phim Việt Nam : *Cánh đồng hoang* và *Còn lại một mình* (Nguyễn Hồng Sển), *Cô gái trên sông*, *Thương nhớ đồng quê*, và *Hà Nội mùa đông 46* (Đặng Nhật Minh), *Xích lô và Mùi du dù xanh* (Trần Anh Hùng), *Gánh xiếc rong* (Việt Linh), *Bụi hồng* (Hồ Quang Minh), *Giải hạn* (Vũ Xuân Hưng), *Poussière d'empire* (Lê Lâm), *A tale of Love* và *Surname Viet Given Name Nam* (Trịnh Thị Minh Hà), *Tướng về hưu* (Nguyễn Khắc Lợi).

Văn học

Từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 5, Nhà Văn hoá Thế giới tổ chức những cuộc gặp các nhà văn và nhà thơ Việt Nam : Phạm Thị Hoài (Berlin và Hà Nội), Đỗ Khiêm (Paris), Trịnh Thị Minh Hà (Berkeley), Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Quang Sáng (TP Hồ Chí Minh), Bảo Ninh (Hà Nội), Nguyễn Duy, Hoàng Hưng (TP HCM), Dương Thu Hương (Hà Nội).

Ngoài ra được biết các nhà thơ Lê Đạt và Trần Dương Tường đã được mời sang Berlin từ trung tuần tháng 3 trong dịp khai mạc chương trình văn hoá.

Hội họa

Từ 30.3 đến 9.5, triển lãm tác phẩm của các họa sĩ : Đinh Ý Nhi (Hà Nội), Gastambide Rémy (Paris), Hoang Van Bui (Tampa), Kottmair, Alisa Lieu-Anh (Berlin), Lê Thùa Tiến (Huế), Mai Anh Dũng (TPHCM), Nguyễn Văn Cường (HN), Nguyễn Minh Thành (HN), Nguyễn Minh Phương (TPHCM), Nguyễn Quang Huy (HN), Nguyen Hatsushiba Jun (Tokyo / TPHCM), Nguyễn Cát Tường (Zürich), Đinh Thị Thẩm Phương (HN), Trương Tân (HN/Paris), Trần Trọng Vũ (Paris), Vũ Dân Tân (HN).

Đêm văn nghệ Việt Nam

Bắt đầu từ 19 g ngày 15.5 với : Đoàn múa Ea Sola với vở Voilà Voilà (trình diễn lần đầu tiên), đọc thơ và gặp hai nhà thơ Hoàng Hưng, Nguyễn Duy, ban nhạc Jazz tam táu Nguyễn Lê.

Chương trình, giữ chỗ trước : xem địa chỉ ở trên đầu trang

Bạn đọc và Diễn Đàn

Mèo Kỷ Mão Gái Củ Chi

Tháng ba vừa qua, toà soạn tiếp tục nhận được thư của bạn đọc các nơi đổi lại câu đối của ban kỹ thuật

Khai bút đầu xuân Kỷ Mão, bấm chuông gửi meo cho mèo và câu đối cực kỳ hiểm hóc mà nguyệt san Kiến thức ngày nay (Sài Gòn) đã ra cách đây mấy năm

Gái Củ Chi chỉ cù hỏi cù chi

Đổi lại câu thứ nhất, ông Nguyễn Triệu Đồng (Gières, Pháp), tặng ban kỹ thuật Diễn Đàn

Giờ lịch cuối thu Nguyệt Thực, đợi thỏ ló đầu kiếm trăng hoa
Câu đối chưa chỉnh (bắt đầu là số chẵn), song với các ý nguyệt, trăng, thỏ, chắc tác giả hay bạn đọc khác sẽ tìm ra một câu đối hay. Điều quan trọng là tác giả muốn gop vui và nhất là để “thông cảm” với ban kỹ thuật vì “ở dưới này chúng tôi cũng phải lo liệu xuất bản tờ *Bulletin de communication entre les INP de France et du Vietnam*, bằng hai thứ tiếng” (INP : học viện bách khoa : từ nhiều năm nay, INP Grenoble đã hợp tác chặt chẽ với các trường đại học bách khoa Việt Nam).

Bạn đọc ký tên Cô Từ Ly (Paris, Pháp) cho chọn giữa hai câu :

(1) Nhớ rừng trung thổ Ai Lao, bỏ Xiêm về Lào bằng lèo có chủ thích : Lào < Là-o < Là-haut (tiếng Pháp nghĩa là : ở trên kia)

(2) Nhớ rừng trung thổ Ai Lao, rời Xiêm lái lèo về Lào có chủ thích : lèo < lè-o < lait haut (tiếng Pháp nghĩa là : cảng sula) và căn dặn : “đừng lẩn lộn lái lèo và lèo lái. Trong lái lèo, lái là động từ và lèo là danh từ”. Và thêm “tác giả thích câu (2) hơn câu (1)”.

Người đánh máy cũng thế, vì nhờ đó, học thêm được một nghĩa của chữ lèo. Cho đến nay, hắn chỉ biết lèo : (a) là biến âm của chữ lào, (b) trong câu thơ lộn lèo vịnh cái diều tượng truyền của Hồ Xuân Hương, (c) trong chữ lèo lái, song lại cứ

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
 opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables

Heures d'ouvertures : matin 9 h 30 à 13 h
 après-midi 14 h 30 à 19 h 00
 (fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél 01 45 66 93 27
 Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

tưởng lèo lái là từ láy. Nay tra từ điển, mới hay lèo là dây cảng (buồm) :

Thuyền anh mỏng ván, bóng láng, nhẹ chèo
Xin anh bớt ngọt, thả lèo chờ em.
(ca dao)

Cuộc cờ trên lái, đường tơ dưới lèo
(Nhị độ mai)

Bạn Nguyễn Dư (Lyon, Pháp) đổi như sau :

Dùng chân bên đền Thánh Mẫu, rủ cha hái me mồi mẹ
Mão/mèo đổi với Mẫu/mẹ, mèo/chuột với mẹ/cha, me (qua me, và me = mère tiếng Pháp nghĩa là mẹ, nhiều gia đình thành thị miền bắc cũng gọi mẹ là me, khác hẳn những me tây, me mỹ..., hay câu hát lịch sử của Phạm Duy Ôi tưởng chừng nghe tiếng Cha già vọng trời đồng, nói tới lời kêu gọi kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh, sau này đã bị sở kiểm duyệt vùng bị chiếm đổi Cha thành... me). Đổi như Nguyễn Dư có thể nói là đổi chan chát. Nếu tháng sau không có câu nào hay hơn, nhất định ông bạn Lyon sẽ tranh lèo giật giải rồi.

Câu Gái Củ Chi... cũng đã làm cho nhiều độc giả hưng phấn. Bạn T. Liêm (Toulouse, Pháp) vẫn luôn :

Trai Bắc Cực bức cặc than Bắc cực
nếu không là chuyện mua vui vài trống canh thì chúng tôi đã hốt cắt đực rồi để khỏi mang tiếng đồng loã với sự kỳ thị nam bắc. Vả lại bây giờ đổi mới, chuyện bắc cực này không phải chỉ có nam mới... tào lao.

Từ Delft, Hà Lan, bạn L. Hùng :

Trai chồng Mỹ chỉ mông vớ chồng Mỹ
và giải thích bằng một giai thoại mà vì thiếu chỗ nên xin độc giả đón đọc số sau.

sửa sai

thơ ông tên bà

Bài thơ Biển Hạ Long, chiêu (Diễn Đàn số Xuân Kỷ Mão) chúng tôi đề tên tác giả là Lê Minh Hà, thực ra là của phu quân Đỗ Quang Nghĩa. Cùng với truyện ngắn Tết (đăng cùng số), Lê Minh Hà đã gửi kèm theo bài thơ. Vì bài thơ không đề rõ tên tác giả nên tòa soạn đã suy diễn theo lối nước chảy chỗ trũng. Nay xin sửa lại cho đúng và xin cáo lỗi cùng độc giả và hai tác giả.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường

*Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc*

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,
Đặng Tiến, Nam Tân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đảng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng.... (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 €) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 € ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 €).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada và Úc xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bulletin de versement virement).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Tin Tức

Hiểm nguy năm 2000

Tuy chưa sử dụng nhiều máy tính, những vấn đề liên quan tới ‘sự cố năm 2000’ (chỉ lỗi kỹ thuật gây ra do việc mã hoá tên năm chỉ với 2 con số - 98 thay vì 1998..., gọi tắt theo tiếng Mỹ là Y2K) cũng có thể gây hiểm nguy cho một số lĩnh vực quan trọng nếu không được giải quyết kịp thời. Đó là nội dung tuyên bố với báo chí ngày 26.2 vừa qua của ông Chu Hạo, thứ trưởng bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, kiêm phó chủ nhiệm Uỷ ban quốc gia Y2K. Ông Hạo kể ra các lĩnh vực như quốc phòng, hàng không, viễn thông, ngân hàng, dầu khí, điện, và y tế. Theo ông, cần một ngân sách khoảng 50 triệu đôla để xử lý vấn đề. Việt Nam có khoảng 500 000 chiếc máy vi tính đang được sử dụng, trong đó 85 % ở trong các cơ quan nhà nước hoặc các xí nghiệp. Ngoài ra, còn một khối lượng không nhỏ trang thiết bị điện tử được mua từ trước khi vấn đề Y2K được đặt ra. Việc nhận ra và xử lý ‘con rệp năm 2000’ trên các thiết bị này phức tạp hơn trên máy tính. Theo ông Hạo, các khu vực ngân hàng, hàng không và viễn thông đã ý thức sớm vấn đề, ngoài ra những khu vực khác đã tỉnh dậy hơi trễ. Uỷ ban quốc gia năm 2000 đã mở một trang nhện (www.itnet.gov.vn/y2k) nhằm thông tin cho các doanh nghiệp, và đang triển khai những giải pháp dựa trên kết quả theo dõi các bộ, cơ quan chính phủ và xí nghiệp quốc doanh. Ngoài ra, uỷ ban cũng tìm sự trợ giúp của quốc tế như các công ty công nghiệp thông tin, các cơ quan quốc tế... Theo một thông tư của bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, các bộ, cơ quan thuộc chính phủ, các tỉnh, thành, các tổng công ty, doanh nghiệp lớn của nhà nước, phải hoàn thành trước ngày 25.3 phương án và giải pháp xử lý, khắc phục ảnh hưởng của Y2K, hoàn thành việc triển khai các giải pháp ấy trước cuối tháng 10.1999. (Reuter 25.2, Tuổi Trẻ 11.3.1999)

Trung Quốc - Việt Nam : tồn tại tranh chấp trên biển

Một bản tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc đã được công bố ngày 27.2 tại Bắc Kinh giữa chuyến đi thăm Trung Quốc của tổng bí thư đảng CSVN Lê Khả Phiêu (xem in DĐ số trước), và đăng trên báo Nhân Dân chủ nhật ngày 28.2. Sau khi khẳng định “thành công tốt đẹp” của chuyến thăm, và “bày tỏ hài lòng về sự củng cố không ngừng và phát triển tích cực của quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai đảng, hai nước”, bản tuyên bố đã dành một điểm dài cho các vấn đề biên giới.

Sau khi nhắc lại “các thoả thuận và nhận thức chung đã đạt được trong các cuộc gặp gỡ cấp cao hai nước từ năm 1991 tới nay”, và tinh thần “lấy đại cục làm trọng, thông cảm và nhân nhượng lẫn nhau, (...), căn cứ vào luật pháp quốc tế, tham khảo thực tiễn quốc tế, thông qua đàm phán hoà bình,

giải quyết thoả đáng những vấn đề biên giới...”, bản tuyên bố viết :

Hai bên quyết tâm đẩy nhanh tiến trình đàm phán, nâng cao hiệu suất công tác, ký kết Hiệp ước về biên giới trên bộ trong năm 1999 ; giải quyết xong vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000 ; cùng nhau xây dựng đường biên giới hai nước trở thành đường biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định. Hai bên đồng ý tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện có về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hoà bình, tìm ra một giải pháp cơ bản và lâu dài mà hai bên đều có thể chấp nhận được. Trước khi vấn đề được giải quyết, với tinh thần dẽ trước khó sau, hai bên tích cực bàn bạc, tìm kiếm khả năng và giải pháp triển khai hợp tác trên biển trong các lĩnh vực như : bảo vệ môi trường biển, khí tượng thuỷ văn, phòng chống thiên tai. Đồng thời, hai bên đều không tiến hành các hành động làm phức tạp thêm hoặc mở rộng thêm tranh chấp, không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ sử dụng vũ lực. Hai bên cân bàn bạc kịp thời và giải quyết thoả đáng những bất đồng này sinh với thái độ bình tĩnh, xây dựng, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước.

Điều đáng chú ý là trong bản tin tiếng Anh cùng ngày 27.2, Tân Hoa Xã đã tóm tắt khá đầy đủ 8 điểm của bản tuyên bố chung, trừ điểm 3 này (cũng là điểm dài nhất trong 8 điểm của bản tuyên bố) : bản tin hoàn toàn không có một câu đề cập đến vấn đề nổi cộm chính trong quan hệ hai nước. Làm như không có vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển. Người ta có thể tự hỏi, cách đưa tin này có thống nhất với thái độ của Trung Quốc, một mặt ký tuyên bố như trên, mặt kia vẫn thường xuyên lập lại khẳng định coi cả vùng biển “Nam Hải” như của mình, bất chấp những nước khác (và kèm theo những khẳng định đó là những hành động nước lớn, như việc xây các cấu trúc quân sự trên hòn đảo Mischief Reef ở Trường Sa, tranh chấp với Philipin mấy tháng gần đây) ?

Sau hai ngày hội đàm ở Bắc Kinh, ông Lê Khả Phiêu đã đi thăm hai tỉnh Tứ Xuyên và Quảng Đông trước khi lên đường về nước.

Quan hệ mậu dịch Việt-Mỹ

“Chúng tôi rất, rất, rất lạc quan”. Một nguồn tin thân cận với phái đoàn Mỹ đã tuyên bố như vậy khi hai nước mở đầu vòng đàm phán thứ 7 về quan hệ mậu dịch song phương tại Hà Nội hôm thứ hai 15.3.1999. Tuy nhiên, sau một tuần làm việc, một quan chức trong đoàn Mỹ cho biết “bên cạnh những tiến bộ đạt được, còn tồn tại một số điểm bất đồng đáng kể”. Khi số báo này lên khuôn, người ta chưa được biết cụ thể hơn về kết quả của vòng đàm phán. Theo các nhà phân tích, nếu cuộc đàm phán này được coi là thành công thì một vòng khác sẽ được tổ chức để ký kết hiệp định thương mại, đưa quốc hội Mỹ chuẩn y trước cuối năm nay. Nếu để sang năm 2000 là năm tuyển cử ở Mỹ, rất ít có hy vọng hiệp định được chuẩn y vì ảnh hưởng tới chính trường Mỹ của các vấn đề nhân quyền không được tôn trọng ở Việt Nam. Mặc dù, theo ông Anthony Salzman, chủ tịch phòng thương mại Hoa Kỳ tại Hà Nội, “nhân quyền ở Việt Nam được tôn trọng hơn ở một số nước bạn hàng truyền thống của Mỹ” !

Hiệp định, nếu được ký kết, sẽ buộc Việt Nam mở cho các

nà đầu tư Mỹ nhiều khu vực kinh tế cho tới nay vẫn được nhà nước bảo hộ, và buộc phải thay đổi nhiều chính sách kinh tế trong chiêu hướng tự do kinh doanh, trong suốt hoá các luật lệ v.v... Ngược lại, Việt Nam sẽ được hưởng quy chế Quan hệ mậu dịch bình thường (Normal Trade Relations) - trước đây là quy chế Tối huệ quốc (Most Favoured Nations) - trong quan hệ với Mỹ, và do đó hàng Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ không phải trả thuế suất cao như hiện nay. Trong 11 tháng đầu năm 1998, kim ngạch mậu dịch giữa hai nước lên đến 760 triệu đôla, trong đó Việt Nam xuất siêu 254 triệu đôla, chủ yếu là nhờ vào những mặt hàng nhân công rẻ như giày dép. Theo nhiều ước tính, trị giá hàng Việt Nam xuất sang Mỹ sẽ vọt lên khoảng 800 triệu đôla ngay trong năm đầu sau khi hiệp định thương mại được ký kết. Hiệp định cũng sẽ mở đường cho Việt Nam gia nhập tổ chức mậu dịch thế giới.

Để trả đũa việc Mỹ chưa công nhận Quan hệ mậu dịch bình thường đối với Việt Nam, hay để làm sức ép trước cuộc thương lượng, Hà Nội đã quyết định đánh thuế đặc biệt 50 % thêm vào các hàng nhập từ Mỹ và Nhật (chắc là bị đánh kèm kể từ 1.1.1999). Sau khi chính phủ Mỹ lên tiếng rằng quyết định trên sẽ là một chương ngại cho cuộc đàm phán, nó đã được bãi bỏ ! (AP 4.3, AFP 15.3, Reuters 12 và 22.3.1999)

Tài chính ASEAN

Lần đầu tiên, hội nghị bộ trưởng tài chính các nước ASEAN đã họp tại Hà Nội trong hai ngày 19-20.3.1999, với sự tham dự của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), và của đại diện các nước Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc. Thủ tướng Phan Văn Khải và tổng thư ký ASEAN Rodolfo Severino đã tới dự phiên họp khai mạc hội nghị.

Trong bối cảnh của một sự phục hồi tương đối sau cơn khủng hoảng kinh tế tài chính trong vùng từ hai năm nay, hội nghị đã thảo luận về việc thực hiện những quyết định của hội nghị cấp cao Hà Nội tháng 12 năm ngoái, và về kết quả đạt được sau một năm hoạt động của ASEAN Surveillance Process, một cơ cấu giám sát kinh tế trong vùng, được thành lập nhằm có thể phản ứng nhanh chóng trước những biến động tài chính trong tương lai. Cơ cấu giám sát đã được các nhà kinh tế đánh giá cao, song các nước thành viên còn cần xác định rõ hơn những dữ kiện kinh tế tài chính mà các nước phải cung cấp cho nó. Các quan chức của những định chế tài chính quốc tế cũng vẫn tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu trong suốt về thông tin kinh tế. Nhiều người tỏ ý lo ngại rằng những dấu hiệu phục hồi gần đây có thể khiến cho một số chính phủ muốn làm chậm lại những nỗ lực cải cách thiết yếu. Như để trả lời những lo ngại ấy, thủ tướng Phan Văn Khải đã khẳng định trong bài phát biểu của ông là sẽ tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở Việt Nam về mọi mặt : kinh tế, xã hội và hành chính, với những mục tiêu trước mắt như : nâng cao an toàn và độ tin cậy của hệ thống tài chính, tiền tệ và ngân hàng ; cải tổ khu vực quốc doanh, tạo môi trường thuận lợi phát triển đầu tư ở mọi khu vực kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài... (VNA 19.3, Reuters 20.3.1999)

Hỗ trợ xuất khẩu gạo

Sau một năm 1998 thành công lớn, một phần nhờ vào yếu

cầu đặc biệt của Indonêxia, ngành xuất khẩu gạo Việt Nam đang đứng trước những khó khăn do thị trường biến động lớn. Riêng Indonêxia, sau khi đã phải nhập khẩu cấp 6 triệu tấn gạo trong năm 1998 vì mất mùa nặng, đã cho biết từ nay tới cuối tháng 3 năm tới chỉ cần nhập tất cả khoảng 2,5 - 3 triệu tấn. Trên thị trường thế giới, gạo Việt Nam gồm 25 % tấm đã xuống giá 13 % kể từ đầu năm nay, và nếu so với mùa thu năm ngoái thì giá này xuống tới 27 %, chỉ còn 196 đôla một tấn. Phía cầu giảm, phía cung lại có phần tăng vì giá cao trong năm trước đã kích thích các nhà sản xuất, là lý do của những khó khăn nói trên. Tại Cần Thơ và An Giang, giá gạo chỉ còn từ 1600 đến 1900 đồng một kg, so với đỉnh cao 2200 đồng đạt được trong năm 1998. Sự xuống giá của tiền đồng Việt Nam so với đôla tạo thêm một khó khăn khác, vì phí nhập phán bón, thuốc trừ sâu vẫn phải trả bằng ngoại tệ.

Để hỗ trợ nhà sản xuất, chính phủ đã quyết định giá tối thiểu là 1.650 đồng một kg thóc, và bãi bỏ một số hạn chế về khối lượng gạo xuất khẩu trong quý 1 năm nay. Mặt khác, các công ty lương thực thực quốc doanh đã được lệnh mua thêm thóc dự trữ. (Dow Jones Newswires 12.3.1999).

Hạn hán : 1,4 triệu người thiếu đói

Cho đến giữa tháng 3 vừa qua, tình hình khô hạn và thiếu nước vẫn tiếp tục cảng thẳng ở hầu hết các tỉnh Bắc bộ, Bắc Trung bộ và Tây Nguyên [xem DĐ số 83]. So với mức trung bình nhiều năm, lượng nước sông hồ giảm khoảng 20-30 % ở Bắc bộ, 30-50 % ở Bắc Trung bộ, 30-40 % ở khu vực Bắc Tây Nguyên. Theo bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, số người thiếu nước sinh hoạt đã lên đến hơn 2 triệu người, nghiêm trọng nhất là ở Nghệ An [1 triệu người] và những huyện vùng cao của các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng [37 vạn người].

Trong một báo cáo trình thủ tướng, bộ lao động, thương binh và xã hội ước tính có đến 1,4 triệu người đang thiếu đói vì nhiều nguyên nhân trong đó đặc biệt phải kể đến hạn hán. Riêng ở tỉnh Hòa Bình, Hội nông dân cho biết có gần 35 ngàn hộ với hơn 180 ngàn người lâm vào cảnh thiếu đói, trong đó khoảng một phần ba là thiếu đói gay gắt do giáp hạt và hạn hán. Ở các huyện Lạc Sơn, Kim Bôi hàng vạn người đã bỏ xã đi cầu thực, những người ở lại hàng ngày vào rừng lấy măng, đào củ mài. Tại nhiều xã huyện Mai Châu, người dân đi tìm hứng từng giọt nước, vét nạo hồ trong rừng, thậm chí lấy nước ở các cây chuối rừng để sống. [Tuổi Trẻ 11.3 ; Thanh Niên 1, 5 và 15.3.99]

Đồng bằng sông Cửu Long : nhiễm mặn chưa từng có

Đầu tháng 3 vừa qua, đài khí tượng thủy văn khu vực Nam bộ cho biết hầu hết các tỉnh ven biển bị nước mặn xâm nhập sâu vào nội đồng với độ mặn ở mức cao nhất trong lịch sử. Ở đồng bằng sông Cửu Long, độ mặn lên cao gấp hơn ba lần so với trung bình nhiều năm. Độ mặn đo được tại trạm thủy văn Lộc Thuận tỉnh Bến Tre lên đến 10,4 phần ngàn, tại trạm Cầu Nối tỉnh Tiền Giang là 9,8 phần ngàn, tại trạm thị xã Trà Vinh là 8,4 phần ngàn. Trong khi, theo những trướng trại, nước bị nhiễm ở mức 4 phần ngàn trở lên là không dùng được trong sinh hoạt và sản xuất, và nếu kéo dài thì đất sẽ mất khả năng

canh tác. Ngay khi cả độ mặn thấp hơn một phần ngàn cũng đã làm giảm năng suất, thậm chí có thể làm chết lúa.

Ông Phạm Văn Đức, giám đốc đài khí tượng thủy văn khu vực Nam bộ, giải thích tình hình đồng bằng sông Cửu Long bị mặn xâm nhập nghiêm trọng bởi hai lý do chính. Trước tiên, năm 1998 là năm lũ thấp nhất từ 70 năm qua, lưu lượng nước ngọt từ thượng nguồn sông Cửu Long về hạ du ít hơn so với trung bình nhiều năm. Đồng thời, gió chướng thổi mạnh đã đẩy nước mặn từ Biển Đông, qua sông ngòi, kinh rạch, vào sâu trong nội đồng.

Tại Tiền Giang, mặn vào sâu đến 80 km, xâm nhập 2/3 diện tích lúa đồng xuân trong tỉnh. Ở tỉnh Bến Tre, mặn vào sâu 60 km và xâm nhập cũng 2/3 diện tích. Ở tỉnh Trà Vinh, khoảng một phần nửa diện tích bị xâm mặn. Tổng cộng, có đến khoảng 200 000 ha lúa đồng xuân ở đồng bằng sông Cửu Long đang thiếu nước tưới. Nhà máy đường Bến Tre đã phải ngưng sản xuất vì sông Hảm Luông bị nhiễm mặn gấp năm lần cho phép, không thể cấp nước cho lò hơi hoạt động. Còn người dân ở nhiều xã tỉnh Bến Tre và Trà Vinh thì đã phải mua nước sinh hoạt với giá từ 20-30 ngàn đồng/m³.

[Tuổi Trẻ 2, 7 và 11.3 ; Lao Động 1 và 3.3 ; Thanh Niên 28.2.99]

Cắt điện trong mùa khô

Theo Tổng công ty điện lực, khả năng thiếu điện vào mùa khô năm nay không còn là một nguy cơ mà là một thực tế, và kế hoạch cắt điện sẽ được tiến hành vào cuối tháng 3, đầu tháng 4. Thực ra, tại Thành phố Hồ Chí Minh, bắt đầu từ những ngày Tết đã xảy ra những trường hợp cắt điện đột xuất, không thông báo.

Căn cứ trên diễn biến của tình hình hạn hán và nguồn nước thủy điện [hiện cung cấp hơn 53 % tổng số điện sản xuất], Tổng công ty điện lực dự báo năm 1999 có thể thiếu từ 280-400 triệu kWh. Hiện nay, đường dây tải điện bắc-nam 500 kv đang đưa điện từ Nam ra Bắc [bình quân 4 triệu kWh/ngày] để giữ nước hồ Hòa Bình phục vụ trong hai tháng cao điểm mùa khô là tháng 4 và 5. Theo kế hoạch đề ra, việc cắt điện sẽ thực hiện trước hết vào các hoạt động quảng cáo, dịch vụ và cả sinh hoạt để tập trung nguồn điện cho sản xuất.

Năm 1998, các thành phố lớn đã phải đổi mặt với việc cắt điện, nhất là điện sinh hoạt. Tổng giám đốc điện lực, ông Hoàng Trung Hải, cho biết Việt Nam còn sẽ thiếu điện trong nhiều năm nữa. Theo ông, ngoài việc phụ thuộc quá nhiều vào thủy điện và tác động của thời tiết một nguyên nhân quan trọng nữa là hiện nay Việt Nam hoàn toàn không có nguồn điện dự phòng.

[Tuổi Trẻ 20 và 27.2, 4 và 11.3.99]

Kinh tế 2 tháng đầu năm : sức mua của xã hội tiếp tục giảm

Phiên họp thường kỳ tháng 2 của chính phủ đã đánh giá hoạt động kinh tế hai tháng đầu năm chỉ đạt kết quả “thấp”. Theo những số liệu được công bố, giá trị sản xuất công nghiệp giảm 2,2 % so với cùng thời kỳ năm 1998. Kim ngạch nhập khẩu giảm khoảng 15 %. Vốn đăng ký đầu tư nước ngoài giảm gần 70 %.

Mức lạm phát cũng thuộc loại thấp nhất từ 10 năm qua : giá tiêu dùng trong hai tháng đầu năm tăng 3,6 %, thấp hơn cùng thời kỳ năm 1998 [3,8 %]. Giá đôla giảm 0,4 % từ đầu năm, và hầu như không còn chênh lệch giữa giá thị trường liên ngân hàng và giá chợ đen. So với thời điểm tháng 2.1998, trong khi giá tiêu dùng tăng 8,9 % thì giá đôla chỉ tăng 6,2 %, có nghĩa là đồng tiền Việt Nam đang tăng giá so với đồng đôla.

Mức lạm phát năm 1998 là 9,2 %, trong đó riêng giá lương thực tăng 21 %. Sau nhiều năm bị giảm liên tục, sức mua của nông dân có tăng đáng kể và góp phần khuấy động thị trường trong nước. Một số nhà phân tích còn cho rằng nếu tách yếu tố giá nông sản khỏi chỉ số tăng giá chung thì mặt bằng giá hầu như phẳng lặng, biểu hiện một tình trạng thiểu phát.

Dự báo về năm 1999, các nhà phân tích cho rằng giá lương thực và thực phẩm sẽ không thể tăng bằng mức năm trước và lạm phát do đó sẽ ở mức 6-7 % mà thôi. Tình hình này xảy ra sẽ bất lợi cho nông dân và sẽ ảnh hưởng xấu đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, nếu chính phủ không có biện pháp kích cầu. Mức lạm phát thấp của hai tháng đầu năm, do đó, không mấy gì đáng ngạc nhiên : nó phản ánh trước tiên một tình trạng cung lớn hơn cầu do sức mua của xã hội tiếp tục giảm sút.

[Thời báo kinh tế Sài Gòn 25.2 ; Tuổi Trẻ 25.2 ; Thanh Niên 26.2.99]

TIN NGẮN

* Chính phủ đã ra quyết định cấm nhập các loại xe (cả mới và cũ) dưới 12 chỗ ngồi, kể từ 1.1.1999, nhằm gỡ bớt khó khăn cho 11 công ty láp ráp xe hơi do nước ngoài đầu tư thành lập ở Việt Nam từ 1991 tới nay. Theo thứ trưởng bộ công nghiệp Nguyễn Xuân Chuẩn, thị trường Việt Nam hiện tại có sức tiêu thụ khoảng 35 000 chiếc xe mới, và nếu chia đều cho 11 công ty thì họ có thể yên tâm sản xuất, có lời.

* Một cuộc tổng điều tra dân số sẽ được tiến hành trên cả nước từ ngày 1.4 đến ngày 11.4.1999, mười năm sau cuộc điều tra lần trước. Một bảng điều tra gồm 41 câu hỏi trong đó có 9 câu hỏi về nhà ở sẽ được đặt ra tối từng hộ dân cư, kể cả người nước ngoài sống ở Việt Nam từ hơn 1 năm nay (trừ nhân sự ngoại giao). Riêng tại thành phố HCM, khách vãng lai sẽ phải trả lời thêm một bảng câu hỏi ngắn khác. Chi phí dự trù cho cuộc điều tra lên đến 72,5 tỉ đồng. Kết quả sơ bộ sẽ được công bố vào cuối năm nay, và kết quả toàn bộ vào giữa năm 2000.

* “Regret to inform”, một phim tài liệu của Barbara Sonneborn, về những phụ nữ Mỹ và Việt Nam (ở cả hai phía) có chồng, con tử trận trong chiến tranh, đã được chọn vào chung kết (nominated) ở giải Oscar năm nay. Barbara Sonneborn đã quay cuốn phim nhân kỷ niệm lần thứ 20 ngày chồng bà tử trận ở Việt Nam, và đã sang Việt Nam cùng với một người bạn Việt Nam làm thông dịch để tìm gặp những phụ nữ Việt Nam đồng cảnh và nói lên trong phim những cảnh ngộ của họ.

* Hơn 80 000 trường hợp buôn lậu hoặc buôn bán gian lận đã bị khám phá trong năm qua. Con số đã được công bố trong một buổi họp ngày 11.3 của uỷ ban chống buôn lậu của chính

phủ. Hàng hoá tịch thu được trong những vụ này trị giá hơn 1 ngàn tỷ đồng (khoảng 72,5 triệu đôla Mỹ).

* Chuẩn bị đăng cai tổ chức Á vận hội lần thứ 22 vào năm 2003, bắt đầu từ quý 2 năm tới Việt Nam sẽ khởi công xây dựng khu thể thao liên hợp quốc gia, gồm 11 công trình tại Hà Nội. Một khu đất 230 ha trong làng Mẽ Trì, huyện ngoại thành Từ Liêm, đã được dành đón các công trình này, bao gồm một sân bóng đá 40 000 chỗ ngồi, một nhà thi đấu 5 000 chỗ, 3 nhà khác 2000 chỗ, một tập hợp 10 sân quần vợt v.v...

* Chính phủ đang chuẩn bị một nghị định về việc tư hữu hóa các công ty quốc doanh nhỏ (trong đó nhà nước có vốn ít hơn 1 tỷ đồng - 72 000 đôla). Nghị định dự trù được thông qua trong quý hai năm nay. Khoảng 1500 trên tổng số gần 6000 công ty quốc doanh ở trong trường hợp này. Phương án đề ra

là bán đấu thầu các công ty này, với ưu tiên dành cho công nhân viên của công ty. (AP 2.3)

* Theo một điều tra trên 800 công ty vừa quốc doanh vừa tư doanh, do Phòng thương mại Việt Nam tiến hành, chỉ có 47 % có lãi trong năm qua (so với 65 % năm 1997), 48 % đã tăng sản xuất so với năm trước (số tương ứng năm 1997 : 81 %), và chỉ có 31 % đã tăng (trị giá ?) hàng xuất khẩu (70 % năm 97). Trong một cuộc gặp các doanh nghiệp đầu tháng 3, thủ tướng Phan Văn Khải nói rằng có ít nhất 30 % các công ty quốc doanh làm ăn thua lỗ.

* Theo Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, sau ba năm thực hiện luật khuyến khích đầu tư trong nước, thủ tục thành lập doanh nghiệp vẫn còn phải đi qua tới 32 khâu và cần 35 chữ ký, trong đó đặc biệt cấp phường rất phiền hà [trong

Đọc báo trong nước

Khi thủ tướng chống độc quyền của các tổng công ty nhà nước...

LTS : Theo những thống kê phổ biến tại hội nghị về mô hình tổng công ty nhà nước, được triệu tập đầu tháng 3 vừa qua tại Hà Nội, nhà nước Việt Nam hiện có 91 tổng công ty, sử dụng hơn một triệu người lao động và số vốn lên đến 58 500 tỉ đồng, với doanh thu là 154 000 tỉ đồng [50 % tổng doanh thu khu vực quốc doanh] và đóng góp ngân sách là 27 600 tỉ đồng [80 % tổng số đóng góp của khu vực quốc doanh]. Bản báo cáo hội nghị còn cho biết hầu hết những tổng công ty nhà nước đến nay chỉ có hình thức : bản thân tổng công ty chưa thực sự là một thể thống nhất để phát huy sức mạnh tổng hợp của các doanh nghiệp thành viên, mà chỉ là một tập hợp doanh nghiệp độc lập theo chiều ngang và lồng léo - có trường hợp những doanh nghiệp thành viên trong một tổng công ty cạnh tranh với nhau và gây thiệt hại cho lợi ích chung. Song, người đưa ra bản cáo trạng về các tổng công ty được chính phủ thành lập vào những năm 1990-1991 lại là chính thủ tướng Phan Văn Khải [ghi lại từ các báo Thanh Niên 3.3 ; Tuổi Trẻ 2.3 ; Lao Động 3.3 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 4.3.99]

Nhắc lại ý đồ ban đầu khi thành lập các tổng công ty nhà nước là hình thành những tập đoàn kinh tế mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thương trường quốc tế, thủ tướng thừa nhận : ‘*Tổng công ty nhà nước của ta trình độ còn lạc hậu so với các nước chung quanh. Cả vốn cố định lẫn vốn lưu động đều sinh lời rất thấp, năng suất lao động chỉ bằng 1/200 so với Nhật Bản và thấp hơn hàng chục lần so với các nước trong khu vực. [...] Bộ máy của chúng ta quá thừa người, ngành điện thừa người, hàng không thừa người, ngành than thừa người, gang thép thừa người, phân đạm thừa người... đúng đâu thừa đó, thì năng suất làm sao cho cao được*’. Thủ tướng nêu tiếp : ‘*Hiện nay giá đường của ta cao hơn các nước, giá xi-măng cũng cao hơn, giá thép cũng cao hơn... Tôi thấy rất ít sản phẩm thuộc lợi thế của chúng ta có thể cạnh tranh được. Về nông nghiệp thì giống chúng ta tồi hơn, công nghệ kém hơn*’. Ông Khải nhận xét : ‘*Chúng ta đã ký kết rồi, đã cam kết tự do thương mại rồi, nếu không vươn lên thì đến 2006 chúng ta chỉ có đi tiêu thụ*

hàng hóa rẻ hơn của các nước khác. [...] Tôi thấy hội nhập với nền kinh tế thế giới, có vẻ như chính phủ lo lắng hơn các doanh nghiệp’.

Thủ tướng cho rằng các doanh nghiệp nhà nước, nếu muốn giữ được vai trò chủ đạo, phải thể hiện nó qua hiệu quả kinh tế và qua đời sống công nhân tốt hơn các doanh nghiệp tư nhân. ‘*Từ năm 1999 trở đi, các tổng công ty nhà nước phải chấm dứt tình trạng làm ăn thua lỗ và nhà nước phải bù lỗ ; phải chấm dứt việc vay nợ, không trả được dẫn đến tình trạng khoanh nợ, biến nợ của doanh nghiệp thành nợ của nhà nước*’. Ông Khải còn nêu một thực tế khác là trong khi nhà nước dành nhiều ưu ái về cơ chế, chính sách cũng như chế độ bảo hộ cho các tổng công ty quốc doanh thì thu nhập của công nhân lại nhiều khi thấp hơn ở các doanh nghiệp tư nhân.

Nói đến thế độc quyền của các tổng công ty nhà nước, thủ tướng vạch rõ : ‘*Các tổng công ty lớn của chúng ta có thể nói là rất mạnh, như bưu chính viễn thông, điện, hàng không, dầu khí. Kinh tế tư nhân ở Việt Nam còn nhỏ bé đâu có khả năng chen chúc vào. Từ đó sinh ra độc quyền, mà độc quyền thì dẫn đến cửa quyền. Ngành điện trước đây dân tình kêu rất dữ, gần đây quốc hội có ý kiến, hội đồng nhân dân có ý kiến, cửa quyền có bớt đi, nhưng vẫn một mình một chợ. Bưu chính viễn thông cũng một mình một chợ, người nước ngoài kêu, dân trong nước cũng kêu giá cước cao quá, cho nước ngoài khác, cho Việt kiều cũng khác*’. Ông Khải khẳng định : ‘*Độc quyền sẽ làm cho những nhân tố tích cực, những người làm ăn giỏi không ngóc đầu dậy được*’. Ông kết luận : ‘*Cần phải chống độc quyền để làm ăn có hiệu quả cao nhất, tạo cạnh tranh để hàng hóa, dịch vụ rẻ nhất, tốt nhất*’.

Những phát biểu của ông Phan Văn Khải càng làm nổi bật sự nhàn nhã, nước đôi trong lập trường của chính phủ : tuyên bố chống sự độc quyền của các tổng công ty nhà nước đồng thời khẳng định sự cần thiết của độc quyền nhà nước đối với một số lĩnh vực kinh tế ; hay một mặt thì phê phán hiện trạng các tổng công ty nhà nước, mặt khác thì duy trì mô hình tổng công ty tập hợp doanh nghiệp quốc doanh theo chiều ngang.

khi luật và nghị định thi hành không ghi chức năng của phường]. Ngoài ra, hiện nay Việt Nam có 150 loại giấy phép hành nghề, khi hết hạn, phải làm thủ tục xin trở lại, chớ không được gia hạn.

* Theo Liên minh hợp tác xã, đồng bằng sông Cửu Long hiện có hơn 230 hợp tác xã kiểu mới, thành lập sau luật hợp tác xã 1997 và xuất phát hầu hết từ những câu lạc bộ khuyến nông và hội làm vườn. Bên cạnh những hợp tác xã sản xuất còn có những hợp tác xã dịch vụ phụ trợ như : bơm nước, làm đất, máy kéo, máy suối, cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn gia súc. Ở An Giang, nơi hợp tác xã phát triển mạnh nhất, bình quân mỗi cổ phần chia lãi từ 5 đến 10 % mỗi tháng.

* Nhằm đẩy mạnh tiến độ đưa điện về nông thôn, chính phủ vừa có quyết định cho tư nhân đầu tư và kinh doanh lưới điện hạ thế ở nông thôn, theo phương thức bỏ vốn xây dựng lưới hạ thế, mua điện năng của Tổng công ty điện lực và bán lẻ cho các hộ sử dụng theo giá được nhà nước chấp thuận. Được biết hiện nay còn đến 5 % các huyện và 15 % các xã chưa được nối vào mạng lưới điện quốc gia.

* Theo bộ khoa học, công nghệ và môi trường, Việt Nam hiện có trên 501 xí nghiệp bị đưa vào danh sách đen ô nhiễm môi trường, và 80 bãi rác xếp vào loại không kiểm soát. Thêm vào đó, Việt Nam có 1280 cơ sở y tế xả nước thải và chất thải rắn chưa xử lý, và hàng chục kho hóa chất với hàng ngàn thùng hóa chất CS do chiến tranh hóa học của Mỹ để lại.

* Cơ quan công an Hà Nội đã phát hiện một đường dây làm hồ sơ giả đưa người vào học viện ngân hàng với giá từ 200 đến 1500 USD. Trong năm 1998, có đến 194 học viên đã sử dụng hồ sơ giả này để nhập học hệ cao cấp nghiệp vụ ngân hàng.

* Theo bảng xếp hạng bóng đá thế giới tháng 2 của FIFA, bóng đá Việt Nam đã nhảy được ba bậc, từ hạng 111 lên 108, sau khi đạt hạng ba ở cúp Dunhill 99. Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam xếp hạng thứ 3 sau Thái Lan [68] và Singapore [95].

* Công ty Copyrico, công ty dịch vụ đầu tiên ở Việt Nam chuyên tư vấn về các vấn đề bảo hộ bản quyền đã chính thức hoạt động với các đại lý ở TP HCM, Hà Nội và Đà Nẵng. Công ty dự định sẽ mở thêm đại lý ở khoảng 20 tỉnh, thành khác trong năm nay. Bước đầu, công ty đã ký được hợp đồng với các nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, Thanh Tùng, Trần Tiến...

* Theo một nguồn tin từ quốc hội, Việt Nam có dự án sửa đổi Luật hình sự để bớt số tội danh có án tối đa là tử hình, từ 44 hiện nay xuống còn khoảng 30. Chủ yếu các tội danh được bỏ án tử hình là các tội kinh tế. Nguồn tin không cho biết liệu dự án này có được thông qua kịp hay không cho vụ Tân Trường Sanh bắt đầu xử vào cuối tháng 3.

* Việt Nam vừa công bố pháp lệnh du lịch, quy định các ngành nghề liên quan và những điều kiện để kinh doanh các ngành đó. Và thành lập một Ban chỉ đạo nhà nước về du lịch do phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm làm trưởng ban. Du lịch Việt Nam sau nhiều năm phát triển mạnh, đã bị chững lại đáng kể do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trong vùng.

Việt Nam & Vatican (tiếp theo trang 1)

biểu, song sự thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam & Vatican là một việc tất yếu “ *hai bên cùng có lợi* ”. Giáo hội Roma không thể kéo dài sự vắng mặt tại một nước mà Tin Mừng đã được rao giảng từ hơn 400 năm, có nhiều tín đồ nhất châu Á lục địa (không kể Philipin), nhất là sau khi sự có mặt nửa vời của mình ở Sài Gòn đã có thời quá gắn liền với một chế độ độc tài nhuộm màu Công giáo, và đã chấm dứt với sự ra đi không mấy vinh quang của khâm mạng Henri Lemaitre (năm 1975). Về phía chính quyền Việt Nam, lập quan hệ với Toà thánh Công giáo nằm trong đường lối đối ngoại đa phương và phản nào tạo ra hình ảnh một chế độ ít nhiêu tôn trọng tín ngưỡng, ít nhất cũng hơn ông láng giềng khổng lồ phương Bắc, và trước mắt, giảm nhẹ ám hưởng tiêu cực của bản báo cáo nghiêm khắc mà ông Abdelfattah Amor, điều tra viên của Liên hiệp quốc về sự bất dung tín ngưỡng vừa đệ trình Uỷ ban Nhân quyền của LHQ (Reuter, 16.3).

Vượt lên hẳn quyền lợi thế tục của hai bộ máy nhà nước, việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Vatican sẽ là một nhân tố tích cực trong đời sống tinh thần không những của cộng đồng giáo dân, mà của toàn thể cộng đồng dân tộc giữa lúc đất nước này đang đứng giữa ngã ba đường lịch sử. Toàn xã hội đang trải qua một cuộc khủng hoảng sâu xa, đỗ dẫm tìm lại những giá trị tinh thần truyền thống và kiềm tim những giá trị nhân bản phổ quát khả dĩ cho phép mình hòa mình cùng nhân loại chuẩn bị bước sang thiên kỷ mới. Mỗi giá trị nhân bản và khai phóng là một chỗ dựa tinh thần cho một xã hội đang đi tìm chính mình, nhất là trong lúc không ít người, thuộc mọi lứa tuổi, thành phần, đẳng cấp đang lẩn lộn tín ngưỡng và dị đoan, đua nhau mua sắm vàng mã cúng bái thần linh cũng như họ mang cây mang đồ hối lộ cán bộ (hay... ăn hối lộ của người dân).

Quan hệ Việt Nam & Vatican tất nhiên sẽ không phải là mối quan hệ ngoại giao giữa hai nhà nước bình thường. Cho nên cũng cần làm sáng tỏ một số dữ kiện cơ bản để đi tới kiến lập mối bang giao bình thường và lâu bền, thực sự “ *dẹp đao tốt đời* ”.

Về phía nhà nước Việt Nam, hay nói cho chính xác, về phía Đảng cộng sản Việt Nam, cần trở lớn nhất, cơ bản nhất, là quan niệm về tôn giáo. Nghịch lý thương tâm của ĐCSVN là nhiều thế hệ đảng viên, khởi đi từ lòng yêu nước nồng nàn và quyết tâm đấu tranh cho độc lập, thống nhất, đã tin tưởng vào một chủ nghĩa Mác-Lê mệnh danh là “ khoa học ” với tất cả xác tín của những tân tòng, mà nhận thức về tín ngưỡng lại hết sức thô thiển, thậm chí thô bạo. Tôn giáo thường bị đồng hoá, về mặt tinh thần, với mê tín dị đoan, văn hoa một chút thì nói “ *thuốc phiện của nhân dân* ” (người ta chỉ tụng niệm *mẫu câu* đó của K. Marx, không hề biết tiếp theo đó, K. Marx nói gì nữa ; và những người quen miệng chống lại “ cộng sản vô thần ” lại càng như thế !). Về mặt chính trị, tôn giáo (đặc biệt Công giáo) bị gắn với với thực dân đế quốc. Về mặt tổ chức, một thực thể ở ngoài vòng kiểm soát của nền chuyên chính, vậy là đáng ngờ, là thù nghịch... Với một quan niệm sơ sài như vậy, dễ hiểu là khi lâm vào khủng hoảng, khi ngọn lửa niềm tin cách mạng đã tàn lụi, không ít đảng viên đã và đang đặt lòng tin vào những mê tín mới (cũ thì đúng hơn). Có gì tội nghiệp hơn là việc người ta tưởng đã tìm lại được hài cốt của

ông Trần Phú, tổng bí thư đầu tiên của ĐCS, bằng... thân giao cách cảm ⁽¹⁾ !!!

Với tư cách một bộ máy cầm quyền, ĐCS Việt Nam, cũng như các đảng anh em khác ở các nước xã hội chủ nghĩa (còn hay mất), đã trải qua nhiều giai đoạn bạo liệt : sinh thành trong niềm tin mặc khải, đương đầu với những chính quyền tàn bạo, cầm quyền bằng chủ nghĩa toàn trị, tuyệt đối, dập tắt mọi xu hướng dị đạo, phản thệ bằng những phương pháp của toà án *Inquisition*, rồi ly giáo, rồi đổi mới theo kiểu Công đồng... tất cả những thử thách ghê gớm ấy dồn dập trong vòng từ một nửa đến ba phần tư thế kỷ, trong khi Giáo hội Công giáo đã có thời gian 30, 40 lần dài hơn để xử lý và tiêu hoá và khắc phục. Hơn cả mọi bộ máy quyền lực khác, Vatican có kinh nghiệm và khả năng thông hiểu bi kịch đó của các chính quyền cộng sản và hậu cộng sản. Một trong những kinh nghiệm sinh tử hai nghìn năm của giáo hội Roma thật ra không có gì mới : biết trả cái gì của César cho César. Phiên dịch sang ngôn ngữ chính quyền, phương châm ấy có thể diễn giải như sau : Đảng cộng sản nên trả những gì của xã hội công dân cho xã hội công dân. Như vậy, chính quyền Việt Nam mới thực sự có thể xây dựng một quan niệm tiến bộ về tín ngưỡng và tôn giáo, và một công đội việc, giải thoát cho học thuyết của K. Marx cái lớp sơn tôn giáo mà nó phải chịu đựng suốt mấy chục năm qua.

Về phía Giáo hội Roma, nếu được nói huých toẹt trong tinh thần xây dựng, thì xin tóm tắt chướng ngại cần phải vượt qua vào một công thức : *hội chứng Ba Lan + não trạng “Hổ Nai”*.

Mọi người đều biết vai trò quan trọng của giáo hoàng Jean-Paul II trong sự sụp đổ của chế độ cộng sản Ba Lan, và một phần nào đó, trong sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu cách đây 10 năm. Không ít người đã cương điệu hoá vai trò này, làm như sự suy tàn của khối Đông Âu là công nghiệp của cặp bài trùng Jean-Paul II & Ronald Reagan (một lối huênh hoang mà nạn nhân, mỉa mai thay, có cả trong bộ máy an ninh và tuyên huấn ở Việt Nam), chứ không phải, chủ yếu và cơ bản, do chính những căn bệnh trầm kha của “ chủ nghĩa xã hội ” hiện thực. Song, không thể chối cãi một dữ kiện lịch sử cơ bản : ở Ba Lan, nơi tuyệt đại đa số nhân dân theo đạo, ngọn cờ độc lập dân tộc đã nằm trong tay Giáo hội Công giáo từ nhiều thế kỷ, khi quốc gia Ba Lan luôn luôn bị hai đế quốc Phổ và Nga chèn ép, xâm lấn, tranh giành. Và thảm kịch ấy đã lên tới tận đỉnh trong cuộc Thế chiến II, từ đó Giáo hội càng trở thành chỗ dựa tinh thần cho dân tộc Ba Lan. Sức mạnh ấy của Giáo hội là sức mạnh tinh thần, không đo bằng con số sư đoàn như Stalin đã từng muốn đo đếm một cách xynic, nhưng trong những hoàn cảnh nhất định, nó trở thành một sức mạnh vật chất vô cùng to lớn. Trong một phạm vi nào đó, giáo hoàng Jean-Paul II đã là hiện thân của sức mạnh tinh thần ấy (điều này không loại trừ bản lĩnh chính trị cao cường của ông).

Song, có lẽ cũng chính vì vậy mà sau khi chế độ cộng sản Ba Lan sụp đổ và Ba Lan thoát khỏi vòng cương toả của Liên Xô, giáo hội Ba Lan đã mắc phải bệnh kiêu căng tự mãn mà ông Lê Duẩn đã sa vào trước đó 15 năm ở Việt Nam. Và xét toàn bộ các chủ trương chính trị và giáo lý của Jean-Paul II trong 10 năm qua, người ta không thể không tự hỏi : phải chăng nhà lãnh đạo tinh thần kiệt xuất này có xu hướng nhìn đời qua lăng kính Ba Lan ? Ở Ba Lan, sau mấy chục năm lạm

dụng nạo thai, người ta có thể phản ứng ngược lại, và sẵn sàng muốn cấm luôn cả mọi phương pháp tránh thụ thai, thu hẹp vai trò của người phụ nữ vào chức năng người vợ và bà mẹ, không hề biết hai mươi năm qua, phong trào nữ quyền đã lay chuyển các xã hội phương Tây tới mức nào, chẳng hề hay biết thảm cảnh của hàng tỷ phụ nữ ở Thế giới thứ ba hiện nay là gì. Ở Ba Lan, người ta có thể vì chán ngấy tuyên truyền của chế độ cũ mà giận luôn cả tổng thống Salvador Allende và đồng hoá chính quyền Liên hiệp Nhân dân đầu thập niên 1970 với chế độ cũ ở Ba Lan. Và trong cuộc khủng hoảng kinh tế, mò mẫm tìm đường, người ta có thể tò mò tìm hiểu, thậm chí mơ tưởng áp dụng “ mô hình kinh tế Chile ” của chế độ quân phiệt. Song từ đó mà ký tặng ảnh cho vợ chồng Pinochet nhân dịp kỷ niệm 50 lễ cưới của họ, thì không nhất thiết phải là người Công giáo Chile có chồng con hay linh mục đã bị tra tấn hay mất tích, người ta cũng có thể đặt nghi vấn về sự minh mẫn hiện nay của giáo hoàng.

Trong nhận thức của Vatican về Việt Nam, người ta không thể không quan ngại khi biết rằng trong giới thân cận của Jean-Paul II, có những “ monsignore ” người Việt, mà quá khứ Bùi Chu & Phát Diệm ⁽²⁾ khó có thể mang lại cho giáo hoàng một tâm nhìn đủ cao và hiểu biết đủ sâu về một đất nước mà độc lập và toàn vẹn lãnh thổ cũng phải trả bằng bao nhiêu mạng sống và thương đau như ở Ba Lan, chỉ khác chăng, là ở Việt Nam thế kỷ XX, ngọn cờ dân tộc không ở trong tay giáo hội mà ở trong tay đảng cộng sản.

Hội chứng Ba Lan và não trạng “ Hổ Nai ” ⁽²⁾ không nhất thiết đã đè nặng lên chính sách về Việt Nam của Vatican đến mức không thể nào sửa đổi. Giáo hội Roma, từ sau Công đồng Vatican II, đã chứng tỏ khả năng tự nhận thức và ý muốn bắt kịp những xu thế đương đại của nhân loại. Bản thân giáo hoàng Jean-Paul II, mặc dù đã nặng tay trong nội bộ với mọi trào lưu thần học giải phóng ở châu Mỹ Latinh, châu Âu và châu Á, đã nhân danh toàn bộ hội thánh mà chân thành sám hối đối với các dân tộc chủ nhân đầu tiên của châu Mỹ, với dân tộc Do Thái... cũng như, muộn còn hơn không, đã xoá bỏ bản án vô đạo đối với Galileo Galilei cách đây 300 năm.

Tại sao chúng ta lại loại trừ một *phép lạ* mới : trước thêm năm 2000, giám mục thành Roma nói lên tiếng nói phản tỉnh của giáo hội về những sai lầm quá khứ ở Việt Nam trong thời kỳ thuộc địa, trong đó, có việc ngăn cấm linh mục Việt Nam tham gia kháng chiến (1951) ? Như vậy, giáo hoàng sẽ làm một nghĩa vụ đối với chân lý, đồng thời giải toả mọi thắc mắc về hậu ý (thực hay ảo) chung quanh việc phong thánh năm xưa, để cho các vị thánh và á thánh được mọi người Việt Nam, bất luận tín ngưỡng, có thể an nhiên nhìn nhận và kính phục như những đồng bào đã bỏ mình vì trung thành với những giá trị tinh thần. Bởi vì những giá trị tinh thần của Thiên chúa giáo, di sản chung của nhân loại, từ mấy thế kỷ nay, đã trở thành một bộ phận của truyền thống tinh thần Việt Nam, bên cạnh Phật giáo và những giá trị văn hoá, tinh thần khác.

Phong Quang

(1) Xem phần Tin trong *Diễn Đàn* số 83 (trang 7).

(2) Những chữ “ Bùi Chu & Phát Diệm ” và “ Hổ Nai ” dùng ở đây hoàn toàn không có ý “ vơ đưa cả nấm ” tất cả đồng bào Công giáo đang hay đã từng ở các xứ đạo này. Trong ngôn ngữ Việt Nam phổ thông, chúng ám chỉ xu hướng cực đoan, “ toàn thống chủ nghĩa ” (*in tégristes*), chống cộng “ đến chiêu ”.

Nguyễn Thanh Giang

Sao lại khai trừ nhà cách mạng trung kiên Trần Độ ?

Ngày 4 tháng 3 vừa qua, ông Nguyễn Thanh Giang đã bị bắt ngoài đường phố Hà Nội. Theo những nguồn tin riêng, công an đã bắt nhà địa vật lý học trên đường ông đi tới nhà bưu điện để giải những bài viết của mình cho ba người bạn Đà Lạt (Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu và Tiêu Dao Bảo Cự). Khám nhà và máy tính điện tử, có bản sao e-mail trao đổi với mạng internet ở nước ngoài. Thế là ông Giang bị bắt giam với tội danh “tán phát tài liệu chống đối chế độ”. Khi các hãng thông tấn nước ngoài đưa tin và Bộ ngoại giao Mỹ lên tiếng đòi trả tự do cho ông, thì bà phát ngôn của Bộ ngoại giao ở Hà Nội lên án Hoa Kỳ đã “can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của Việt Nam”.

Nguyễn Thanh Giang là nhà nghiên cứu về vật lý học địa cầu, nguyên uỷ viên ban chấp hành Hội địa vật lý Việt Nam. Trong những năm qua, ông đã viết nhiều bài góp ý kiến về dân chủ hoá đời sống chính trị Việt Nam với lời lẽ ôn hoà, dí dỏm. Nhà cầm quyền đã đáp ứng bằng những phương pháp đa dạng : họp “mặt trận phường” để dàn cảnh một cuộc “mini đấu tố”, ném đá giấu tay (nói là “nhân dân phản nộ ném đá vào nhà ông đấy”), khi ông vào nam thì tạm giữ rồi mời về bắc...

Tiếp theo việc khai trừ tướng Trần Độ, việc bắt giam Nguyễn Thanh Giang chứng tỏ nhà cầm quyền, bắt chấp công luận, tiếp tục vi phạm quyền tự do tư tưởng và ngôn luận.Thêm một lý do để dư luận quốc tế đòi hỏi chính phủ Việt Nam phải trả ngay tự do cho ông Nguyễn Thanh Giang và mọi tù nhân lương tâm.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu hai bài viết của Nguyễn Thanh Giang và Lữ Phương về việc khai trừ Trần Độ. Bài viết của ông Giang, theo chúng tôi biết, là bài văn cuối cùng ông viết trước khi bị bắt giam.

Nhà cách mạng lão thành Trần Độ, một trong những trí tuệ cao cả, một tấm lòng trung kiên của đảng Cộng Sản Việt Nam – sẽ bị chính thức khai trừ, có phải không ? Lý do khai trừ sẽ được ghi như thế nào trong quyết định và trong thông báo với toàn thể đảng viên ?

Ở *Đối lời phát biểu nhân quyết định khai trừ*, ông Trần Độ viết : “ Chiều ngày 4 tháng 1 năm 1999, chi bộ Vụ Văn Hóa Giáo Dục đã quyết định khai trừ Trần Độ vì đã có lỗi phản phát các bài viết của mình, và để lột ra các hằng thông tấn quốc tế những bài viết đó.”

Tôi vừa tin, vừa không tin điều này. Tin rằng Trần Độ nói thật, vì ông vốn là người trung trinh, tiết tháo. Không tin vì cái lý do ấy nó trái lẽ đời quá !

Làm sao mà việc phân phát các bài viết, việc phát biểu ý kiến cá nhân, việc truyền bá tư tưởng lại bị xem là tội lỗi, trong khi Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân Quyền lại ghi “ *Mỗi người đều có quyền tự do có ý kiến và phát biểu : quyền này cho phép bất cứ ai đều không phải lo ngại về những ý kiến của mình. Nó bao gồm cả quyền tìm kiếm, thu nhận và truyền bá các thông tin và các ý tưởng, bất chấp biên giới, bằng bất cứ phương tiện nào* ” (Điều 19). Trong khi Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị còn khẳng định rõ hơn :

“ *Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp vào. Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận : quyền này bao gồm cả quyền tự do tìm kiếm, thu nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý tưởng, không phân biệt ranh giới, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng bản viết, bản in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật, hoặc thông qua bất kỳ một phương tiện nào khác tùy sự lựa chọn của họ.* ” (Điều 19). Lưu ý rằng, cả hai văn kiện này đều đã được Việt Nam chấp thuận và công khai cam kết thực hiện. Nó được phản ánh một phần trong Hiến pháp CHXHCNVN 1992 : “ *Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí ; có quyền được thông tin ; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật* ” (Điều 69).

Có ai muốn nguy biện rằng đảng viên phải khác, phải chịu ràng buộc bởi những quy ước nghiêm chỉnh hơn, khắt khe hơn không ? Vâng, kỷ luật có thể cao hơn, quy định có thể chặt chẽ hơn, nhưng dứt khoát không thể quá đà với nhân loại, với dân tộc. Bởi vì Đảng không thể đứng trên dân tộc, đứng ngoài dân tộc. Công dân có thể không là đảng viên, nhưng đảng viên không thể không là công dân, phải tuân thủ mọi cam kết, thực hiện mọi nghĩa vụ và được hưởng mọi quyền lợi của một công dân. Vả chăng, chính Điều lệ Đảng mà Đại hội 8 đã thông qua ngày 1 tháng 7 năm 1996 cũng đã xác nhận đảng viên có quyền : “ *Được thông tin và thảo luận các vấn đề về cương lĩnh chính trị, điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, biểu quyết công việc của Đảng.* ”

Không được ngăn cấm việc phát biểu ý kiến, truyền bá tư tưởng mà chỉ có thể xem xét để bắt lỗi thông qua nội dung các ý kiến, các tư tưởng đó. Nói khác, nghĩ khác, thậm chí ngược hẳn 180 độ với bất kỳ ai cũng không thể được xem là có tội. Huống chi, những ý kiến của Trần Độ chưa hề được thảo luận công khai, nghiêm túc. Tôi chưa được đọc, được nghe những ý kiến bàn luận, phê phán Trần Độ một cách có lý, có tình, đủ sức thuyết phục mà chỉ được biết một nhận xét tổng quan gần đây hết sức xác đáng của ông Hoàng Hữu Nhân về ông Trần Độ : “ *Qua nỗi lo lắng và những hoạt động của Trần Độ trong những năm hưu trí, càng thấy rõ anh Trần Độ là một đảng viên cộng sản gương mẫu, suốt đời lo làm tròn nghĩa vụ với Tổ quốc, dân tộc thân yêu, là tấm gương về các mặt : học tập nghiên cứu, hiểu biết rộng, nắm vững tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, liên hệ chặt lý luận với thực tiễn, tác phong giản dị, chân thật, cởi mở, dễ hòa vào mọi người và rất có nhân cách.* ”

Lão tướng Trần Độ tuyệt nhiên không tự mãn, huyễn hoặc khi ông tuyên bố : “ *Tôi đã là đảng viên 58 năm (1940-1998).* ”

Tôi không có gì án hận trong 58 năm đó. Đối với tôi, như thế cũng là đủ cho tôi báo đền Tổ quốc và dân tộc, và tôi cũng đã được đền bù xứng đáng... Tôi vào Đảng là để tự nguyện phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc". Đối với một con người như vậy ta hoàn toàn tin được khi ông hứa : " *Tôi không ở trong Đảng nữa, nhưng tôi vẫn là một công dân có trách nhiệm. Tôi nguyện vẫn vì Tổ quốc, vì nhân dân ; vẫn suy nghĩ và sống với tất cả tâm lực của mình. Tôi kiên trì những ý kiến mà tôi đã phát biểu trong các bài viết và sẵn sàng đón nhận những lời phán xét của công luận.*"

Tôi đồng tình và tin vào những đánh giá của ông Hoàng Hữu Nhân đối với ông Trần Đệ không chỉ vì biết ông Hoàng Hữu Nhân đã từng tham gia hoạt động cách mạng gần chục năm trước thời kỳ dẫn đến Cách mạng tháng Tám (1936), đã từng được tặng huân chương Hồ Chí Minh mà còn vì ông đã đọc với một trí tuệ thật minh mẫn, với ý thức trách nhiệm rất cao tất cả các bài viết của Trần Đệ. Trong khi đó, đáng tiếc là tuyệt đại đa số quần chúng và đảng viên đều chưa hoặc không có điều kiện đọc các bài viết đó. Với tình trạng ngần ngại, bưng bít như thế này, không biết những người tham gia bỏ phiếu khai trừ cũng đã được đọc Trần Đệ một cách đầy đủ, nghiêm túc chưa ?

Tôi tán thưởng những nhận xét đánh giá của ông Hoàng Hữu Nhân còn vì chẳng những tôi đã đọc Trần Đệ rất kỹ mà từng có nhiều dịp tiếp xúc trực tiếp với ông. Tôi thấy ông rất ung dung tự tại, biết quý trẻ, nhường già và đặc biệt tôn trọng trí thức. Lòng tự trọng xui tôi thường không chịu vị nê quá mức bất kỳ chính kiến nào, bất kỳ đối tượng giao tiếp nào, tuy nhiên đàm đạo với ông, tôi vẫn như có ấn tượng ông đáng bậc cha chú mình.

Sao lại có thể quy tội ông " *để lọt ra các hằng thông tấn quốc tế những bài viết* " ? Chắc chắn những người biết tôn trọng lẽ phải, tôn trọng luật pháp và từng đã đọc những điều khoản nêu trên trong các Công ước quốc tế, trong Hiến pháp nước ta, trong điều lệ đảng Cộng Sản Việt Nam đều thấy việc quy tội đó không thoả đáng. Vả chăng, thật là bất công, thật là vô lý khi xử lý trường hợp Trần Đệ mà lại cố tình làm ngơ nhiều trường hợp rất tệ hại khác.

Ai cũng biết cách đây vài năm tất cả các đài phương Tây đều điểm rất kỹ bức thư của nguyên Uỷ viên Bộ chính trị, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt với nhiều luận điểm khác xa cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Vậy mà có ai sao đâu, ngoại trừ mấy ông Lê Hồng Hà, Hà Sỹ Phu, Nguyễn Kiến Giang bị vạ lây. Cách đây ít lâu báo chí và các đài phương Tây lại cũng vừa đăng tải một bài viết ký tên tác giả là TA, bêu riếu thậm tệ rất nhiều cán bộ thượng cấp trong Trung ương, trong Bộ chính trị của Đảng. Bài viết nặc danh, nhưng mặc dầu thế, tác hại của nó vẫn hết sức lớn, lớn hơn nhiều những hoạt động " *Diễn biến hòa bình* " của thế lực bên ngoài chứ. Vậy mà sao người ta cũng lờ đi trong khi việc truy lùng tác giả nặc danh chắc không khó khăn quá mức, việc xác định tính đúng đắn của một số chi tiết nêu trong bài cũng hoàn toàn có thể, vì một số nhân chứng sống liên quan đã được chỉ ra ngay trong bài viết, và hiện đang sống tại Hà Nội. Quá tệ, cựu Uỷ viên Trung ương Đảng - Phó Thủ tướng Trần Quỳnh còn ngang nhiên tán phát rộng rãi trong và ngoài nước tập hồi ký xuyên tạc lịch sử Đảng, bôi bác đến mức hạ nhục cả các bậc lão thành : Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và... ngay cả

Bác Hồ ! Vậy mà người ta cũng lại lờ đi. Hiện thời, đâu đó lại vừa cho tán phát bừa bãi một tập tài liệu cực kỳ nguy hại, chĩa thẳng mũi nhọn vào Cố vấn Võ Văn Kiệt cùng các đương kim Uỷ viên Bộ chính trị : Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Minh Triết... buộc tội phá Đảng, phản bội Tổ quốc cho các đồng chí này. Hậu quả có thể sẽ dẫn tới là sự phân liệt tan hoang, sự thanh trừng đau đớn. Vậy mà, người ta lại vẫn cứ làm ngơ để chỉ tập trung xử lý Trần Đệ một cách sai trái !

Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

Hỡi tất cả những lương tri, những tâm huyết, những tấc lòng còn chút ưu tư với đất nước, với dân tộc ! Sao không biết chia sẻ nỗi đau cùng Trần Đệ. Cái nỗi đau " *Tôi không ngờ rằng những ước mơ "xây dựng xã hội tốt đẹp" thuở ban đầu lại biến thành hiện thực chua chát ngày nay. Một xã hội với một bộ máy cai trị đồ sộ rất nhiều bệnh hoạn và tệ nạn... Tôi cũng không ngờ ý kiến khác nhau lại thành ra thù địch.*"

Cái nỗi đau khi phải thừa nhận rằng : " *Cái Đảng này hiện nay, với tất cả thực trạng của nó, đã khác rất xa Đảng của những năm 40, 50, 60. Vì vậy, nó hầu như không còn là Đảng của tôi nữa.*" Vậy mà ông vẫn bần thần lưu luyến, vẫn không mong muôn rời bỏ nó. Ông có thể bình thản ra đi xuống天堂, đài cung chưa nguôi được ! Bởi vì, trong cái cuộc tình 58 năm ấy, ông đã có mối tình đầu cuồng nhiệt sấm sét, ông đã đi với nó qua khổ ái, lao lung, qua tù đầy, gươm súng ông đã chung thủy với nó ngay cả khi nó đã tha hoá, chẳng còn như xưa... Và, đến bây giờ, nó phụ bạc ông !

Tôi thấy Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã từng tỏ ra có thuỷ có chung, có nghĩa có tình, biết trên dưới khi mới Tết này ông còn đến thăm trường cũ : mới tháng Mười Một 1998 ông còn đàm đạo thân ái, còn chân tình lắng nghe lão tướng Trần Đệ. Vậy mà !... sự quá lời nào, sự hiểu nhầm nào, sức ép tàn bạo của thế lực đen tối nào đã đột ngột cưỡng bức dẫn đến hậu quả tai hại này ?

Tôi không nghĩ đây là hậu quả tai hại đối với Tướng Trần Đệ, bởi vì, cũng như ông, tôi tin rằng " *Lịch sử sẽ phán xét. Tương lai có thể xa, nhưng có thể sẽ rất gần. Tôi vững tin vào sự công minh của lịch sử, vào nhân dân, đất nước tôi.*"

Trong lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam, cũng như đảng Cộng Sản Trung Quốc, việc khai trừ những đảng viên ưu tú, kiệt xuất diễn ra đã nhiều. Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ... đều từng đã bị khai trừ. Nếu tôi nhớ không nhầm thì chính Đặng Tiểu Bình cũng từng bị khai trừ tới bốn lần. Vậy mà, người đảng viên sáng danh nhất đối với đảng Cộng Sản Trung Quốc ngày nay lại là Đặng Tiểu Bình, chứ không phải những người đã bỏ phiếu và những người đã quyết định khai trừ ông.

Như mấy vần thơ hiếm hoi trong bài bút ký mới đây của Trần Đệ :

*Những mơ xóa ác ở trên đời
Ta phó thân ta với đất trời*

Vâng, ông đã phó thác cả tuổi trẻ sung mãn ngày xưa, cả tuổi già tật nguyền ngày nay cho ước mơ trong sáng đó vì nhân dân, vì đất nước. Một ký giả nước ngoài đã vinh danh ông là " *người cầm đuốc trong đêm* ". Tôi thấy ông đang nâng cao trái tim Dankô rực cháy của mình, góp phần soi đường cho đất nước, cho dân tộc, vượt qua bão lầy, tiến trên con đường sáng.

Nguyễn Thanh Giang

Thư gửi Trần Độ

Lữ Phương

Anh Trần Độ kính mến,

Tôi đã đọc được bài bút ký mới của anh (*Một cái nhìn trở lại*) và biết rằng anh vừa bị khai trừ khỏi Đảng. Tôi không biết hiện nay anh vui hay anh buồn, nên không biết nói gì hơn là gửi đến anh mỗi cảm thông sâu sắc đối với công việc mà anh đang làm và đang phải gánh chịu về hậu quả của những việc làm ấy.

Đối với thế hệ chúng tôi, anh không phải chỉ là một đàn anh mà còn là một cung cách ứng xử. Và hơn nữa, lại là biểu tượng của sự giằng xé có tính chất bi kịch của một sự chọn lựa bất toàn. Những suy tưởng của anh hôm nay, dù đúng hay sai thế nào đi nữa, cũng sẽ giúp đỡ chúng tôi thật nhiều vì tính chất trung thực của chúng.

Anh không phải là một đảng viên bình thường vì anh đã thuộc vào thế hệ những người cộng sản đã khuôn nắn nén bộ mặt của đất nước ngày nay. Trước những việc làm đã qua, anh chẳng có gì để ân hận. Đối với những ai đã gần gũi anh thì điều đó là hoàn toàn dễ hiểu : anh nói, Đảng không “ chỉ là một lực lượng tàn bạo, chỉ có đòn áp và làm hại nhân dân ”, và anh cho rằng chỉ có “ những đầu óc thù địch thiên lệch ” mới nghĩ như vậy. Anh nói như vậy không phải để “ chống chế ” cho một thế lực nào cả mà chỉ vì anh xác tín đó là sự thật, và để khẳng định sự thật ấy anh đã phải bỏ ra cả một cuộc đời tranh đấu và hy sinh. Cách phát biểu đó hiện nay có thể sẽ gây ra những phản ứng khác nhau đến từ nhiều phía. Nhưng đối với anh, nó lại hết sức đơn giản : nó là một “ tri nghiệm ” hiển nhiên và thực tế, chẳng cần phải biện luận xa vời.

Anh gia nhập Đảng vào cái thời mà Đảng chưa hề có xôi thịt để chia : nếu có một cái gì đó có ý nghĩa mà Đảng cho anh thì đó là cái lý tưởng cực kỳ tươi đẹp để anh đi vào tù đày và chết chóc thôi. Anh có bảo vệ Đảng thì cũng chỉ bảo vệ cái lý tưởng đã trả bằng máu ấy. Chính là với lý tưởng ấy, thái độ của anh là nhất quán trước sau : trước đây Đảng có một thời đẹp đẽ thì bây giờ anh muốn Đảng giữ gìn mãi mãi điều đẹp đẽ ấy. Vì nó anh khẳng định cái tốt có thực của Đảng trong thời kỳ tranh đấu thì cũng vì nó anh nhìn ra những sai lầm nghiêm trọng của Đảng trong thời kỳ xây dựng hòa bình. Việc anh lên tiếng phê phán Đảng và yêu cầu Đảng phải thay đổi đường lối và phương thức hoạt động để lãnh đạo dân tộc trong tình hình mới cũng hoàn toàn lôgich.

Xét về mặt ý hướng anh vẫn là chính thống : anh vẫn tin rằng dưới chế độ một đảng theo mô thức cộng sản, người ta vẫn có thể xây dựng nên một nhà nước dân chủ, “ của dân, do dân, vì dân ”. Vấn đề còn lại chỉ là góp ý với Đảng để Đảng làm tốt hơn điều đó. Nhiều người đã sử dụng phương thức “ điêu trân miệng ”, nói hết những suy nghĩ với những người lãnh đạo cao nhất của Đảng nhưng không công bố. Nhiều người khác đã bộc lộ ý kiến của mình bằng những văn bản gửi Đảng nhưng cho lưu hành dưới hình thức samizdat quen thuộc của nền văn chương phản kháng ở các nước xã hội chủ nghĩa cũ. Hoạt động của anh cũng đi theo cách thức này nhưng mức độ lại khác : anh không đề nghị khắc phục những “ tồn tại ” hoặc “ khuyết điểm ” mà muốn “ nhìn lại ” ngay cái lý do tồn tại của Đảng. Và chính là qua cách đề cập những vấn đề như vậy (cách vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, chuyên chính vô sản, tập trung dân chủ, mối quan hệ giữa những người lãnh đạo, trong Đảng lẫn ngoài xã hội...), anh đã đi đến những nhận định khủng khiếp :

Những mơ xoá ác ở trên đời,
Ta phó thân ta với đất trời,
Ác xóa đi, thay bằng cực thiện,
Tháng ngày biến hoá, ác luân hồi !

Hoá ra cái ước mơ tuyệt hảo về một tương lai xán lạn mà mình đã xả thân cả đời cho nó sau một quá trình đem ra thực hiện lại chỉ là cái thế giới đáng nguyên rùa mà mình đã từng phủ nhận hay sao ? Chẳng lẽ cái “ cõi đời mới ” mà mình đã cùng với Đảng đem hết tâm huyết ra xây dựng rốt lại vẫn chỉ là một chế độ thống trị như tất cả những chế độ thống trị trước đây hay sao ? Có sự lõi lâm nào của lịch sử ở đây hay không ? Làm sao giải thích được hiện tượng cực kỳ phức tạp của chủ nghĩa cộng sản từ lý thuyết đến thực hành ? Tại sao lý thuyết quá tốt đẹp mà đem vào thực tế thì lại sinh ra những quái thai ? Tại sao có một thời, trong cách mạng dân tộc (chống chủ nghĩa thực dân), Đảng đã có thể đại biểu cho “ cái thiện ” thì bây giờ đến lúc dân tộc đã độc lập rồi, có thể đẩy “ cái thiện ” ấy đến chỗ cao hơn (giải phóng con người) thì Đảng lại đưa cả dân tộc lẫn con người vào con đường vong thân, bệ rạc như vậy ? Tại sao từ chỗ là người cho mình là hiện thân của chân lý, lẽ phải và mọi thứ tốt đẹp trên đời, Đảng lại trở thành một guồng máy dối trá, tàn tệ đến như vậy ?

Những câu hỏi thật là nhức nhối. Tuy anh đã cố gắng tìm cách trả lời một cách “ có hậu ” cho Đảng, nghĩa là tin tưởng rằng Đảng vẫn có thể khắc phục được những sai lầm trầm trọng nói trên để “ tiến lên ”, nhưng tất cả đều không vớt vát được chút nào cách đặt vấn đề quá gay gắt của anh về cái thực tại xã hội do Đảng làm ra. Cách đặt vấn đề như vậy đã đi ngược hẳn lại quan điểm của Đảng hiện nay và anh cũng đã hiểu được sự phản ứng của nó là như thế nào đối với cái thiện chí “ xây dựng Đảng ” của anh.

Anh Độ kính mến,

Tôi thuộc thế hệ những người đi sau anh bằng cả một cuộc chiến tranh và một cuộc cách mạng. Tôi cũng đã từng từ bỏ tất cả để đi theo Đảng và cũng dự định theo suốt một đời, nhưng rồi sớm hơn anh rất lâu tôi đã phải từ bỏ Đảng (tôi tự ý). Được biết tin anh bị khai trừ, tôi rất muốn chia buồn, nhưng nghĩ đi

nghĩ lại tôi thấy không chừng đó lại là điều may cho anh. VỚI ƯỚC MUỐN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ “ Ở TÂM TRIẾT HỌC ” Ở ANH, TÔI HY VỌNG ĐÂY LÀ BƯỚC NGOẠT TÌNH THÂN THÚC ĐẨY ANH TÌM HIỂU CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN SÂU HƠN VỀ MẶT LÝ THUYẾT, TỪ ĐÓ HIỂU RÕ ĐẢNG CỘNG SẢN NHIỀU HƠN VỀ MẶT THỰC HÀNH, SAU ĐÓ BIẾT ĐẦU SẼ THANH TOÁN ĐƯỢC NỐI DAY DỨT CUỐI ĐỜI CỦA MÌNH. Chẳng ai ngăn cản người ta nghĩ rằng chủ nghĩa cộng sản là một thứ lòng tốt. Nhưng gọi đó là “ khoa học ”, “ sự tất yếu của tương lai ” hoặc một cái gì đó “ duy nhất cách mạng ” để trở thành cái tốt nhất và vĩnh viễn thì đó là điều ngộ nhận khó tồn tại vào những ngày tận cùng của thế kỷ này. Không hơn không kém, đó chỉ là một ý thức hệ thôi : không phải chỉ là “ ý thức hệ cầm quyền ” mà là một ý thức hệ theo nghĩa tổng quát nhất của từ ngữ. Ý thức hệ ấy, trên đường chúng ta đi vào một lúc nào đó, ta có thể đón nhận như là “ cái cần thiết ” cho một số công việc, nhưng chẳng thể vì đó mà phải giữ mãi như một bửu bối rồi đem truyền cho “ muôn đời con cháu mai sau ”. Anh đã tháo được những sợi dây “ khư khư buộc lấy mình ” để dứt bỏ được cái huyền thoại về Đảng trong lý luận. Tư tưởng phát triển thêm, anh sẽ có được cái nhìn hiện thực hơn về toàn bộ phong trào cộng sản khắp hành tinh này chứ không phải chỉ riêng ở Việt Nam.

Qua bài “ *nhìn lại* ” của anh, tôi nhận thấy cái gọi là “ ý thức hệ - lý tưởng ” ấy vẫn còn đeo bám theo anh khá nặng nề. Anh phê phán sự hiểu biết “ quá giản lược ” về chủ nghĩa Mác ở xã hội ta, nhưng vẫn chỉ với tư cách là người đứng “ ở ngoài ngõ mà nhìn vào ”. Nếu có điều kiện và thời giờ để tìm hiểu thêm từ nguồn gốc học thuyết này, hẳn anh sẽ thấy cái mà người ta gọi là chủ nghĩa Mác ở Việt Nam không phải chỉ bị “ biến dạng ” và “ giản đơn hoá ” : nó đã bị xuyên tạc từ nguyên ủy. Anh sẽ thấy rằng cái gọi là “ duy vật ” mà người ta thường dựa vào đó để xưng tụng tính “ khoa học ” của học thuyết Mác chỉ là một cách hiểu suy đoán rất hời hợt. Sự đồng nhất Mác với Ăngghen và sau này với Lê-nin để tạo ra cái mà những nhà lý luận Liên Xô trước đây gọi là “ Mác-Lê-nin ” cũng chẳng có gì là đúng đắn và nghiêm chỉnh về phương diện học thuật cả. Và thực chất của cái gọi là chủ nghĩa “ Mác-Lê-nin ” đó cũng chẳng mảy may chứa đựng một chút nội dung nào cả về cuộc đấu tranh giải phóng lao động khỏi sự tha hoá của những điều kiện lao động, đó chỉ là một hình thức tha hoá mới của lao động qua một hình thức mới của chủ nghĩa tư bản mệnh danh là chủ nghĩa tư bản nhà nước ; thứ chủ nghĩa tư bản này đã khởi đầu từ Lê-nin, phát triển tột độ trong chế độ Stalin, phản Mác hoàn toàn.

Và cái khái niệm “ ý thức hệ cầm quyền ” mà anh nói về Đảng thực chất cũng chỉ là cái ý thức hệ Stalinít đó chứ không phải là cái gì khác. Nội dung của nó là chủ nghĩa dân tộc toàn trị, khởi đầu được sử dụng như phương tiện để giành quyền từ tay thực dân (điều “ thiện ” một thời của những người cộng sản), sau đó thì được “ xài ” như một công cụ thống trị như anh đã viết, chứ chẳng nhầm “ phục vụ ” ai cả. Những khái niệm lớn lao về “ cách mạng ” mà những nhà ý thức hệ của Đảng thường đem ra khoe khoang cũng chỉ là sự gông gân để độc quyền chính nghĩa thôi. Cứ phân tích một vài khái niệm chúng ta sẽ thấy ngay điều đó. Làm gì có cái gọi là “ chủ nghĩa xã hội ” hiểu theo nghĩa đích thực của nó là xã hội hoá trong khi

tất cả mọi lĩnh vực của đời sống đều bị “ nhà nước hoá ” một thời rồi bây giờ đang chuyển sang “ tư nhân hoá ” ? Làm gì có cái gọi là “ chuyên chính vô sản ” hiểu theo nghĩa mácxít là sự chuyên chính của toàn bộ giai cấp vô sản đã chiếm 90 % dân số về lý luận trong khi đó thì trên thực tế chỉ là sự chuyên chính của chừng mực chục người tự cho mình là đại diện cho cả giai cấp mà sự tồn tại của nó chỉ là một bóng ma của thế kỷ đã qua ?

Chẳng có gì lý tưởng ở đây cả cho nên đưa lý tưởng ra để cải tổ nó là một ảo tưởng hoàn toàn. Tất cả đã trở thành một guồng máy quan liêu, sau bao nhiêu lần thanh trùng đi đôi với chính huấn, học tập... đã trút hết máu đỏ trong cơ thể ra rồi và thay vào đó là một thứ dâu bôi trơn của một “ cỗ máy nghiên ” như người ta thường nói. Những cái gọi là tự do, đối thoại, sáng tạo, cá tính, sáng kiến, lương tâm, đạo đức nếu được bộc lộ một cách có thực chất để không còn là thứ “ luối gỗ ” tuy nhiên huấn thì sẽ trở thành sự quấy rầy thọc gậy bánh xe, cản trở sự vận hành êm của nó. Thực tế của cái mô hình nhà nước mệnh danh là “ xã hội chủ nghĩa ” mà anh cố gắng phả vào cái linh hồn cách mạng chỉ là một guồng máy toàn trị như vậy. Vậy bọc bởi hàng loạt những mâu thuẫn nội tại, đối phó với hàng loạt những áp lực từ bên ngoài, nó buộc phải thay đổi một cách thực tế, chứ chẳng hề đi theo một lý tưởng nào như nó tự cho là vậy, và cũng chẳng thể quay về với cái “ ngày xưa tươi đẹp ” như anh đã thiết tha mong mỏi.

Anh Độ kính mến,

Mỗi quan tâm của anh về dân chủ hoá ở Việt Nam, theo tôi nghĩ, chỉ có thể giải quyết bên ngoài tất cả những thứ ý thức hệ về chủ nghĩa cộng sản nói trên.

Không thể dựa vào lý luận của Mác để làm dân chủ : đó chỉ là triết học của một thế giới giả định mai sau khi loài người không còn giai cấp, không còn nhà nước. Có thể đó là tiếng gọi, là giấc mơ, nhưng không thể là một cương lĩnh hành động, dựa vào đó “ cai tạo ” lại xã hội bằng phương pháp chuyên chính, toàn trị nhà nước. Đem học thuyết Mác vào thực tế theo cách thức đó là hủy hoại Mác một cách triệt để nhất và cũng là thủ tiêu tất cả những điều kiện phát sinh một nền văn hoá dân chủ đồng nghĩa với một nền văn hóa tự do : không thể có dân chủ khi người chủ toạ đặt súng lên bàn để gọi là “ định hướng ” cho các cuộc thảo luận về tư tưởng. Không đấu tranh xoá bỏ triệt để cái kiểu “ định hướng ” sặc mùi phát xít ấy thì cũng chưa thể nói gì thêm về dân chủ với tư cách là một định chế tổ chức nhà nước.

Hàng loạt những lời lẽ hoa mỹ mà người ta hay dùng để xưng tụng chế độ cộng sản hiện hữu ở Việt Nam (dân chủ của người lao động) hoặc kết án nó (độc tài), qua cách đặt vấn đề như trên, cũng sẽ trở thành những vấn đề ý thức hệ, những tranh cãi không dẫn đến đâu. Chế độ đó không phải là một thực thể trừu tượng và không biến đổi để có thể đem cái nhãn “ thiện ” hoặc “ ác ” dán lên nó một lần là xong. Ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định và phát triển theo sự chuyển động của lịch sử, các mặt tốt xấu của nó đều bị những chuyển động lịch sử ấy quy định. Cho đến nay thì khuôn mặt của nó cũng không còn như xưa... Chấp nhận chuyển sang cơ chế thi

trường, mất đi con chủ bài kinh tế quốc doanh để làm chỗ dựa, chính sách toàn trị của nó đã bị phá rã một mảng rất lớn : nó không còn có thể thống trị xã hội bằng chính sách tem phiếu và hộ khẩu khắc nghiệt nữa. Đây chính là những tiền đề cản bản để một xã hội công dân hình thành trở lại ; và đó cũng chính là cái mảnh đất màu ướm mầm cho những hạt giống dân chủ. Hiển nhiên đó chưa phải là một xã hội công dân toàn diện : trong lĩnh vực văn hoá và nhất là chính trị, chính sách chuyên chính của Đảng vẫn còn đang đè lên nặng nề. Tuy vậy, ngay trong những lĩnh vực này, cái thời kỳ tự tung tự tác, muốn làm gì thì làm của Đảng cũng đã qua rồi. Không phải là Đảng không muốn mà chỉ là không thể thôi. Và Đảng cũng không phải là không ý thức được cái tình thế ấy. Nhưng phải làm gì trước đòi hỏi của thực tế thì lại hết sức khó khăn : từ chối tất cả không được mà nhân nhượng quá nhiều thì không khéo sẽ mất tất cả. Vì thế để đối phó Đảng không có cách nào khác là đem các trò tinh quái vặt vãnh ra “vận dụng” : làm ôn ào lên về cái gọi là “dân chủ cơ sở” hết sức tầm phào để khỏi phải nói đến định chế “cân bằng và kiểm soát” vốn là nội dung căn bản của mọi cải cách dân chủ đích thực.

Nhưng mọi người đều biết rằng thực tế sẽ không bao giờ bị đóng băng bởi những mưu toan mang tính chất ý chí luận : nó tự tạo ra cái lôgich phát triển của riêng nó. Do đó cũng phải từ thực tế đó để đặt vấn đề đi tới chứ không thể quay về quá khứ, lấy cái “ngày xưa” làm mô hình cho ngày nay. Cũng không thể coi chủ nghĩa “Mác-Lênin” là một cái chỗ dựa lý tưởng để “vận dụng” vào thực tế mà phải giải hoặc cho cái ý thức hệ ấy bằng cách đẩy nó phải đối mặt với thực tế qua những công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh. Ý nghĩa của công việc này, tưởng chừng như xa vời nhưng tác dụng lại rất quan trọng : nó đặt tiền đề để tiến tới những cải cách xa hơn về văn hoá, chính trị. Vấn đề sẽ vô cùng phức tạp và khô khan, nhưng nếu từ chối phương pháp bạo lực thì người ta sẽ không có sự lựa chọn nào khác hơn. Vì vậy việc nâng cao trình độ dân trí, đấu tranh cho tự do ngôn luận, nghiên cứu, thông tin, phổ biến ý thức nhân quyền và pháp quyền, mở rộng giao lưu quốc tế... sẽ là những công việc thiết thực để chuẩn bị cho những chuyển động tuân tự và ôn hoà : tất cả sẽ có tác dụng tạo ra sức sống cho một xã hội công dân độc lập, hạn chế được những chính sách lộng quyền và lạm quyền cố hữu của nhà nước toàn trị, cuối cùng từng bước, cùng với sự phát triển về văn hoá và kinh tế, thúc đẩy những thay đổi trên mặt thương tầng, trong đó sự hoá thân của Đảng là khả năng đáng mong ước nhất.

Một đảng cộng sản chuyển sang một đảng dân chủ xã hội, đó chính là lối thoát tốt nhất cho tất cả những ai còn lưu luyến với cái lý tưởng gọi là “chủ nghĩa xã hội” ở Việt Nam, trong đó theo chỗ nhận định của tôi có đa số những đảng viên. Chắc chắn điều này sẽ khó mà thuyết phục dễ dàng được những nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng hiện nay : chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao đã trở thành truyền thống vô thức đối với những người như vậy. Nhưng nhìn vấn đề ý thức, hẳn anh cũng nhận với tôi rằng sẽ không có chọn lựa nào thỏa đáng hơn, xét về mặt lý luận lẫn thực hành. Những đề nghị cải tổ của anh đã hàm chứa một số nội dung như vậy, tuy không được biểu hiện rõ ràng và nhất quán về mặt lý luận.

Anh Độ kính mến,

Tôi viết ra những ý tưởng trên đây không có mục đích tranh luận mà chỉ muốn bày tỏ lòng kính trọng đối với anh thôi : một ý tưởng tâm huyết được tung ra mà không có ai hứng bát, tranh luận, phản biện thì thật buồn tênh. Tôi đã trải qua tình cảnh ấy nên đã cố ý cà khịa với anh một chút cho vui. Hiển nhiên, dù không kém phần nghiêm chỉnh, tôi chẳng hề cho rằng với những giòng chữ này, tôi có ý muốn giải quyết hộ anh cái vấn đề quá khó khăn, mênh mông như anh đã nêu ra. Dù sao thì anh cũng nên ghi nhận những giòng chữ đó như những gợi ý cho quá trình tư duy của anh mà tôi biết chắc rằng chưa thể ngừng nghỉ được. Một quá trình tư duy mà tôi hy vọng sẽ phong phú hơn nhờ những ngày không Đảng của anh.

Năm mới sắp đến, chúc anh mạnh khỏe, bình an.

Kính thư.
Ngày 7.2.1999
Lữ Phương

Chia buồn

Chúng tôi được tin

Cụ Nguyễn Ngọc Thọ

đã từ trần ngày 12.3.1999 tại quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 79 tuổi.

Khi biết mình lâm bệnh khó chữa, cụ từ khước mọi liệu pháp, và quyết định hiến tặng thận xác cho trường y khoa sau khi từ trần. Theo đúng ý nguyện của người đã khuất, gia đình, quyền thuộc và láng giềng đã tổ chức buổi lễ đơn giản tiễn đưa cụ đến trường đại học y khoa TPHCM.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn với anh chị Nguyễn Hoàng & Mỹ Lộc và toàn thể gia quyến.

HỌP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng
của trong nước và ngoài nước*
- ♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết
với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Lướt trên không gian xybe, mời bạn ghé thăm

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>
và liên lạc với chúng tôi bằng thư điện tử về :

diendan@wanadoo.fr

Thư California

... như Tết

Nguyễn Lộc

Tin ông Trưởng HiTek trương cờ, trương ảnh, “khiêu khích cộng đồng” [1] đến với tôi tuy chưa đến nỗi như chuyện dứng đứng, nhưng vẫn chỉ đáng làm tôi thêm ngán ngẩm. Lại cái ông Trưởng HiTek! Vì lẽ, ai có chút lưu tâm đến *Sài Gòn nhỏ* tất có biết đôi điều về nhân vật này. Nói về ông Trưởng với bộ mặt nghiêm chỉnh đã quá khó, nói gì nghiêm trọng.

Còn chuyện cờ quạt, chuyện ảnh cố chủ tịch Hồ Chí Minh, thì thú thật quả là chuyện trời ơi. Xin miễn bàn lại về lá cờ. Còn bức ảnh? Hình như càng về sau này tên tuổi và sự nghiệp của một nhân vật “Hồ Chí Minh” đã thành một thứ tiện ích chính trị. Can gián đảng cộng sản Việt Nam trong việc nước việc dân, người ta nhắc tới cụ Hồ. Kết án, trù dập, ngược đãi những ai “dám” nói trái ý mình, những người vẫn còn giữ lăng, canh xác ở Hà Nội cũng đem “tư tưởng Hồ Chí Minh” ra làm lá chắn. Thậm chí, nếu có người viết báo, viết chí từ “trong nước” tuồn ra, cái mức độ phỉ báng, cách vận dụng ngôn từ nặng nề, đôi lúc thô bỉ, để nói về ông Hồ Chí Minh cũng đã thành một thứ “chứng minh thư” cho cái lập trường chính trị của mình. Đã đến mức tung hô hay bôi bác, hoặc bôi bác qua cách tung hô chỉ tỏ làm rõ ra chính bản thân người viết, người nói mà thôi... Hành động của Trưởng HiTek, vì lẽ ấy cũng không làm tăng hay giảm bất cứ một thứ giá trị nào trên đời. Có gì đâu mà làm to chuyện?

Nhưng, trong bối cảnh *Sài Gòn nhỏ*, và trong các tập thể người Việt sống rải rác ở nước ngoài, hành động của Trần Trưởng lại không thể là chuyện nghe qua rồi bỏ. Có quá nhiều lý do.

Trước tiên, các biểu tượng mà Trưởng HiTek trưng ra là một tiếng kẽng đánh thức dậy những ký ức, những oán hờn, căm ghét, kinh tỤn nơi một số không ít người trong các tập thể ấy. Cái quá khứ chưa quên, phần lớn do cái thực tế sống hôm nay còn mang dấu ấn, các ám ảnh còn lớn vón, chập chờn; chỉ cần một khơi mở, một kích động là bùng dậy, là phát tác. Trong sự phát tác này, nếu có những nỗi đau chân thật, những ký ức người ta chỉ muốn dồn nén, lảng quên bị khơi lại, vết thương cũ lại toé máu, thì hành động của Trưởng HiTek – dù có là hậu quả của một cơn tức khí – quá đủ để bị chê trách, lên án.

Thêm vào đó, nếu có ai đó nghĩ rằng, hoặc được giải thích rằng, đây là mưu đồ cộng sản, đây là cách cộng sản “nắn gân cộng đồng”, hoặc ghê gớm hơn nữa, cộng sản âm mưu chứng

tỏ sự có mặt của họ [?] nhằm tiến tới gia tăng “đe doạ cộng đồng” thì làm sao không xảy ra những phản ứng mạnh mẽ của một số người. Cái tâm trạng lánh xa, thoát nạn – đôi khi thật giản đơn, giản đơn như một cách ẩn náu – không cho người ta chấp nhận Việt cộng bắt đầu “lộng hành” ngay trong cõi trùm mịt riêng của họ. Phản ứng ở những nơi xa Sài Gòn nhỏ, chỉ được cung cấp có nửa ổ bánh mì của nhà văn Dương Thu Hương, càng tăng thêm phần “nghiêm trọng” của âm mưu cộng sản.

Chuyện thành rùm beng. Một Trần Trưởng ngo ngoe trong một góc phố Bolsa thành ra con quái thú “đe doạ” cả “tự do, hạnh phúc” của thủ đô tị nạn. Phản ứng của đám đông lớn dần lên về nhân số trước tiệm HiTek đã thật sự diễn ra theo chiều hướng bị khích động như thế. Chỉ cần mở lại một số báo chí Việt ngữ, hoặc nghe lại một số buổi phát thanh tiếng Việt của Sài Gòn nhỏ thì ta đủ thấy. Bao nhiêu là nhân sĩ, giáo sư, bác sĩ, luật sư, nhà bình luận, nhà lãnh đạo, những cái túi khăn, những kinh nghiệm của “cộng đồng” đã lên tiếng nhận định, phân tích, vạch trần âm mưu của “địch”, phác họa chiến thuật chiến lược của “ta”, để cảnh giác đồng bào, để kêu gọi, động viên, phát động, vận động, và sách động... Phải nhận các vị ấy đâu phải tay mơ. Thành tích đánh nhau với cộng sản các vị ấy đầy mình. Ý đồ, mưu mèo cộng sản các vị ấy thấy trước từ xa. Họ “đi guốc” trong bụng mấy tay trong “chính trị bộ”. Không đùa. Cứ đọc tiểu sử các vị thì biết?

Dưới sự soi sáng đầy trí tuệ ấy, chân dung của Trần Trưởng được phóng to lên, thêm nanh thêm vuốt cho vừa cái hậu cản chống cộng muôn năm mà các vị ấy vẫn thầm đầm cho Sài Gòn nhỏ. Đằng sau Trưởng bây giờ là đảng CS Việt Nam, là cả cái “chính trị bộ” lù lù ở Hà Nội, là sứ quán và lãnh sự cộng sản Việt Nam [Ác nỗi, hình như trong quý vị này cũng có người xúc động vì lòng yêu tổ quốc XHCN, yêu bác lão yêu tự do dân chủ (Mỹ) của Trưởng]. Ghê gớm – hay ngô nghê? – hơn nữa là “sự thật” Việt cộng bắt khách Việt kiều quá cảnh vào Việt Nam đóng 50 đô la, gọi là ủng hộ đồng chí Trần Trưởng. Lại còn ký giấy, ký má ủng hộ này nọ nữa chứ. Báo chí Mỹ nào công bố rằng tin đồn này không được phổi kiềm tại các cửa khẩu Việt Nam thì chỉ rõ ra đó là bọn làm báo “phản chiến”, “thiên tá”, “bị Hà Nội mè hoặc”, bị bọn kinh doanh với CS Việt Nam mua chuộc. Cái nhân quan ta địch, bạn thù của một thời xa tít lại nhô đâu, nảy nét trong chợ truyền thông, chữ nghĩa, nhờ on Trần Trưởng mà rộ nở, khởi sắc ra. Người làm tâm lý chiến ở đây quên nghĩ rằng, nói dại mà nghe, nếu cả cái chế độ Hà Nội mà phải làm cái chuyện trang tráo kia để có tiền giúp Trần Trưởng thì các tuyên truyền về tính chất mưu mô, tàn độc của cộng sản cũng cần xét lại. Vừa muốn vẽ ra một kẻ thù hung ác bạo tàn, ma giáo, vừa yêu thích phia ra những điều ngây ngô, ngu đục của nó, người ta phải uốn lưỡi, và uốn nắn sự thật đủ chiều.

Sự khích động càng làm rõ ra một tình trạng kinh niên của cái “chế độ” mà một số người muốn thiết lập cho *Sài Gòn nhỏ*. Mặc cho cái khí thế chính trị khi trỗi khi sụt của mấy ông lãnh tụ về chiều, vẫn còn một số người luôn thao thức chờ cơ hội để thổi bùng ngọn lửa oán hờn trong lòng một số đồng đồng bào, hi vọng giúp họ vận dụng được một thành phần của cộng đồng theo ý đồ chính trị của họ. Cũng đã hơn chục năm

rồi tình hình “ vận động chính trị ” trong tập thể người Việt có lắng dịu, có chuyển hướng cùng với thời thế và thời gian. Đã ngót mươi lăm năm sau cái ôn ào của một phong trào, một mặt trận xep xuống, với một vụ án dính líu đến, không phải chính trị, mà tiền bạc ; với một ông lãnh tụ, vì ngẫu nhiên mang tên tắt HCM, nên rồi cũng phải áo đen, cũng khăn rằn vắt vai, cũng râu cằm lơ thơ, và trớ trêu thay, cũng không được những người “ kế nghiệp ” ông cho... chết [2]. Cứ như là chỉ với cái trò nhăn mặt là người ta có thể phỉnh được lịch sử, là đánh tráo được Đông Thi với Tây Thi.

“ Lịch sử ” cũng được dắt xuống phố Bolsa tham dự biểu tình. Nó cũng được thu nhỏ, rút gọn lại cho vừa với những trò ma mãnh, lầu cá của chính trị. Nó đã phải tiếp tay với vợ chồng Trần Trường, hà hơi “ thổi phùng ngọn lửa đấu tranh ”. Người ta đã dùng nó để thọc sâu hơn nữa vào các vết thương chưa liền da của một thời phân liệt. Nó bị giản đơn hoá từ mấy mươi năm bom đạn, xương máu, phe phái, mưu đồ thành đôi ba câu thân chú, khả dĩ giải thích tron tuột mọi chuyện bằng đám cái “ biểu tượng ”. Từ đó, người ta có thể mang ra giũa chợ Bolsa một pha trộn kỳ diệu giữa những xúc cảm chân thật của những mảng đời bất hạnh, với cờ xí, ảnh tượng, hình nộm, dây treo cổ, ca nhạc, tuyên bố, diễn văn, ăn vạ, nước mắt, nước bọt, nước tiểu, đấm, đá, ân oán chính trị địa phương, tu chính án thứ nhất Hoa Kỳ, tình nghĩa đồng minh bảo vệ tiền đồn thế giới tự do, tội ác của chế độ cộng sản Việt Nam, thảm kịch trên biển đông, trong trại tù, trại học tập cải tạo, sự thật và huyền thoại POW & MIA, ... Đủ cả. Và tất cả vây quanh một anh người Việt tị nạn mà ngày này qua ngày khác vẫn được báo chí, radio tiếng Việt Bolsa nhắc tới như một ... “ thằng khùng ” !

Như trong một con mộng mị, người ta nói và thét. Tất nhiên, có những người đã nói, đã thét gào, đã khóc thật chán thành, thật xúc động trong những ngày tháng 2-99 ấy. Người ta có thể khóc cả chuyện tại sao Mỹ đã đem người tị nạn cộng sản qua đây, rồi toà án lại “ bảo vệ ” cộng sản Trần Trường. Mặc cho báo chí Mỹ đã nói rõ là chuyện toà án Mỹ bảo vệ Hiến pháp Hoa Kỳ là tất yếu. Nhưng trách sao được những đồng bào còn phải chạy vạy, bươn bả đuổi theo cuộc sống. Chuyện Mỹ chuyện Việt Nam gì cũng thật sự là chuyện xa vời. May vị truyền thông địa phương móm cho gì thì nhờ cái ấy. Khổ thay, có nhà báo đã nghĩ ra một thách thức thật “ đỉnh cao trí tuệ ” : Sao Trần Trường không về Việt Nam lập một tổ chức tương tự như American Civil Liberty Union (ACLU), đang “ bảo vệ ” anh ta, để bảo vệ những người đòi treo cờ vàng ba sọc đỏ [không thấy nói tới treo hình cụ Ngô, hay cụ Nguyễn, không râu hoặc có râu]. Ý này, tuy không lợ, mà thâm ; chỉ tiếc nó không giúp cho bà con ta ở Mỹ hiểu rằng con đường dân chủ Mỹ – mà ngày nay nhiều người thừa hưởng, đã phải đi qua bao xa để Tu chính án thứ nhất được trở thành một phần của Hiến pháp Hoa Kỳ. Thêm nữa, một tổ chức như ACLU vẫn có mặt và được có mặt, dù chịu bao sóng gió, để lên tiếng, để tranh đấu cho Tu chính án này không phải hẩm hiu trở thành... thêm một câu văn hay, chữ tốt của mấy ông lập quốc. ACLU cũng không hẳn yêu gì, hay nhằm bảo vệ cá nhân ông Trường và phu nhân. ACLU yêu nước họ, yêu nền dân chủ của họ. Họ từng “ bảo vệ ” từ cộng sản cho đến nazi

và tân-nazi. Nếu chỉ một tay Trần Trường mà đủ sức lập ACLU ở Việt Nam, chơi với cái Hiến pháp còn cần “ tu chính ” quá nhiều chỗ, thì có lẽ không chỉ vài ông nhà báo lớn, miệng đầy gang thép của Bolsa, mà cả dân tộc Việt Nam nên... phong thánh cho ông ta.



Tôi không thể quên được hình ảnh một phụ nữ Mỹ da trắng tham gia ủng hộ biểu tình. Bà này tuyên bố với phóng viên truyền hình là bà chống ông Hồ và lá cờ “ của ông ấy ” vì bà có một người anh đi lính chết trận ở Việt Nam ; một người anh khác tham chiến trở về hiện đang sống bê tha nghiện ngập. Cái thảm cảnh của một số cựu binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam tôi không lạ. Thế nhưng... Mà thôi, đừng có một nhà bình luận chính trị hay một nhà sử học mẫn cán nào nhoè ý định bàn bạc với bà này về cuộc chiến tranh Việt Nam. Ở đây chỉ có cảm tính, một thứ cảm tính được chung kết, và nâng bệ thờ như một chân lý, soi sáng (hay xoá sạch) mọi thực tế lịch sử mà rất nhiều người Việt, người Mỹ đã nghiệm sinh, đã phản ứng lại, trong thời gian cuộc chiến. Cái xúc động tập thể của nhiều ngàn người là một ngọn lửa hừng hực ; một dòng nước lũ có thể cuốn đi và mang theo với nó nhiêu thứ.

Sách động và manh động rất khó mà rời nhau. Chỉ cần một vài cá nhân manh động là có vấn đề. Các va chạm của đám đông phùng phùng ngọn lửa phản nổ với môi trường sống quanh nó, từ cảnh sát, chính quyền, cho đến dân chúng, tiệm, quán, là điều khó tránh. Nhất là khi những người lèo lái phản động quen nghề chạy hiệu cho chính khách địa phương, quen trò “ hòn thua ” phe nhóm, vừa tổ chức Tết vừa đánh nhau, hon là xử lý chính đáng các bắn khoan, thao thức và uẩn khúc của một tập thể ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp. Có người qua “ trực giác chính trị bén nhạy ” của mình, mau miệng nói ngay : “ *Mấy tên manh động, mất dạy kia là cộng sản trả trộn gây tai tiếng, chia rẽ trong cộng đồng* ”. Vậy là xong ngay, thêm một cái tát vào mặt... kẻ thù.

Một số người tinh táo hơn, bắt mạch được cái tâm trạng của số đông hơn, bắt đầu nhập cuộc và xoay chuyển tình thế. Người ta nói đến giới trẻ thường hơn. Các tiêu đề : “ *thượng tôn pháp luật* ”, “ *hành vi phù hợp với hoàn cảnh xã hội địa phương* ”, “ *chứng tỏ cộng đồng là một cộng đồng có văn hoá, trưởng thành, đoàn kết* ” được đưa ra. Thực sự đây cũng là một cách phản ánh thực tế. Dù có khác nhau trên nhiều mặt, trong nhiều vấn đề, tâm trạng mong muốn có được một cộng đồng đoàn kết, mang một sắc thái văn hoá riêng và đáng được nể trọng, có được một tiếng nói được trọng thị, về đại thể, vẫn là tâm trạng được nhiều người Việt chia sẻ. Khi những người tổ chức “ *biểu dương lực lượng* ” trong khu chợ tiệm HiTek vận dụng đúng vào cái tâm trạng chính đáng này, họ đã thu hút được một số đông đáng kể. Dù đó là 15 000 theo truyền thông Mỹ hay 50 000 theo truyền thông phe ta, sự chênh lệch không là mấy !

Qua những buổi như thế, nhiều người thật lòng tự hào về số người tham dự đông đúc, về tinh thần trật tự, về ngay cả khí thế của đám đông. Với không ít người, đây là những ngày hội, nương theo và vượt qua cả cái ý nghĩa Tết. Có người đã viết thư cho báo *Los Angeles Times* nói rằng đây là một cách tri

liệu tập thể cho cộng đồng. Có nhìn thấy những khuôn mặt của những người trung niên hoặc quá tuổi trung niên, tham dự những buổi hội họp này ta mới thấy nói rằng đây là một cách trị liệu cũng không phải là nói quá. Đó là những người vẫn còn mang tâm trạng mất mát lớn lao. Họ rất cần nhau, cần một mạch cảm thông và tự hào chung. Họ muốn thấy một cộng đồng ngang mặt được với mọi cộng đồng sắc tộc khác. Họ còn muốn quá khứ của mình được trân trọng, họ muốn ngày hôm qua của họ được con cái họ tự hào. Thậm chí có những người cha, người mẹ xem đây là cơ may để thế hệ con cái họ thôi lơ là, xa cách với tập thể Người Việt. Đây là những ao ước chân thật, dù không dễ đạt được, và vẫn có những uẩn khúc nội tại không nhỏ, trong đó có những điều không thể trao và nhận một cách dễ dãi, đối với một thế hệ được lớn lên với nhu cầu suy nghĩ độc lập. Nhưng giải quyết các mâu thuẫn này, hoà giải hoặc hoá giải các uẩn khúc này là chuyện dù khó nhưng rất cần làm. Nó là một phần tất yếu trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh chung của dân tộc. Châm chọc, và châm darts, vào các uẩn khúc, khó khăn kia – theo kiểu Trần Trường hoặc chống-Trần-Trường-kiêm-chống-cộng – chỉ làm kéo dài, tốn đậm những nỗi niềm chua cay, những oán hận dây dưa trong cộng đồng ; và tệ hại hơn cả, kiểm điểm lại thì bao nhiêu công sức thật sự không đưa lại một thứ thành quả đáng kể nào. Trừ phi việc HiTek sập tiệm, việc tiếp tục biểu tình, phỉ nhổ, thoa mạ trước tiệm ăn của ông nghị Tony Lâm, được coi là chứng cố của thắng lợi. Hoặc, đếm vài trăm ngàn lạc quyên đóng góp cho “ đấu tranh ” là niềm vui chiến thắng.

Sau mấy tuần lễ nhì nhằng, nuốt không trôi, nhổ không ra với tấn tuồng HiTek, chính quyền thành phố Westminster hết kiên nhẫn, thấm mệt ; kể cả về mặt chi tiêu ngân sách cho cảnh sát làm giờ phụ trội, tiền thuế thu vào giảm đi vì buôn bán làm ăn bị trở ngại. Dư luận dân địa phương bất đầu ngày càng căng. Cuộc chiến phải chấm dứt bằng cách không còn người đánh nhau. Dẹp một người vẫn dễ hơn dẹp nhiều người. Trong quân phân lực lượng và dựa theo kinh nghiệm đối phó với một vụ “ chính trị ” như vụ này, cảnh sát vẫn trân trọng để yên cái ô trên đầu Trần Trường, họ chỉ tò mò nhìn vào đống băng cho thuê trong tiệm HiTek để tìm một chuyện “ chuyện phim ” hình sự hấp dẫn : vi phạm quyền tác gia qua việc sang băng lậu. Ngay gian chưa biết, cái “ phốt ” này đủ cho họ hốt ổ HiTek đem về điều tra. Trần Trường đủ mệt cầm hơi. Và y như rằng, sau đó bảng hiệu HiTek hạ xuống. Màn từ từ hạ, nhạc chiến thắng vang lên. Một chiến thắng cũng cần thiết, cũng xúc động và mang tính trị liệu không kém những ngày hồi hổi trước đó. Nhìn người đàn ông quá tuổi trung niên thành khẩn ôm hai (!) lá cờ xếp cheo mà ta cũng thấy ngậm ngùi.



Trước một tạm kết, vâng chỉ là một tạm kết, nhìn lại chuyện đã qua ta thấy gì ? Bản thân tôi nhìn thấy một cộng đồng trăn trở đi tìm một cản cược. Cái cản cược thật sự có nhiều yếu tố đáng làm nhiều người tự hào chính đáng. Nhưng, buồn thay, do những chuyện tào lao đây mùi vị cơ hội chủ nghĩa bôi bác những nét nguêch ngoạc, nhoè nhoẹt, khiến cho mọi di chứng lịch sử, quá nhiều thương tích thâm sâu chưa thể hàn gắn trong một ngày một buổi. Và cái quê hương tuy xa mà rất gần kia vẫn còn là một ám ảnh hơn là một thực tế đáng

người ta tự hào. Một niềm tự hào có tác dụng trị liệu hiệu quả hơn mọi phương pháp tâm học nào khác.

Điều đáng buồn nói trên hiển hiện qua cái phương diện “ không trẻ ” nơi những người gọi là trẻ. Như đã nói, trong con bão xú động và kích động, mọi luận giải về chính trị, lịch sử, hay ngay cả ý đồ bên trong mọi sự hô hào đều hầu như bị loại bỏ. Nhận thức ở đây thu gọn lại là một sự trao truyền dễ dãi giữa các thế hệ. Vì lẽ đó, người ta mới có thể hào hứng tuyên bố những câu như : “ *Phen này chúng ta chiến thắng cộng sản* ”. “ *Đồng bào quốc nội cứ trông vào khí thế này thi đủ tin rằng khi họ nổi dậy lật đổ cộng sản thì có chúng tôi yểm trợ họ !* ”. Hiện tượng nhìn gà (Trần Văn Trường) hoá cuốc (Cộng Sản) chỉ là một trong những biểu hiện về cái bể sâu của đám đông nhiều cảm tính bị khích động. Nhận xét này nếu đăng báo Bolsa thì chắc chắn nghe chửi mệt nghỉ ; thôi cũng đành...

Tuy vậy, bằng cách này hay cách khác, nhiều người, bằng rất nhiều cảm thông, vẫn cố cách can gián cộng đồng. Như ý ông Q. X. Pham viết trong tiểu luận đăng trên LATimes (6-3-1999) : Một người lãnh đạo trẻ của cộng đồng tuyên bố “ *Phen này chúng ta sẽ chiến thắng bọn Cộng* ”. Những câu hoa mỹ vang vọng lại cảm nghĩ của lớp người già được nghe suốt vụ chống đối. Nhưng sự thật lại đau lòng. Cũng như người Mỹ, người Việt ly hương cần đổi mặt với con quỷ chiến tranh và nhận trách nhiệm trong việc mất quê hương của mình. Tuyên xưng cái ước mơ giải phóng Việt Nam qua thế hệ trẻ chỉ tổ tác hại đến quá trình hàn gắn các vết thương của cộng đồng.

Thu mình trong cách phản ứng thuần cảm tính tiêu cực, của oán hờn và giận dữ, người ta rồi cũng chỉ có thể quay sang van nài Mỹ nặng tay với nhà nước Việt Nam trong các ưu đãi giao thương mà người ta cứ tin rằng nó hoàn toàn nằm trong tay chính quyền Mỹ và đơn phương có lợi cho nhà nước Việt Nam. Cái phương cách đấu tranh tiếp tục đi lại con đường mòn cũ mang nhiều thất bại, khẩu hiệu có khác nhưng thực chất vẫn không đổi.

Và khi đã quay lại chính con đường mòn cũ ấy, những khẩu hiệu tạ ơn Mỹ (khá mơ hồ, lơ lửng), vinh danh những người lính Mỹ từng chiến đấu ở Việt Nam là “ anh hùng của chúng tôi ” [Our Heroes], rồi người ta lại phải bù lu bù loa kêu khóc cho MIA và POW Mỹ. Lịch sử cuộc chiến Việt Nam ngay trong tâm thức chung của Mỹ đã vượt quá cái giản đơn của các câu biểu ngữ ấy. Một người trẻ Việt ở đây, chỉ cần chút quan tâm và lương tri là có thể gọi mở được cánh cửa lịch sử tham chiến của Mỹ ở Việt Nam. Sự kiên trì dễ dãi trong việc móm cho thế hệ trẻ các tin điều về lịch sử cuộc chiến được rút gọn và tóm tắt của lớp người đi trước vô tình làm lộ rõ cách đánh giá thấp khả năng trí tuệ và lương tri của thế hệ mà họ luôn tảng bốc.

Vì lẽ đó, một số người mang danh là trẻ nhưng vẫn muốn kế tục cái sự nghiệp lãnh tụ, chọn cách bước vào và bước theo lối mòn của chú, bác, mẹ cha họ, bằng cách nhai lại một món kho tiếu hoá, chỉ là những tiếng vọng của một cái gì đã qua, một cái gì cần được quên lãng. Có đem chúng ra trau tria thì cũng chỉ là trò cỏ ngoạn.

Trong cơn hò hét tập thể ấy, vẫn có “ công an văn hoá ”

rình xem anh nào đứng yên, không hò reo, nhảy múa. Vô phúc cái anh đứng yên ấy lại là “ chính khách ”, “ truyền thông ” thì chuyện bé xé ra to ngay. Ân oán tranh cử, phe nhóm, đảng phái rầm rập kéo về hỏi tội cái im lặng kia. Cứ xem cảnh tình của ông nghị kiêm chủ hiệu ăn Tô Ni Lâm – cho đến ngày hôm nay – thì biết.

Mọi người khen sao anh không khen ? Mọi người chê sao anh không chê ? Im lặng cũng là thái độ. Anh theo phe nào ? Những câu hạch sách, hoạnh họe một thời làm cho không ít người, tay đang vẫy cờ, miệng đang hô khẩu hiệu kia, bầm gan, ứa máu, giờ lại được chính họ đem ra dùng trong khí thế một nền tiểu chuyên chính đột xuất ra đời và lớn mạnh trong sân chợ, trên phố Bolsa. Cứ nghĩ cảnh nền chuyên chính này bò về và thắng lợi vẻ vang trên “ quê hương ” thì đủ thấy rét.

Như vậy là luật chơi đã công bố. Các anh chị coi chừng !

Chỉ trong một khoảnh khắc tích tắc của lịch sử, lầm người tinh nhạy với chủ nghĩa cơ hội không chỉ hiểu mà còn thực thi một cách giỏi dang cách viết phải đạo. Giới truyền thông vừa diễn trò đì dây vừa tươi cười vui vẻ, như một ông chủ tiệm láng giềng của HiTek, vừa than vãn chuyện biểu tình làm ông buôn bán không được, vừa vẫy lá cờ vàng và hô hởi “ ủng hộ đấu tranh ”.

Có một loại “ đê tài ” vẫn chưa cũ và còn ăn khách, kể cả khách Mỹ, là tự do, dân chủ cho Việt Nam. Sự rộng lớn và mồ hôi của các từ dễ nghe, dễ nói này mở ra cả một không gian chính trị đủ màu, đủ vẻ. Ai cũng nhập cuộc được. Những ngày về sau của cuộc “ biểu dương ” tất nhiên được lèo lái, chuyển nhiều sang đê tài này ; đó là cách chứng tỏ mục tiêu đấu tranh là “ lớn ” hơn Trần Trường. Thế nhưng, các biểu hiện ngay trong cuộc pha trộn bà giàn bao nhiêu tiêu đề, khẩu hiệu, người ta vẫn có cảm giác cái “ thông điệp ” chính trị của những người chủ xướng vẫn là “ xoá bỏ ” cái chế độ “ cộng sản Hà Nội ”, mang lá cờ vàng về lại Việt Nam, thiết lập lại cái thời vàng son thịnh trị nào đó chưa hề có trong thực tế. Ôi, một “ chiến thắng ” mà các nhà lãnh tụ “ trong cái vinh quang một phút ” đã buột miệng thốt ra. Ở đây, và tại thời điểm này của năm 1999, cái thông điệp ấy không ăn khách không phải vì người ta còn phải nghĩ là nó đúng hay sai, người ta chỉ thấy nó buôn cười, nó là một thứ mơ mộng nói cho vui, nói đẽ xoa dịu một bức xúc nào đó rất riêng tư của một số người. Nghiêm chỉnh hơn, nó du một số người, của vài thế hệ, trở lại một cơn ác mộng cần được phôi pha, quên lãng. Và như vậy là nó có hại hơn có lợi cho chính cộng đồng. Nó đi ngược lại dòng chảy của thời gian, của thời thế.

Nếu tập thể người Việt hải ngoại có thể góp tiếng nói chính đáng, nghiêm chỉnh trong vấn đề quyền sống, quyền con người của mấy chục triệu người trong nước, cũng như mọi vấn đề chung của đất nước, đó sẽ là tiếng nói phải được trân trọng. Và tất nhiên, tiếng nói lương tri sẽ không cần phải núp dưới lá cờ nào, ngay cả lá cờ sao và sọc.

Cũng có thể tin được rằng, bất kể mọi lên gân, Sài Gòn nhỏ không thể là một “ hiểm họa ”, một “ đe doạ ” cho sự sụp đổ, nếu có, của bộ máy quyền lực Hà Nội. Cho đến giờ này, có thể nói hiểm họa lớn nhất cho Hà Nội là chính họ. Khi người ta vận dụng mọi thứ quyền lực để tự chặt tay, chặt chân, tự che

mắt, bit miệng mình thì những “ thờ lạy ” bên trong HiTek, hay những bấu véo, xả xói, văng tục bên ngoài cũng chỉ là chuyện “ ruồi bu ”.

Nguyễn Lộc

Lời bạt ... mang :

Thừa tháng xông lên, một ông lãnh tụ biểu tình, trong buổi hạ cờ từ già HiTek, chợt buông ra một lời “ đe doạ ” : Tổ chức ăn Tết muộn. Với người từng chứng kiến mấy năm liền “ cộng đồng ” tổ chức Tết, đây là một đe doạ đáng ngại.

[1] Về sự “ thách thức ” được nói đến rất nhiều này, xin trích đăng nguyên văn vài đoạn từ báo *Người Việt*, Orange County, California (6/3/1999) để bạn đọc có thêm thông tin. Phản bình luận của tác giả bài báo xin miễn ghi lại đây :

“ Từ ngày Trần Trường lên cơn, điên không ra điên tính cũng chưa hẳn, lâu lâu lại làm một chuyện ruồi bu. Cách nay mấy tháng, trong một chuyến về Việt Nam, Trần Trường kiểm được cái nón cối bền đem qua trưng tại tiệm HiTek.

(...)

“ Khi mấy hội đoàn đi bộ cứu nạn nhân bão lụt, Trường và vợ yết hai đắng “ Washington ” [3] đi park chơi, nhân tiện ghé vào đám người đi bộ. Mấy người biết mặt Trường, chỉ trả, nói móc lò. Người hỏi sao không nón cối cho khỏi nám da mặt ? Người khác chọc, sao không mang dép râu, phát cờ nâu sao vàng [4] ? Số người chọc ghẹo ngày một đông và bắt đầu lời qua tiếng lại. Mấy thanh niên hăng tiết viet nói sê ghé tiệm tịch thâu cái nón cối về làm bô cho con ỉa. Trường nóng gà, lớn tiếng thách thức, hắn nói không phải chỉ có cái nón cối mà y có cả cờ đỏ, sao vàng và hình Hồ nữ. Hắn sê treo lên có giờ hấy lột xuống.

“ Sau cuộc di bộ Trần Trường về nhà suy nghĩ, viết vội lá thư, sai chính tả tùm lum, fax cho tất cả báo chí thách thức đích danh mấy ông chủ tịch trong cộng đồng ”.

[2] Hoàng Cơ Minh, chủ tịch một “ mặt trận kháng chiến ” đã bị tử thương ở Hạ Lào trên đường thâm nhập Việt Nam. Một thời gian dài sau đó, các “ chiến hữu ” của ông ở Hoa Kỳ vẫn tuyên bố là “ lãnh tụ mạnh khoẻ và đang chỉ huy ở chiến khu quốc nội ” (chú thích của tòa soạn).

[3] Theo các báo Mỹ, vợ chồng ông Trường đặt tên hai con là Washington (chú thích của tòa soạn).

[4] Năm 1995, Trường tự xưng là “ hoàng đế Việt Nam ” và trưng cờ nâu sao vàng. Đó cũng là một bước tiến dài trên con đường dân chủ hoá, vì mấy năm trước đó, ông ta ở trong một giáo phái và tự tôn là... “ thượng đế ” (chú thích của tòa soạn).

Đêm Kiều ca ở Paris với Phạm Duy

Hoàng Phủ Ngọc Tường

Năm ngoái ở Paris, tôi có tới dự đêm nhạc Kiều của Phạm Duy, tại nhà anh chị Lê Tất Luyện ở Place Souham, quận 13. Tình cờ tôi gặp lại ở đây những người bạn đã một thời thương mến, một vài nhân vật từng làm nên kỳ tích trong lòng chế độ Sài Gòn thuở ấy, những trí thức yêu nước nổi tiếng thời chống Mỹ đã từng gào thét giữa quảng trường thời đại và vài vị nữ lưu với tà áo vẫn bay hoài trong làn gió hoang đường của thời tôi còn trẻ. Mỗi người bây giờ thuộc về một sự tích, một nhân thân khác nhau, nhìn đất nước bằng con mắt khác nhau... Nhưng thôi thì ai cứ giữ lấy linh hồn người ấy, ở đây là cà phê và thiện cảm, và nỗi thanh thản bên trong dành cho Phạm Duy và Kiều.

Tôi đã chăm chú nghe Phạm Duy ngày tái ngộ, với niềm xúc cảm chân thành trước một ngôn ngữ tràn đầy chất tâm linh mà tác giả dùng để kể về đời Kiều ; có thêm những nét sâu thẳm và bí ẩn trong những phẩy khúc dành cho thơ Hàn Mặc Tử. Tôi tự biết không đủ ngôn ngữ để diễn đạt hết những cảm nhận của tôi trong thể loại mới này của Phạm Duy ; chỉ có thể nói rằng tôi rất lạ lùng về sức sáng tạo dường như không bao giờ tắt cạn của một nghệ sĩ đã đàn hát vang lừng từ thời hai mươi tuổi, và bây giờ tóc đã trắng như bông...

Sau đêm nhạc, chúng tôi ngồi lại trong một hồi tâm sự dài suốt ba mươi năm. Thời đó, trước khi tôi lên rừng ít lâu, Phạm Duy thường về hát Tâm Ca với sinh viên Huế, và với tính cách cứng rắn của một thủ lĩnh tranh đấu, tôi thường tranh luận đến nhiều khi đậm ra “gây gỗ” với người nhạc sĩ mà tôi từng yêu mến. Bây giờ, có lẽ tuổi già đã làm cho tôi đàm tính hơn trong thái độ trước cuộc đời : và chẳng ba mươi năm đã qua đi đã quá đủ một cuộc bể dâu để tôi biết quý trọng nỗi dịu dàng trong câu hát của Trịnh Công Sơn, rằng “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng”.

Phạm Duy năm nay đã 78 tuổi, và tất cả những gì anh nói với tôi buổi chiều ấy ở Paris là chuyện anh muốn về, để sống những năm cuối đời ở quê hương. Anh nói người nghệ sĩ nào cũng mong muốn gởi gắm di sản tâm hồn cho dân tộc mình. Người Việt ở hải ngoại chỉ có 2 triệu, mà càng lúc càng ít người Việt nói tiếng Việt, trong lúc đó ngay thời tôi, có 76 triệu người Việt đang sống trên đất nước mình, và dân tộc thì trường tồn. “Ai sẽ hát những bài hát của Phạm Duy khi tôi không còn nữa ?”. Tôi chợt nhìn ra một nỗi u hoài thật sâu hiện bóng trong đôi mắt Phạm Duy. Bằng giọng thẳng thót anh nói như nói một mình, rằng anh sẽ mang khăn gói quả mướp về thăm làng, viết lại gia phả và có bảy nhiêu tiền dành dụm được sẽ dùng để xây lại cổng làng Phượng Vũ yêu quý của anh. Tôi hiểu, đấy là khát vọng bức bối của những nghệ sĩ lớn đang sống gần một đời ở hải ngoại, giống như chị Diễm Phùng Thị, anh Lê Bá Đảng đang làm tất cả để chuyển giao tài sản nghệ thuật cho dân tộc mình. Nhưng trường hợp Phạm Duy thì rắc rối hơn một chút : anh vẫn tha thiết trở về, đồng thời đề nghị những điều kiện x, y, z để anh có thể trở về.

Tôi nhìn Phạm Duy thật lâu, trên những nét nhăn vâng trán dưới mái tóc trắng như mây trời của anh, tôi đọc thấy một nỗi gì chân thành không xiết kẽ. Tự nhiên, tôi thấy lạ lùng đến không hiểu được, tại sao anh Phạm Duy lại đưa những chuyện xyz ấy ra làm gì nhỉ ! Trước hết, đó là những cái quá nhỏ so với khát vọng dân tộc của người nghệ sĩ. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng những thứ xyz kia nó vốn dĩ là tự nhiên sẽ đến với bất cứ ai đã trở về ; và cũng sẽ là không tự nhiên nếu người ta đặt ra như là điều kiện cần thiết để có thể trở về. Tôi nghĩ lịch sử sẽ không tiếp thu những cái gì không tự nhiên, đơn giản là vì nó không đáng giá để phải bàn tán.

Tôi nói với anh Phạm Duy, ngày xưa có một người lảng du bỏ xứ sở ra đi, đi hoài tới phía trước theo hướng mặt trời mọc. Anh ta đã đi qua núi, qua biển, qua sa mạc, qua những đai lục và những nền văn hoá khác nhau, và cứ thế mê mải đi về phía trước. Và cuối cùng, tất nhiên là như vậy, anh ta sẽ gặp lại đúng điểm đã xuất phát mà anh ta cứ tưởng là đã nằm lai phía sau. Dễ hiểu thôi, bởi vì anh ta là một Christophe Colomb của muôn đời, đi trên một trái đất tròn như trái cam.

Phạm Duy đã ra đi từ những làng quê có bà “mẹ già cuốc đất trồng khoai” cứ đi mãi hoài về phía chân trời để cuối cùng anh lại trở về với ngôi làng yêu dấu bên sông Hồng có con đê dài ngày ngắt. Cũng là dĩ nhiên thôi, đấy là hành trình của tâm thức Việt : và anh sẽ trở về bằng tấm hộ chiếu của làng Sorrento âu yếm có hạt mưa long lanh nỗi vui theo chân người xưa bước nhẹ về.

Đó là tất cả những gì cứ quấn quít trong lòng tôi khi tôi nghĩ về Phạm Duy suốt ba mươi năm và tôi đã giải bày hết tóc tơ trong đêm tái ngộ với anh ở Paris ; đêm ấy Phạm Duy nhấm nháp tách trà nóng còn tôi thì uống Whisky tối gần sáng. Lát sau anh đứng dậy ôm hôn tôi, rồi xách đàm ra sân bay để đi hát Kiều ca ở Amsterdam. Tôi chào Phạm Duy, với lời hẹn tái ngộ khẩn thiết tận đáy lòng.

Sau chuyến đi, tôi về dự đại hội văn nghệ tỉnh Quảng Trị và nhân thể, về Gio Linh thăm những bà mẹ đã nuôi tôi trong chiến tranh, hồi tôi đi chiến dịch Thành Cổ năm 1973. Bây giờ tôi mới biết rằng trên đất Quảng Trị quê tôi có tới hàng trăm bà mẹ vẫn chảy nước mắt khi nghe lại bài hát của Phạm Duy vì đó cũng chính là hoàn cảnh và số phận của họ.Thêm nữa, trong cái đêm u hờn được kể lại trong bài hát ấy đã có hai bà mẹ Gio Linh cùng lúc mang khăn gói đi tìm thi hài con trai. Bà mẹ (trong bài hát) có thêm bốn con trai khác tiếp tục hy sinh trong cuộc chiến đấu và cuối cùng chính bà đã ngã xuống bởi pháo Mỹ nổ chính căn nhà mà bà đã lân lượt chôn cất những con trai của bà. Tôi về thăm, nền nhà cũ bỏ hoang vẫn y nguyên bên vệ đường cái mới đắp từ Cửa Việt chạy qua làng Mai Xá.

Bà mẹ thứ hai cũng đã qua đời, chỉ còn lại người con gái của mẹ tên là Nguyễn Thị Vện Địu, chị của liệt sĩ Nguyễn Văn Phi, đã cùng mẹ ra chợ gói đậu em về chôn cất. Nghe tôi vừa đi Tây về, bà hỏi liền, có gặp chú Phạm Duy ở bên đó không, rằng lâu chưa thấy chú về thăm ? chú về đây tôi nấu khoai cho chú ăn, ăn tới “đã sém”. Ôi nhân dân, nhân dân như thế, anh Phạm Duy !

Đó là những thông tin mới nhất về những bà mẹ ngày xưa, tôi chuyển lại cho tác giả của bài hát vẫn còn mãi trong tâm tưởng quê tôi. Nhớ lại đêm hàn huyên ở Paris, tôi chợt thấy một nỗi khát tới quặn lòng, rằng một ngày tôi sẽ cùng đi với Phạm Duy về thăm Gio Linh, cùng với dân làng ngồi nghe anh hát lời hiếu thảo với đất đai, bằng chính cây đàn anh đã bỏ quên từ lâu, và bây giờ tìm thấy lại.

Hà Nội, 18.5.1998

nguyễn ước

Ý NHI

quê hương

Rồi ta về ngày thơ ngây
trái mận trái mơ
con giống đêm rầm
đèn trung thu sáng nến
phượng nở êm đềm trên mái rêu.

Rồi ta về
nghe gió
thiếp lăng giữa vòm cây
như tiếng gọi trong chiều.

Rồi ta về
trong sóng
trên mặt hồ xanh
còn thuyền đi bến bờ.

Rồi ta về
mưa phùn, lọc biếc.

Rồi ta về
phố dài cõi vắng
sông lớn âm thầm thắm đỏ.

Rồi ta về
tìm qua ô cửa
một chút gì bóng dáng đợi ta
một chút gì như đốm nắng trên tường vôi cũ
một chút gì như tiếng chim khuyên
nơi vườn hoang.

Rồi ta về
cuộn trốn giữa yêu thương
như đứa trẻ
cuộn mình
trong chăn ấm chiều đông.

Ôi quê hương quê hương
mắt trũng sâu chờ đợi
ta khóc ngập trên lối về.

Ra đi

như con thuyền rời bến khi ngày vừa rạng
sóng chạm vào doi cát lối từ biệt

Như chiếc lá còn xanh rời bỏ nhánh cành
dấu vết mơ hồ trên cội rẽ

Như bông lan tím sẫm
nhạt dần
rời một ngày khép lại tựa chiếc kén cũ xưa

Ra đi
như chiếc bình sứ lộng lẫy trong tủ kính sáng đèn
âm thầm vỡ rạn

Như bài thơ hay trên trang báo bị xé
buồn tủi
hân hoan
bay những cánh bướm cuối ngày hè.
Như chiếc nhẫn của lối hẹn ước
tuột khỏi vòng tay
lẫn mình cùng sỏi đá.

Ra đi
như người đàn bà đi khỏi mối tình của mình.

ra khỏi thành phố

Người lơ xe la to lên
báo giờ khởi hành.

Thế là xa
những con đường quanh co, những gãy gãy trớ trêu

Thế là xa
những ngôi nhà cao tầng
chứa bao nhiêu số phận sau ô cửa màu
chứa bao nhiêu tối tăm
dưới ánh đèn ngũ sắc.

Thế là xa
những mắt nhìn van lon những mắt nhìn thù nghịch

Thế là xa
bao lo âu, dày vò, thúc bách

Thế là xa
nỗi thương yêu khiến lòng ta bối rối

Thế là xa
những hiềm khích khiến lòng ta buồn khổ.

Chỉ còn lại trước ta một con đường

và hoa phượng đỏ tràn về

và lá xoài non

và nước êm đềm kênh rạch

và lúa

và dừa

và ánh vô tư nơi đáy mắt.

Và anh

người lơ xe
xin dừng kêu lên
rằng đã tới một thành phố khác.

Ba bài thơ này trích từ tập thơ *Vườn* của Ý Nhi, Nhà xuất bản Văn Học, 1999.

một chùm lục bát CUNG TRẦM TƯỞNG

tiếng gọi

Ta đi trong chữ tình ta
Thấp nhang trầm chữ đọc ra linh hồn
Còn nồng ấm nụ đồi hôn
Thuở tròn trĩnh mẹ đẻ hòn máu thơ
Đầu âm môi ấy ấm ờ
Mà nghe cái gọi nứt bờ thời gian
Con yêu tiếng mẹ vô vàn
Một lời mẹ rót ra ngàn cổ thư
Nhớ này giòn giã tâm tư
Chữ thi nhân đốt hư vô lửa bùng
Si ca ta cũng một dòng
Vân thơ điện ném làm chùng không gian.

Minnesota đêm nghe Bùi Giáng qua đài
1998

tiếng tàu hạ non

Một chờ cõi cút sân ga
Hai mang đau đau tình ta tang sầu
Đợi dà goá chín thiên thâu
Ta nghe đêm áy tiếng tàu hạ non
Néo hồn hồng dại chon von
Nai hung lá với gác son giăng liêm
Người dường thoảng mẹ nhiều em
Hao hao pha liêu buông rèm cổ thi
Người về trong lúc tàu đi
Rót nhanh một nét tường vi hoang đường.

Đà Lạt 1990

về đây

Về đây tôi lại gặp tôi,
lang thang lối cũ, trước đồi sau nương.
Ngô đồng lả ngọn thuần lương,
trời cao không đỉnh, mến thương không bờ.
Cố tri xóm hạnh bảy giờ
vẫn mầu nhiên cổ khoác chờ mối xưa.
Vẫn duyên là nắng toả vừa,
hiu hiu tùng rủ bóng chưa phai niềm.
Ngày đi, chiều tối không nghiêm,
khoan thai gió cởi phong niêm rũ buồn.
Bờ nghiêng nắng giốc đường thuôn,
thiết tha tiếng cũ nghe luồn không trung.
Chân vui lối rộn khôn cùng,
gần xa trời mở vòng cung thâu vào.
Chân phượng lòng thấy nao nao,
với muôn thương mến lên cao hòn trời.

Salon de Provence
1956

chiều biệt ly

hay
bài thơ làm chậm
ba mươi bốn năm

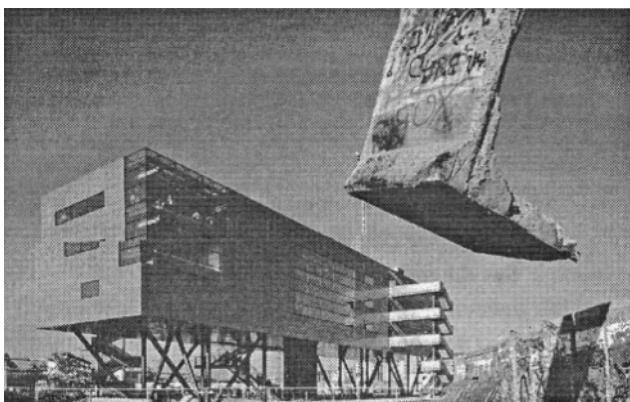
Gửi Simone Seuil

Nhin nhau qua tối vô hình
Cho sau xa vắng còn tình nuối nhau
Người đi người ở lòng đau
Sầu như sầu sợi tóc sầu lia da
Mắt chiều hun hút sân ga
Còn cầm tay đã mất và nhớ nhung
Nhìn nhau thấu đáy Kỳ Cùng
Cho sau còn ngắn thuỷ chung thì thâm
Tàu lăn lăn bánh ầm ầm
Người về cúi mái chùa Trầm nhìn ao
Có quên quên lửa đêm đầu
Sao đành xao lãng chiều màu biệt ly

Sài Gòn 1990

Thủ đô Berlin năm 2000

Văn Ngọc



Công trường Postdamer Platz lúc mới khởi công : phòng thông tin Info Box bên cạnh Bức tường đang bị phá đi hẳn (1995).

Không thể nào hiểu được một thành phố, nếu ta không biết qua đôi chút lịch sử của nó, nhất là một thành phố như Berlin mà số phận lại gắn liền với khá nhiều biến động của lịch sử.

Berlin thực ra chỉ là một thành phố tương đối “mới” so với Paris. Tuy nhiên, nó đã từng là một thành phố đẹp, và phồn vinh, đã từng có những thời kỳ vàng son ở thế kỷ 18, 19 và đầu thế kỷ 20. Nhưng Berlin đã bị tàn phá nhiều : năm 1945, sau chiến tranh, nó đã biến thành một bãi sa mạc với 75 triệu m³ gạch đá vụn...

Người ta hẳn vẫn chưa quên cái thời còn mờ mịt ma Bức tường, Berlin còn bị phân đôi, một bên là “Đông Bá Linh”, một bên là “Tây Bá Linh”. Trong suốt 45 năm nước Đức bị chia cắt, mỗi nửa của Berlin đã chia sẻ số phận chung của mỗi nửa đất nước, và đã phát triển theo những hướng trái ngược hẳn nhau.

Kịp đến ngày 9-11-1989 Bức tường sụp đổ, và ngày 3-10-1990, nước Đức hoàn toàn thống nhất, vấn đề lựa chọn giữa Bonn và Berlin để làm thủ đô được đặt ra khẩn trương.

Cuối cùng, ngày 21-6-91, Quốc hội Đức đã bỏ phiếu và đã chọn Berlin (điều đáng chú ý là số phiếu chênh lệch nhau rất ít : Berlin được 337 phiếu, Bonn 320 phiếu. Tất cả các đại biểu Đông Đức đều bỏ phiếu cho Berlin, cộng với một số đại biểu Tây Đức cũng đã bỏ phiếu cho thành phố này). Cuộc bỏ phiếu đương nhiên đã dựa trên những tiêu chuẩn về vị trí chiến lược, về các mặt lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v.., song chắc hẳn người ta cũng đã chú ý đến cả những thuận lợi của Berlin về mặt địa hình, cũng như về các điều kiện qui hoạch, xây dựng và cải tạo, không những cho trước mắt mà cả trong tương lai.

Vấn đề đặt ra, trước hết là bảo đảm nơi chỗ cho các cơ quan nhà nước : dinh Tổng thống, nhà Quốc hội, trụ sở của các bộ, chỗ ở của các nhân viên chính phủ, và viên chức các bộ, v.v...Trong thời gian đầu, một số bộ sẽ còn lưu lại ở Bonn, mỗi bộ đều có văn phòng vừa ở Bonn, vừa ở Berlin.

Song, vấn đề không thể chỉ dừng lại ở đây. Đưa thủ đô của

nước Đức thống nhất về lại Berlin trước năm 2000, người ta còn muốn nhân cơ hội này làm mới lại bộ mặt của thành phố, nêu rõ cái vai trò tượng trưng cho sự thống nhất đó của nó, ít nhất bằng cách cải tạo lại khu trung tâm, cũng là cái mặt tiền nhìn ra thế giới. Berlin phải trở thành một thủ đô hiện đại, xứng đáng với vị trí của nước Đức ở Âu châu và trên thế giới.

Tất cả nội dung chương trình cải tạo và xây dựng mới trung tâm Berlin nằm gọn trong những hướng lớn đó.

Tuy nhiên, xây cái gì, xây ở đâu, xây như thế nào, và nhất là lấy tiền đâu ra để xây, để vừa làm đẹp, làm tốt thêm cho cái mặt tiền của thành phố, vừa nói lên khả năng xây dựng, trình độ khoa học kỹ thuật, khả năng đón nhận những ý tưởng mới mẻ về mặt qui hoạch và kiến trúc của thế giới, cũng như sự tham gia đầu tư của các tập đoàn doanh nghiệp quốc tế, bằng ấy điều đều là những vấn đề cụ thể đã được đặt ra.

Do đó, phương án xây dựng và cải tạo trung tâm Berlin, từ một qui mô tương như chỉ bằng qui mô xây dựng một hai khu phố lúc ban đầu, đã trở thành một phương án lớn, một công trường khổng lồ, cả ở trên mặt đất lẫn dưới đất, vì nó đặt vấn đề không những là phải xây dựng cùng một lúc ở nhiều khu khác nhau, mà còn phải cải tạo lại các hệ thống giao thông trên và dưới mặt đất cho cả Berlin : tàu điện ngầm, xe lửa, xe điện, xe hơi, v.v... Cũng vì vậy mà công trường không chỉ mở ra ở Postdamer Platz, nơi xây tập trung những tổng thể kiến trúc quan trọng nhất, mà còn ở nhiều nơi khác trong thành phố, đặc biệt là ở các khu xây dựng mới Spreebogen, Spree Bend, bên bờ sông Spree, gần nhà Quốc hội, rồi ở khu Mitte, bên Đông Bá linh, dọc theo đại lộ Friedrichstrasser, v.v...

Cái ý xây tập trung ở “khu trung tâm” là một sáng kiến hay, vì nhiều lý do (trong đó đương nhiên có lý do tài chính : Berlin rộng lăm, làm sao mà xây dựng tràn lan được ?), nhưng người ta chỉ có thể thấy hết được cái hay, cái ý nghĩa tượng

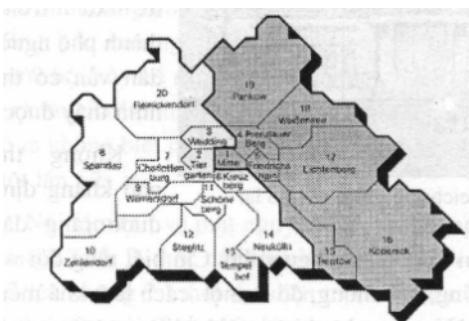


Bản đồ khu trung tâm Berlin

trưng của nó, khi biết một cách chính xác “khu trung tâm” đó nằm ở đâu.

Trung tâm địa lý và lịch sử của Berlin, từ bao giờ vẫn là khu *Mitte*, một thời thuộc Đông Bá Linh. Đây chính là cái nôi của thành phố này, nơi có con đường với cái tên độc đáo “Unter den Linden” (“Dưới bóng cây đoạn (tilleul)”) – cây đoạn không biết ở bên ta có không, mà sao cái tên hơi lạ !” – Cái tên chỉ có thể, không để rõ là đường, phố, hay đại lộ gì hết

!). Con đường này có từ thế kỷ 17, dưới thời vua Frédéric-Guillaume, khi Berlin từ một thị trấn bên bờ sông Spree bắt đầu phát triển sang hai bờ để trở thành một thành phố. Khu



Các khu phố ở Đông Bá linh và Tây Bá linh cũ chạy qua lánh nạn, cũng đã cư trú ở đây. Có một thời họ đã chiếm 20% dân số của thành phố này.

Trong vòng ba trăm năm, Berlin đã phát triển đều ra bốn phía, sát nhập dần các thị trấn, thị xã nằm ở xung quanh. Những khu phố sầm uất ngày nay của Berlin, như : Charlottenburg, Wilmersdorf, Kreuzberg, hoặc xa hơn như Spandau, Zehlendorf, v.v..., trước kia đều là những thị trấn, hoặc làng xã, đã phát triển song song cùng với Berlin và phần nào đã tuỳ thuộc vào các hoạt động của thành phố này.

Đến năm 1920, thì bản đồ “ Berlin lớn ” đã định hình, với tổng diện tích 878 km² (gấp 8 lần Paris), với dân số 4 triệu người. Điều đáng chú ý là trên diện tích này, cây xanh và sông hồ chiếm một tỷ lệ rất lớn, do đó Berlin có một dự trữ khá dồi dào về cây xanh và những vùng đất trống.

Con đường Unter den Linden xưa, qua các thế kỷ 18 và 19, đã được mở rộng và nối liền, một bên với các đại lộ 17 Juni, Bismarck Strasse, Kaiser Damm, v.v...đi về hướng Tây (hướng đi Hamburg), một bên với đại lộ Liebknecht, quảng trường Alexander Platz, đại lộ Prenzlauer Allee đi lên Đông-Bắc (hướng đi Ba Lan, v.v...). Đây là trục đường chính hướng Đông-Tây của Berlin. Thẳng góc với trục đường này là một trục đường khác cũng quan trọng, đó là đại lộ Friedrichstrasse nổi tiếng, tiếp tục bởi đại lộ Muller Strasse, v.v... đi về hướng Tây-Bắc.

Trong thời kỳ thành phố bị chia đôi, thì ở Tây Bá Linh, cái mà ta có thể gọi là “trung tâm” là những khu phố đã phát triển dọc theo các tuyến đường Bismark Strasse và Kurfursten Damm (được gọi tắt là “Kudam”, và được coi là Champs-Elysées của Berlin), cụ thể là hai khu Charlottenburg và Wilmersdorf. Một khu khác, bình dân hơn , và trẻ trung hơn, cũng là nơi tập trung các sinh hoạt văn hoá, nghệ thuật một thời, là khu Kreuzberg, nằm ở ngay sát bên dưới khu Mitte, cách có một Bức tường.

Còn ở Đông Bá Linh, thì trung tâm lịch sử đã có sẵn rồi, đó là khu Mitte, như đã trình bày ở trên, với những di tích lịch sử, những công trình hành chính và văn hoá xây từ thế kỷ trước, với quảng trường Alexander Platz, đại lộ Friedrichstrasse, v.v... Trong thời kỳ “bao cấp” dưới chế độ cộng hoà dân chủ, về mặt văn hoá nghệ thuật, khu này cũng có được một số sinh hoạt do nhà nước quản lý, song về mặt đời sống kinh tế thì không lấy gì làm nhộn nhịp lắm. Nhà cửa ở nhiều nơi trong khu Mitte, do không được chăm lo sửa sang thường xuyên trong suốt hơn 40 năm nay đã bị

hở nát khá nhiều.

Sử dụng những công trình đã có sẵn ở khu Mitte, ngay gần Nhà Quốc hội, để làm trụ sở cho các bộ và các cơ quan nhà nước là một giải pháp vừa kinh tế , vừa thuận tiện, lại vừa giữ được cho khu này cái cương vị lịch sử vốn có của nó.

Cũng vì thế mà một số lớn các bộ, và cơ quan nhà nước đã hay sẽ được chuyển về khu Mitte, hoặc kế bên, trước mùa xuân năm nay, trong những công trình đã có sẵn, hoặc từ thế kỷ trước, hoặc từ dưới thời Cộng hoà dân chủ ở Đông Bá linh : Bộ ngoại giao, Bộ tư pháp, Bộ tài chính, Bộ kinh tế, Bộ lao động và xã hội, Bộ qui hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, v.v... (Có những công trình chỉ là nhà thuê của tư nhân).

Nơi ở của Tổng thống Đức, ngay từ 1995 đã được chuyển từ Bonn về lâu đài Bellevue, một công trình kiến trúc được xây từ năm 1785, bởi một người em, hay anh, của vua Frédéric le Grand, trong khu vườn Tiergarten (Xưa kia lâu đài này nằm ở tít xa ngoài thành phố, vậy mà bây giờ ở ngay giữa trung tâm địa lý của Berlin !).

Song, tòa lâu đài xinh xắn này đã không đủ chỗ để chứa các cơ quan trực thuộc dinh Tổng thống. Cho nên, cách đó không xa, người ta đã xây lên một tòa nhà hiện đại ba tầng, mặt bằng hình thoi khép kín, ở đây tập trung các cơ quan và văn phòng của Tổng thống. Đây có lẽ là một trong những thí dụ dở nhất về mặt kiến trúc mà tôi đã gặp ở trung tâm Berlin, cùng với tổng thể kiến trúc ở khu Spreebogen, nơi đặt các cơ quan của Bộ nội vụ ! Ôi, sao mà nó giống những nhà tù thế, mà rồi đến lúc có muối nới rộng ra cũng không được nữa ! Người ta gọi đó là những loại kiến trúc khép kín (cũng như qui hoạch khép kín) ! Chính những thí dụ dở này cho phép ta có một ý niệm cân xứng hơn về trình độ kiến trúc hiện đại của Đức.

Việc cải tạo ngôi nhà Quốc hội, mà tôi sẽ trình bày vào chi tiết sau, cũng đã được khởi công ngay từ 1994.

Song, nếu chỉ cải tạo không thì không đủ, vấn đề nhà ở cho các đại biểu Quốc hội, nhân viên các bộ và các cơ quan, đòi hỏi phải xây mới một số công trình, với chức năng thích hợp, và ở một địa điểm thuận tiện, không quá xa nhà Quốc hội. Muốn thế, không thể nào không xem lại toàn bộ sơ đồ qui hoạch của khu vực.

Một cuộc thi quốc tế đã được tổ chức và một giải pháp đã được chọn lựa. Đó là phương án của hai kiến trúc sư Axel Schultes và Charlotte Frank, đề nghị một trục nằm vắt ngang qua một khúc lượn của con sông Spree, từ Tây Bá linh sang Đông Bá linh, ở một địa điểm có tên gọi là Spreebogen, gần sát ngay nhà Quốc hội.

Nằm trên trục này, trước hết có dinh Thủ tướng, với 19.000m² diện tích sử dụng. Tác giả công trình này cũng là cùng tác giả của sơ đồ qui hoạch chung. Ngoài ra, các công trình khác đều dành cho các cơ quan nhà nước. Nói chung, các phương án kiến trúc ở đây đều đã được chọn lựa qua một cuộc thi quốc tế. Mỗi tổng thể kiến trúc mang một tên riêng : Paul Lobe, Marie-Elisabeth Luders, Jacob Kaiser, và có diện tích sử dụng trên dưới 50 000 m², nhưng đều được xây rải ra với chiều cao khiêm tốn không quá 5 tầng (gabarit chung ở Berlin thấp hơn ở Paris. Xưa nhà ở các phố lớn thường chỉ 3-4 tầng là nhiều, nhưng trần rất cao).

Chính là nhờ ở cái mô bào thông thoáng vốn có sẵn của nó, mà thành phố này còn nhiều chỗ để “ thở ” và “ cựa quậy ”. Cũng nhờ đó mà cả ba khu xây dựng mới : khu Spreebogen ở phía đông-bắc vườn Tiergarten, dành cho các công trình của nhà nước và do nhà nước đầu tư, quản lý ; khu Postdamer Platz, ở phía đông-nam vườn này, dành cho các hãng doanh nghiệp quốc tế đầu tư xây dựng ; và khu nằm dọc theo đại lộ Friedrichstrasse, cũng do tư nhân đầu tư, cộng với một số công trình nữa nằm ở về phía đông đại lộ Friedrichstrasse, trong khu Mitte, sẽ tạo nên bộ mặt mới của khu trung tâm Berlin.

Xem như vậy, khu “ trung tâm mới ” của thủ đô Berlin , tuy vẫn là khu Mitte lịch sử, nhưng trên thực tế đã được nới rộng, cải tạo và xây mới lại khá nhiều. Trọng tâm của nó đã nhích về phía tây, với hai khu mới : Postdamer Platz và Spreebogen, mặc dù hai trục chính vẫn là các đại lộ Friedrichstrasse và Unter den Linden. Đây cũng là một điều dễ hiểu : chỉ có về phía tây, nơi có khu vườn Tiergarten thông thoáng, mới có chỗ để xây mới, xây cao, và tạo nên được một “cao điểm” về mặt kiến trúc, làm gạch nối giữa khu trung tâm mới, nằm bên Đông Bá linh, và khu trung tâm rất phồn thịnh của Tây Bá linh cũ, thể hiện lên cái ý chí thống nhất mà thủ đô Berlin là một biểu tượng cụ thể.

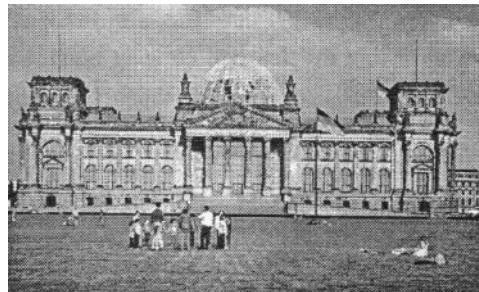
Công cuộc cải tạo và xây dựng mới ở trung tâm Berlin là một thí dụ hiếm hoi, một mẫu mực về mặt phương pháp qui hoạch, kiến thiết và cải tạo đô thị ở một nước khoa học kỹ thuật và công nghiệp phát triển. Đây cũng là một thí dụ về tổ chức và quản lý, kể cả quản lý các nguồn vốn đầu tư vào xây dựng.

Song, về mặt kiến trúc, nó đã đem lại được những gì mới lạ, so với những thập niên vừa qua, và trước thềm năm 2000 ?

Một trong những cái “ định ” của công cuộc cải tạo là ngôi nhà Quốc hội cũ (Reichstag, xây từ 1884-1894).

Riêng cho việc cải tạo công trình này để thích nghi với những nhu cầu và chức năng mới, mà lại không được đụng chạm đến mặt tiền của tòa nhà cổ, một cuộc thi quốc tế đã được tổ chức vào năm 1993. Người được giao phó trách nhiệm thực hiện là Sir Norman Foster, một kiến trúc sư người Anh nổi tiếng vào những năm 70, một trong những người đầu tiên đã đưa thẩm mỹ “High-Tech” (1) vào kiến trúc. Foster đã từng cộng tác nhiều năm với Richard Rogers, tác giả Trung tâm Pompidou cùng với Renzo Piano.

Ngân quỹ dành cho công trình này là 600 triệu DM (con số chính thức, song không biết người ta đã kể vào đây chưa số tiền sẽ phải chi cho việc tu sửa lại mặt tiền ! Bởi vì chỉ riêng khâu này đã được ước lượng là sẽ tốn kém đến 200 triệu DM. Ở đây tồn tại một mâu thuẫn lớn : bởi dù muốn hay không, cái mặt tiền cổ kính này rồi ra cũng phải tu sửa lại !). Trong bốn năm xây dựng công trình, mỗi công dân Đức đã đóng góp mỗi năm 2 DM. Đại khái, Foster chỉ sửa đổi các hình khối không gian ở bên trong, và một số thiết bị kỹ thuật (sử dụng năng lượng của các nguồn nước ngầm để điều hoà không khí), còn ngoài ra cái *định* của công trình cải tạo này, và chắc chắn cũng là nơi tiền bạc đã đổ vào nhiều nhất, là cái mái vòm bằng kính (sử dụng năng lượng mặt trời) soi sáng cho gian phòng hội, đồng thời cũng là biểu tượng mới của nhà Quốc hội : đó là



Nhà Quốc hội (Reichstag) được cải tạo lại

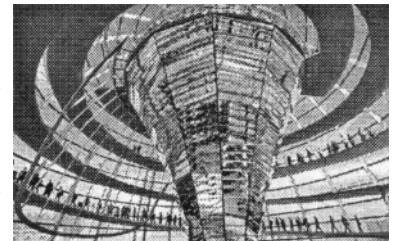
“trái tim của Berlin”, một biểu tượng mà từ xa trong thành phố người dân vẫn có thể nhìn thấy được.

Không thể nào khẳng định được rằng đây

là một quan niệm tồn cổ, hay ngược lại. Chỉ biết rằng đối với dư luận quần chúng, nói chung, đó là một cách làm khá mềm mỏng, khéo léo. Về mặt nghệ thuật, nó thể hiện một sự tương phản giữa các hình khối và chất liệu, giữa cấu trúc “ High Tech ” và kỹ thuật xây dựng cổ điển, một quan niệm cho đến nay vẫn còn đôi chút giá trị, đương nhiên với điều kiện là sự tương phản đó phải tuân thủ một số qui luật và gây được cảm xúc thẩm mỹ ở nơi người xem.

Bạn có thể không đồng ý với cái vòm kính đó về mặt thẩm mỹ, song phải nhìn nhận rằng, đó là một sáng kiến, có khả năng thu hút khách thập phương nay mai sẽ đến tham quan công trình giàu ý nghĩa lịch sử này.

Nếu chỉ nhìn về mặt thẩm mỹ không thôi, thì bạn có thể thấy rằng cái vòm kính này không đạt yêu cầu lắm về mặt thẩm mỹ : cấu trúc “ High Tech ” đưa vào đây hoàn toàn gắng gượng và nặng nề ! So với cái kim tự tháp bằng kính của Pei ở viện bảo tàng Louvre có lẽ cũng không so sánh nổi (Pei không phải là một kiến trúc sư thuộc xu hướng High Tech), bởi vì Pei từ chối không có gì cả xây lên một hình khối hoàn toàn mới, không dính dáng gì đến kiến trúc của cung điện Louvre, (nói thế không có nghĩa là tôi hoàn toàn thoả mãn với cái hình dáng kim tự tháp của Pei !) trong khi Foster xây một vòm kính mới để thay thế một vòm kính cũ. Cái khác nhau nữa còn là về mặt chức năng :



Vòm kính nhà Quốc hội nhìn từ bên trong ra

ở viện bảo tàng Louvre, Pei cần chiều cao cho cái sảnh rộng thênh thang ở tầng dưới, nên đã phải xây cao cái mái bằng kính lên khỏi mặt đất, và hình kim tự tháp là một trong những hình khối tương đối ít choán không gian nhất trước mặt cung điện Louvre. Trong khi ở nhà Quốc hội Đức, chiều cao của cái vòm bằng kính, với đầy những cấu trúc sắt thép, dường như không cần thiết cho lầm đối với cái chức năng soi sáng của nó, trừ khi người ta còn muốn khai thác cái vòm kính để làm cái nơi cho khách du lịch leo lên tham quan ! Đây cũng là một ý hay, nhưng liệu có thực tế không, thì chưa biết được . Tôi đã có dịp tham khảo cái mái vòm bằng kính của Nhà Quốc hội này trước khi bị chiến tranh tàn phá. Đại khái nó cũng giống như những chiếc mái vòm bằng kính ở Grand Palais, Petit Palais ở Paris. Nó có cái thẩm mỹ riêng biệt của nó, với những đường cong vừa phải, cấu trúc kín đáo, nhẹ nhàng, hoàn toàn ăn khớp với phong cách kiến trúc chung của những công trình cuối thế kỷ trước, đầu thế kỷ này. Foster đã

đưa cái vòm kính đó lên cao (chắc hẳn theo yêu cầu của chủ công trình, để nhìn thấy được từ xa, và có lẽ cũng là để từ trên đó nhìn xuống thành phố), mà lại không tìm ra được cho nó một hình dáng phù hợp hơn với hình khối chung, vuông vắn, thẳng góc của ngôi nhà Reichstag. (Số phận của ngôi nhà Quốc hội này kể ra cũng khá lận đận : sau chiến tranh, nó đã được tu sửa lại một lần rồi. Nhà nước Tây Đức cũng đã phải bỏ ra không biết bao nhiêu tiền của vào đấy, bây giờ lại tu sửa một lần nữa!).

Nói tóm lại, về mặt nguyên tắc, tôi không chống cấu trúc “ High Tech ”, mặc dù tôi cho rằng, để *nói lên* (có cần phải nói lên không ?) thời đại điện tử và tin học ngày nay, không nhất thiết phải dùng đến hình tượng các cấu trúc High Tech, dẫu sao cũng chỉ là hình thức, và xem ra cũng đã hơi lỗi thời rồi, nhất là đôi khi nó đã trở thành một hình thức trang trí. Có chống, là tôi chống sự không hài hòa, không ăn khớp, giữa các hình khối trong một tổng thể kiến trúc, cũng như sự tốn kém không cần thiết, hoặc một sự thiếu lô gích nào đó thôi.

Nói đến xây dựng mới ở khu trung tâm Berlin, đương nhiên người ta nghĩ ngay đến Postdamer Platz, mặc dù dọc theo đại lộ Friedrichstrasse, ngay từ những năm 95-96 một số công trình kiến trúc khá hiện đại đã được xây xong hẳn, trong đó có công trình Galeries Lafayette do Jean Nouvel, một kiến trúc sư người Pháp, tác giả Institut du Monde Arabe, thiết kế.

Không phải tình cờ mà Postdamer Platz đã được chọn làm cái “ mũi nhọn ” về mặt kiến trúc cho trung tâm thủ đô mới.

Tìm ra được một địa điểm, để vừa có thể xây dựng mới được một tổng thể kiến trúc hiện đại, có sức hấp dẫn về mặt thẩm mỹ, lại có nhiều chức năng quan trọng - làm cái gạch nối giữa khu trung tâm lịch sử nằm ở bên kia Bức tường và khu “ trung tâm ” thương mại nằm ở bên này Bức tường – hẳn đã là một công việc đòi hỏi nhiều suy tính, vì phải dự trù hết mọi điều kiện thực hiện, cũng như mọi hậu quả mà công trường sẽ đặt ra cho thành phố.

Lời giải cho bài toán, thực ra đã có sẵn : đó là địa điểm quảng trường Postdamer Platz.

Quảng trường này xưa kia cũng đã từng là một nơi nổi tiếng của Berlin, với những khách sạn, cà phê sang trọng, những cửa hàng buôn bán đông vui, trên một trục giao thông thuận tiện, song trong thế chiến thứ hai đã bị san bằng. Vào thời kỳ đầu oanh liệt của kiến trúc hiện đại ở Âu châu (1900-1933), Postdamer Platz cũng đã từng là nơi xây thử nghiệm nhiều công trình của Gebr. Luckhardt, Erich Mendelson, v.v... Do nằm ngay trên ranh giới giữa Đông và Tây Bá Linh, cho nên sau chiến tranh khu đất này vẫn bị bỏ hoang.

Xây dựng mới trên một địa điểm mà cái tên còn âm vang kỷ niệm của một thời vàng son của Berlin, vừa là một thuận lợi, mà cũng vừa là một thử thách. Người dân Berlin xem ra có vẻ quí chuộng những kỷ niệm cũ, những di tích còn sót lại từ cuộc chiến vừa qua : nhà thờ Gedachtniskirch (1891-95), chẳng hạn, với phần phế tích nằm cạnh phần xây mới khá hiện đại do kiến trúc sư Egon Eiermann, một môn đệ của Skidmore, Owings và Merrill thực hiện (1959-63), là một thí dụ điển hình.

Cái ý xây tập trung ở quảng trường Postdamer Platz nhiều tổng thể kiến trúc hiện đại, đa dạng, và đa chức năng, bao gồm



Quảng trường Postdamer Platz hồi đầu thế kỷ

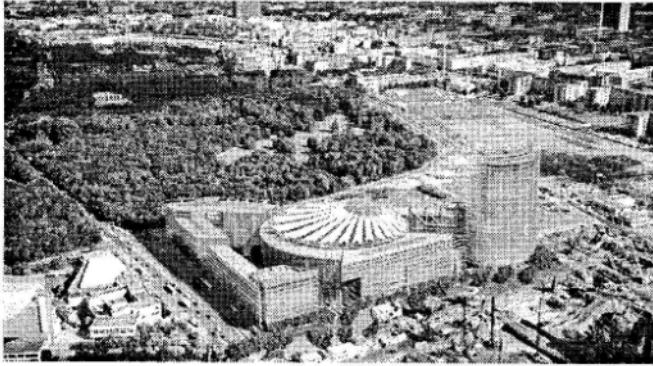
nào là văn phòng, nhà ở, nào là cửa hàng buôn bán , trung tâm kinh tế, văn hoá, nghệ thuật, giải trí, v.v... để tạo thành một khu phố tấp nập, làm cái mặt tiền cho thành phố và cửa ngõ cho trung tâm mới, đã hấp dẫn được nhiều tập đoàn doanh nghiệp lớn đến đầu tư xây dựng ở đây : Daimler-Benz ; Sony/Tishman Speyer/Kajima ; Deutsche Bahn AG ; Senate Building, Housing and Transport Department, v.v... Và người ta đã chọn những kiến trúc sư có tên tuổi và có kinh nghiệm về kiến trúc đô thị để giao phó trách nhiệm thực hiện.

Daimler-Benz, chủ công trình của Trung tâm cùng tên (Trung tâm này có diện tích xây dựng 550.000 m² - diện tích đất : 68.000 m² - trong đó có 620 phòng ở, 169 căn hộ, một khách sạn quốc tế 350 buồng, một trung tâm chiếu bóng 19 màn ảnh, hai nhà hát, một phòng thí sinh nhạc, một casino, v.v...) đã chọn nhóm kiến trúc sư gồm một số tên tuổi quen biết : Renzo Piano, Christoph Kohlbecker ; Arata Isozaki ; Hans Kollhoff ; Ulrike Lauber, Wolfram Wohr ; José Rafael Moneo ; Richard Rogers. Người phối hợp chung và cũng là tác giả của tổng mặt bằng trung tâm này là Renzo Piano.

Tập đoàn Sony/Tishman/Kajima, chủ công trình của Trung tâm Sony, đã chọn nhóm kiến trúc sư Helmut Jahn và Murphy, có văn phòng ở Chicago. Helmut Jahn, trước kia có lúc đã từng là học trò của Mies van der Rohr, song vào cuối thập kỷ 70, ông tham gia nhóm Chicago Seven, một nhóm kiến trúc sư chủ trương chống lại ngôn ngữ đơn khốc, quá khô khan của Mies van der Rohe, Skidmore, v.v.... Helmut Jahn đã thiết kế nhiều công trình ở Chicago và ở khu Ku-dam nổi tiếng của Berlin. Trung tâm Sony, với diện tích xây dựng 132.500 m² (diện tích đất : 26.500 m²), gồm 81.000 m² văn phòng, 26.500 m² ở, 37.500 m² dành cho các sinh hoạt điện ảnh, 8000 m² dành cho các sinh hoạt giải trí và ăn uống.

Ngoài hai tổng thể kiến trúc này, mà chiều cao chưa quá 25 tầng, còn một tổng thể thứ ba khiêm tốn hơn (7 tầng + tầng trệt), dành cho văn phòng và nhà ở, mang tên Park Kolonnaden, do các kiến trúc sư Schweger, Grassi, Sawade, Diener, mỗi người trách nhiệm một công trình.

Nhìn chung, các công trình xây dựng ở Postdamer Platz đều đã được thực hiện một cách nghiêm túc, với những kỹ thuật tiên tiến và những vật liệu tối tân nhất. Về mặt kiến trúc, đây là lần đầu tiên Berlin xây dựng những tổng thể công trình đồ sộ như thế. Tuy nhiên, trong bối cảnh một môi trường kiến trúc đô thị vốn vẫn coi trọng sự mực thước, các kiến trúc sư đường như cũng không được khuyến khích cho lắm để sáng



Trung tâm Sony ở Postdamer Platz, kts Helmut Jahn

tạo ra những tác phẩm thật sự táo bạo.

Nếu chỉ nhìn về mặt kiến trúc thuần tuý, thì quả thật là không có gì mới lạ cả. Không có gì vượt ra khỏi các trào lưu kiến trúc *hậu hiện đại* (post-moderniste) (2) và *cấu trúc* (High Tech) của thập kỷ 70. Bản thân những kiến trúc sư có tên tuổi tham gia thiết kế và xây dựng ở Postdamer Platz, phần lớn đều là những tai to mặt lớn của trường phái cấu trúc “ High Tech ” : Norman Foster, Richard Rogers, Renzo Piano, Helmut Jahn. Số còn lại thuộc xu hướng hậu hiện đại : Giorgio Grassi, Schweger, Swade, Diener, v.v... Tôi nghĩ rằng, ngay từ đầu, về phía nhà nước Đức, cũng như về phía các chủ công trình quốc tế, người ta đã chọn người gửi của, và đã ra đầu bài với một số hướng dẫn nào đó. Rõ ràng là xu hướng High Tech đã chiếm ưu thế tuyệt đối trong toàn bộ công cuộc xây dựng và cải tạo trung tâm Berlin, từ ngôi nhà thông tin Info Box trên công trường Postdamer Platz, đến các công trình quan trọng ở hai trung tâm Daimler-Benz và Sony, rồi các nhà ga xe lửa, tàu điện ngầm, v.v...

Berlin xưa đẹp như thế nào, thì quả thật chúng ta ngày nay chỉ có thể mường tượng được qua các tài liệu bằng hình ảnh còn để lại. Nhưng chắc hẳn Berlin một thời đã đẹp, một cái đẹp cổ kính, baroque, ít nhất cái trung tâm của nó, với những đại lộ Friedrichstrasse, Unter den Linden, quảng trường Alexander Platz, Postdamer Platz, v.v...

Song, ai đi qua Berlin ngày nay đều phải công nhận rằng, nhìn chung, đây không phải là một thành phố đẹp về mặt kiến trúc (3), từ kiến trúc cổ đến kiến trúc hiện đại (trừ một vài công trình lẻ tẻ : cung hoà nhạc Philharmonie của Sharoun, cung triển lãm National Gallery do Mies van der Rohr thiết kế v.v...), nhưng nó đẹp và nhất là nó đáng yêu về nhiều mặt khác.

Tôi vẫn thường cho rằng đô thị không chỉ là kiến trúc nhà cửa, mà ngoài ra còn là những đường phố, những quảng trường, những vườn cây, hồ nước, v.v... Đô thị cần cây xanh, cần những không gian thoáng mát, cần làm dịu đi cái nhịp sống khẩn trương, tất bật của nó. Vì thế cho nên đô thị cần có những dự trữ về cây xanh, cũng là những không gian mở, để có thể phát triển trong thời gian. Chính Berlin đã có được những điều kiện thuận lợi đó, nhờ ở một quan niệm qui hoạch mở, mà truyền thống để lại từ những thế kỷ trước. Điều này có thể thấy được dễ dàng trong việc cải tạo trung tâm của Berlin để đáp ứng những nhu cầu mới do việc thay đổi thủ đô từ Bonn về đây.

Berlin đang thay da đổi thịt để bước vào năm 2000. Điều đó, làm được ở thời buổi khó khăn này, cũng đã là một điều

đáng mừng rồi ! Song, Berlin sẽ còn phải thay đổi nhiều để trở thành một thủ đô thực sự hiện đại, ít nhất về mặt kiến trúc, và Berlin có đầy đủ điều kiện để làm được việc đó, nếu có nhiều tham vọng và một sự chỉ đạo kiên trì để đạt tới mục đích đó trong tương lai.

Berlin, tháng 3-1999

Văn Ngọc

Chú thích :

1. “ High Tech ” : một xu hướng kiến trúc ra đời vào đầu thập kỷ 70, đề cao cái đẹp của những cấu trúc sắt thép, và của những bộ phận thiết bị kỹ thuật trong một công trình, bằng cách phô trương chúng ra bên ngoài công trình. Người ta thường tìm sự tương phản giữa cấu trúc sắt thép và kính. Thí dụ : Trung tâm Pompidou. Thời kỳ này cũng là thời kỳ người ta mới phát minh ra những cấu trúc mới ba chiều (Structures tridimensionnelles) bằng thép ống, hay bằng nhôm (Alu). Thí dụ, xu hướng cấu trúc, nói chung, đã xuất hiện từ sớm hơn nữa, với những phát minh của Fuller (Dôme géodésique, 1954 ; Pavillon des E.U. ở Hội chợ đấu xảo quốc tế Montréal, 1967), và của Frei Otto (Sân Thế vận hội ở Munich, 1967). Ở Anh, vào những năm 60, nhóm Archigram tài năng, với những phương án kiến trúc đô thị viễn tưởng và Cedric Price với Fun Palace, đã làm mưa làm gió một thời, và có thể được coi là những bậc tiền bối của trường phái này.

2. “ Hậu hiện đại ” (Post-Modernisme/ Late Modernism) : xu hướng ra đời vào những năm 60, tuy không chống lại hẳn chủ nghĩa “ hiện đại ” của những Gropius, Le Corbusier, Mies van der Rohr, v.v..., song đã đem lại nhiều cái mới về mặt suy luận và về phong cách, và đã làm đảo lộn nhiều giá trị trong nền kiến trúc của các thế hệ đàn anh. Nói chung, phong cách hậu hiện đại phong phú hơn trong quan niệm về hình khối cũng như trong chi tiết kiến trúc. Người kiến trúc sư hậu hiện đại ít có những định kiến cứng nhắc về lý thuyết, không ngần ngại học hỏi truyền thống, và chú ý hơn đến những nhu cầu nhỏ của người sử dụng. Có thể nói rằng, kiến trúc hậu hiện đại nhân bản hơn, và có văn hoá hơn.

3. Các thành phố đẹp về mặt kiến trúc thường là nhờ ở một sự hài hòa chung về phong cách của những tổng thể kiến trúc nằm bên nhau. Thí dụ : Venise, Sienne, San Gimignano, Bruges, v.v... Nhiều khi đó là một khu phố, một dãy phố, hay một quảng trường, v.v... Thí dụ : Place des Vosges, Louvre, Tuileries, Champs-Elysées, Grande Place ở Bruxelles v.v... (Con mắt người ta, đứng ở một chỗ, chỉ có thể nhìn được cùng một lúc một tổng thể giới hạn như thế, đồng thời ghi nhận hình dáng chung và nhịp điệu của chúng). Berlin, đáng tiếc thay, do đã bị tàn phá nhiều, nên nói chung, trong một phố, hay một khu phố, nếu có còn sót lại được một vài công trình mang dấu tích của một thời kỳ kiến trúc nào đó, thì cũng không làm cho dãy phố, khu phố đó đẹp được. Đó là qui luật chung về sự hài hòa và về nhịp điệu trong kiến trúc.

Có con

truyện ngắn

Về đến nhà thì cũng đã mệt rã rời. Tuyên dù có tắm nước lạnh, uống trà được thảo, bật cả hai bóng đèn cho sáng loà cái phòng con, thì cũng không thức được. Tuyên chui vào giường, tự nhủ, thì đi ngủ. Minh sẽ chỉ như thế này hai năm nữa thôi, rồi sau đó sẽ chỉ làm những gì mình thích, còn bây giờ thì ngủ.

Trong giấc mơ, Tuyên thấy mình đi chơi với Khang. Tình dậy nhớ lại cũng vui vui. Phải đến một năm rồi họ không gặp nhau, kể từ khi khai trương cửa hàng Tuyên làm việc.

Tuyên không phải đợi lâu. Ngay chiều hôm sau, Khang gọi. Khang nói, Khang nhớ Tuyên, và muốn đi chơi. Tuyên cũng không tin vào câu nói này nhưng thấy cũng chẳng thiệt hại gì mà không nói : “ Đêm qua Tuyên cũng nằm mơ thấy Khang ! ”. Đến lượt Khang, chỉ trong điện thoại, cũng không giấu nổi vẻ nghi ngờ.

Hai người ăn một bữa ăn cảnh vẻ và nhạt nhẽo trong một quán Huế. Lúc lấy xe, Khang hỏi : “ Bây giờ mình đi đâu ? ”. Tuyên hỏi lại : “ Khang muốn mình đi đâu ? ”. Ngoài đường, các phố đã ngập đầy nước. Mưa vẫn chưa dứt nhưng nhả hạt lại. Trong lùng bùng áo mưa, Khang nói, Khang muốn về nhà thay quần áo. Họ đi về nhà Khang.

*

Tuyên nói, chúng mình ẩu quá, coi chừng Tuyên có bầu. Đèn đường hắt vào cũng đủ soi cho Tuyên thấy Khang cười âu yếm : “ Thì chúng mình nuôi nó ! ”, rồi Khang sửa lại : “ Khang nuôi ! ”.

Tự nhiên Tuyên thấy thật là tình nghĩa khi nghe Khang khẳng định như vậy. Tuyên đi lấy khăn lau mặt cho Khang. Khi cái khăn chạm đến, Khang chợt rùng mình như muối ném. Khang không quen nhìn Tuyên như thế, Khang quen nhìn Tuyên lạnh lanh, khó hiểu rồi.

Họ nằm, nhìn lên trần nhà và nhá

lại những câu chuyện từ cách đó 10 năm, lúc mới vào đại học. Đó là những câu chuyện lần nào gặp cũng nói và đã chết cứng lại rồi, nhưng kẻ hùng, người tung, còn có đối thoại. Bây giờ, Tuyên nghĩ, lại có thêm một câu chuyện để cùng nói. Tuyên nhắc lại : “ Nhỡ đâu Tuyên có bầu ?... ” – “ Thì chúng mình cùng nuôi ! ”, Khang vui vẻ lặp lại.

*

Tuyên thấy mình quan trọng hẳn và tự nhiên thành mồng manh. Tuyên thấy mình bước đi có hơi chậm lại, và mắt khi nhìn có dịu đi. Tuyên bỏ uống kháng sinh, dù còn phải uống tối hai ngày vì Tuyên đang viêm họng, bài học võ lồng cô gái nào cũng biết là không nên uống thuốc khi đang có bầu. Tuyên cũng bỏ đi chơi đêm, sợ về cảm lạnh. Nghe nói ba tháng đầu bị cúm là quái thai.

Bây giờ, Tuyên chỉ nghĩ tới đứa trẻ. Tự nhiên, Tuyên nghĩ nó là con trai. Có thể vì Tuyên thích gương mặt Khang, với mũi dài và mắt xếch. Cũng có thể vì suốt 10 năm, chưa bao giờ Tuyên chắc Khang thuộc về Tuyên, nên một đứa con sẽ là một sợi dây ràng, mà con trai ắt dây phải chắc.

Tuyên không đợi nhưng Khang cũng không gọi lại. Vả lại, Tuyên nghĩ cũng hơi sợ, gọi lại thì nói cái gì bây giờ, có bao nhiêu chuyện thì hôm nay nói cả rồi. Nhưng Tuyên định sẽ có hôm Tuyên nói, Khang đừng lo, Tuyên nuôi con một mình. Chỉ cho Tuyên xin, con được mang họ mẹ. Cái mà Tuyên mong chờ, cuối cùng, rất mơ hồ, là Khang phản đối. “ Con Khang là của Khang ! ”, Khang sẽ sừng sộ. Rồi Khang sẽ đưa Tuyên đi siêu âm. Khang sẽ đi sau Tuyên khi Tuyên bước lên cầu thang. Khang sẽ chờ Tuyên đi làm vào những buổi sáng Tuyên gọi điện than mệt. Cả cơ quan sẽ phải xì xào trước cái bụng mỗi ngày mỗi lùm lùm. Tuyên sẽ không khai ra cho đến một

hôm chỉ vào Khang hào hoa : “ Bố của con em đó ! ”... Tưởng tượng đến khúc ấy thì Tuyền chán oặt cả người. Không, Tuyền muốn bí ẩn mặc áo bầu, Tuyền muốn mọi người tức tối khi Tuyền không chịu nói đó là con ai. Nói ra, câu chuyện đã khép lại.

*

Nhưng Khang vẫn không gọi lại. Tuyên đi qua cái điện thoại và hơi thắc mắc, có nên gọi cho Khang không. Nhưng nói cái gì ? Tuyên không thể rủ Khang đi chơi. Tuyên thích mắt Khang cười, thích gia cảnh Khang, thích ngồi sau xe Khang đi ngoài phố cho mấy cô nhìn nhìn, nhưng phải đi chung, đi riêng thì gượng gạo. Tuyên cũng nhớ là mình chưa bao giờ lo cho Khang. Có vẻ như khó khăn nào Khang cũng thoát ra được, không phải bằng tài khéo, không phải bằng thông minh, mà bằng sự vô tâm. Khang vô tâm nên không có gì chạm đến Khang được. Cho nên Tuyên thắc mắc, có con rồi, Khang có yêu con không ?

Tuyên sẽ yêu con như thế nào, Tuyên chưa biết. Tuyên vào cơ quan họp, nghe các chị bàn chuyện con cái mà tò mò. “ Có con thì sao, có vui không ? ”, Tuyên hỏi. “ Vui lắm, nhưng mà cực. Cứ em không biết có chịu nổi không ! ”. Tuyên nghĩ, chịu nổi chó. Hai mẹ con tôi ở với nhau. Buổi chiều mẹ qua nhà trẻ đón con ra, con mặc quần áo toàn bằng vải trắng, đi giày đỏ ; mặc thêm một cái gi-lê cho ấm, đội cái mũ vi có quai vào, đeo khẩu trang và cầm bong bóng, hai mẹ con mình về...

Tuyên đi vào nhà sách, thấy bán cuốn dạy chăm sóc trẻ con. “ Vừa nhá bé bạn vừa phải nụng nịu bé ”, hình minh họa có em bé nằm ngoe ngoe. Trong sách, người ta chơi với trẻ con, tắm cho chúng, cho chúng ngủ... như với búp bê. Nhưng khi chúng bệnh hay khóc lóc chắc không ai chụp ảnh. Những lúc đó, những lúc khó khăn đó, Tuyên khụng lại... Tuyên không thể một mình. Tuyên muốn gọi cho Khang : “ Nếu Tuyên có con, Khang có phiền không ? ”. Rồi Tuyên thấy việc đó vô ích quá chừng, Khang sẽ nói, không có chi, chúng ta sẽ nuôi, rồi lại im lặng không gọi điện thoại, biết đâu không gọi cả lúc “ con chúng ta ” bệnh ?

*

Tuyên không chắc đã có đứa bé trong bụng chưa nhưng tình cảm dành cho nó đã bắt đầu phai nhạt. Bây giờ thì Tuyên không chắc mình có còn yêu đứa bé không nếu không có bố nó bên cạnh và chỉ còn nó như một cục nợ. Tuyên biết, Khang chỉ cần gọi điện hỏi thăm thôi là Tuyên sẽ yêu đứa bé chưa rõ ràng này ngay. Nó quả thực không phải là đứa con của tình yêu nhưng ít nhiều lúc đâu cũng là tình cảm. Chẳng phải là Tuyên đã cút xuống vuốt tóc Khang và nói Khang đừng hút thuốc nữa như nói với một ông bố của đứa bé trong bụng sao? Nếu không có tí tình cảm nào với Khang thì việc gì Tuyên phải nghĩ về đứa bé? Tuyên chưa đến tuổi để có bằng được một đứa con. Tuyên còn trẻ.

Tuyên đi ngang cái điện thoại và kêu thầm, Khang ơi, gọi lại đi, cho Tuyên có lại cái tình thần yêu trẻ. Khang không gọi lại, Tuyên cảm tưởng như cái thai không lớn thêm được nữa. Tuyên thấy thương nó. Nó như một đứa nhỏ chờ ba về mới chịu ăn cơm và đòi lá, Tuyên nói, con ăn trước đi rồi ba sẽ về nhưng nó không nghe. Cái thai chờ đợi và giờ thì Tuyên không còn nhìn ra nó là con gái hay con trai. Trong óc Tuyên, nó rút xuống hình ảnh của một cái bào thai, nầm co co, đầu rất to, như trong mấy cuốn tạp chí vẫn hay đăng ảnh.

*

Một buổi sáng thức dậy, Tuyên tự nhiên thấy ghét Khang kinh khủng và ghét cả mình. Mười năm đã qua kể từ cái ngày đầu tiên Tuyên làm quen Khang trong căn-tin trường. Tuyên thích Khang và thấy Khang vừa đẹp, vừa dễ mến, vừa không quá báu đến nỗi để Tuyên không dám đến làm quen trước. Nếu Tuyên thích Khang hơn, Tuyên đã không làm quen như thế. Nếu tình cảm của Tuyên dành cho Khang lớn hơn, Tuyên đã phải giấu đi vì sợ nó có thể bị sảy sát. Rồi Tuyên rủ Khang đi uống nước, rủ Khang ôn bài mà không ngượng ngùng hay cắn nháu. Có những lúc Tuyên không thích Khang nữa, Khang cũng không được trọng đến mức Tuyên không dám nói thẳng ra. Tuyên không hề ân hận rằng mình có làm tổn thương Khang hay không, bởi lần nào gặp lại cũng vẫn thấy Khang tươi tỉnh như cũ. Có vẻ như

Khang không nhớ chuyện gì cả. Tuyên thấy phí, nếu có yêu, ghét gì dành cho Khang.

Bây giờ, Tuyên ghét mình vì tự nhiên Khang rất không quan trọng như thế mà làm cho Tuyên phải đánh giá lại bản thân: “ Minh xấu quá phải không? Minh lố bịch quá phải không? Minh lố bịch quá phải không? ”. Tuyên ước gì Khang gọi lại và rủ đi chơi để Tuyên từ chối, trật tự cũ như vậy mới mong thiết lập lại được.

Mình già rồi, Tuyên nằm và nghĩ. Đời một người đàn bà chán thật với tuổi xuân không dài và càng về sau càng chỉ là chịu đựng và thất thế. Nhưng trước nay mình vẫn nói là không phải chịu đựng nếu mình không muốn chịu đựng cơ mà! Khi nào chán quá thì mình chết. Chừng nào còn chịu được thì cứ sống, bởi vì ai mà biết được, nhỡ đâu ngày mai có một chuyện vui rơi xuống đời?

Nhớ lại cái ý nghĩ về việc mình có thể tự quyết cuộc đời mình làm Tuyên thích thú. Tuyên bò dậy mở nhạc. Cái đĩa bị hỏng, giật cục. Mới đêm qua nó còn hát bình thường. Sự trực trặc đáng bức lực đầu ngày này tự nhiên làm Tuyên nhớ đến đứa bé, nếu có nó, mình còn tự quyết được đời mình không? Hay là mình phải sống theo nó, ngay cả khi đời mình không vui. Mà nó là ai, nó chỉ là đứa con của một người bạn trai, chưa bao giờ mình thật yêu và bây giờ thì thằng ấy làm mình khó chịu. Tuyên bỗng thấy sự tự do của mình bị đe dọa. Tuyên không nghĩ tới chuyện đứa bé ngăn cản Tuyên đi lấy chồng. Tuyên cũng không sợ việc nó không cho Tuyên đi du lịch. Tuyên chỉ sợ, nó không cho Tuyên quyết định khi nào chấm dứt cuộc đời Tuyên. Tuyên sẽ phải sống ngay cả khi không muốn sống nữa, chỉ vì nó. Mà Tuyên biết, Tuyên không thể bỏ nó. Tuyên sợ để con ra không phải nhu mua búp bê về. Búp bê chơi chán thì cho ai đó hay bỏ vào tủ xong quên hẳn. Con thì không cho được trong khi Tuyên cũng không chắc có một ngày nào mình sẽ chán con không.

Tuyên không muốn nghĩ nữa. Tự nhiên Tuyên sợ đứa bé không khoẻ nếu Tuyên cứ nghĩ mãi như thế này. Tuyên thấy thương nó và thương cả mình. Tuyên nghĩ nó đang nằm trong hồ nước và những nghĩ ngợi đen tối của mình làm cái hồ nổi sóng. Nó sẽ rất mệt, Tuyên tưởng tượng, và rồi nó yếu dần

kinh. Tuyên muốn hai mẹ con yên bình, Tuyên gọi cho Khang. Máy ở nhà Khang không ai bắt, chắc Khang đi làm. Tuyên gọi theo Khang ra đường, máy di động bảo là “ Nghẽn mạch ”. không gọi được, Tuyên lại tự an ủi, thôi thế là may, biết đâu Khang nghĩ là mình muốn ràng buộc rồi nói nặng thì sao. Tuyên hú vía.

*

Bây giờ thì Tuyên đã không còn tưởng tượng ra nổi khuôn mặt của đứa bé vì thấy nó như không liên hệ gì đến Khang. Khang vẫn không gọi điện lại và Tuyên cũng mất hẳn sự đắn đo có nên gọi cho Khang hay là không. Tuyên không còn thắc mắc may “ Giờ này Khang ở đâu? ”. Tuyên không hề au lo: “ Hay Khang gặp chuyện gì? ”. Tuyên cũng chẳng còn thù oán hay trách móc. Tuyên soi gương và thấy mình tự nhiên khắc khổ. Đứa bé trong bụng bây giờ là của Tuyên. Một mình Tuyên đối đầu với nó. Buổi tối Tuyên lên kế hoạch chi tiêu nếu có nó. Một người giúp lúc mới sanh mà cũng có thể không cần, tự Tuyên xoay xở được. Tã và quần áo. Sữa và đồ chơi. Có nó Tuyên sẽ không đi làm thêm được, một mình lương chỉ đủ lúc nó không bệnh hoạn. Tuyên không tính phần Khang vào đây. Tuyên cộng bản dự toán lại và mét mỗi khi thấy nó vừa khít tiền lương, không còn thừa lại một đồng nào có nghĩa là sê thiếp. Tuyên thấy vô lý quá và tức đến muối đập nát cả cái máy tính. Tự nhiên một buổi tối nằm mơ thấy Khang, rồi hôm sau Khang gọi điện, và rồi Tuyên đang tự do hết mục bây giờ lại phải đau đầu vì cái kết quả của cuộc gặp nhau đó. Tuyên tức giận, mình đang thoả hiệp đây, và chuyện này sẽ đem đến những kết quả không thay đổi được. Mọi chuyện mình đều có thể thí nghiệm, trừ việc thí nghiệm có một đứa con. Mình không chuẩn bị để có việc này. Mình còn nhiều việc phải làm. Mình bắt nó làm người khi chưa chuẩn bị gì cho nó. Mình tung nó ra cuộc đời trong khi chính mình nhiều lúc muốn từ bỏ. Mình chưa muốn có con. Mình không muốn có con...

*

Nhưng Tuyên không phải làm gì cả, đứa bé ấy không có. Khi biết mình không có bầu, Tuyên đang ngồi trên xe lửa. Tuyên nằm lắc lư, lắc lư trên cái

“ Ngôn ngữ ” Hà Nội “ hơi bị ” ngộ !

Vào khoảng giữa năm 96, tôi có ra Hà Nội nghe mọi người, từ lớn đến bé, đều dùng rất nhiều từ *hơi bị*. Một người bạn gái than thở về nỗi nhớ người bô đi Tây bằng câu : “ Em thấy nhớ *hở bị* nhiều ” ; thằng em họ tôi nhắc đến cô bạn gái của nó mà tôi chưa biết mặt bằng câu : “ Em sẽ giới thiệu với anh, bạn em nói chung trong *hở bị* được ” ; đến đứa cháu đang học lớp 2, con bà chị họ tôi cũng dùng chữ này, khi tôi hỏi trêu là cháu có bạn gái chưa, cháu liền đáp : “ Cháu ghét bọn con gái lớp cháu lầm, chúng nó *hở bị* điệu ”. Cái gì cũng *hở bị*, mới nghe thì lạ tai, nghe mãi thấy quen, cũng hay hay ! Về Sài Gòn, khi viết tin giới thiệu băng video karaoke *Hà Nội đêm trôi gió* trên báo *Sài Gòn Tiếp Thị* (ra ngày 3.8.96) tôi cũng “ vận dụng ” từ này. Chả là tôi đã nghe ca khúc *Hà Nội và tôi* của Lê Vinh do Ngọc Tân hát từ thời Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh chưa được sửa chữa, câu kết của ca khúc là... *vẫn mong một ngày trôi về Hà Nội oi !* thì trong băng video này được sửa là ...*vẫn mong một ngày trôi về quê hương !* Tôi đã viết về việc đổi lời như thế làm cho người nghe quen *hở bị*... khó hát (tất nhiên là chữ *hở bị* phải để trong ngoặc kép và biên tập viên cũng cho chữ “ *hở bị* ” đó lên mặt báo).

Một năm trước người Hà Nội hay dùng chữ *cực*, cái gì cũng phải có *cực* mới chịu được. Ngôi nhà đẹp được gọi là *cực đẹp*, buổi tiệc rất vui được nói là *cực vui*, chương trình ca nhạc hay được gọi là *cực hay* hoặc ngắn gọn hơn, chỉ nói *cực kỳ là đú* ! Thời “ *cực thịnh* ” của từ *cực* có lẽ là vào cuối năm 93, đầu năm 94 khi nhà thơ Nguyễn Duy đăng bài *Cõm bụi ca* trên báo *Người Hà Nội* số Xuân Giáp Tuất 1994. Bài thơ dùng chữ *cực* “ *hở bị* ” nhiều :

Xa nhau cực nhớ, cực thèm
Ai về Hà Nội gửi em đôi nhời
Cô đâu thời các cụ chơi
Ta đây cõm bụi bia hơi lè phè...
Cực kỳ gốc sầu hóng me
Cực ngon cực nhẹ cực *nhoè* em ơi...

Bài thơ đó nếu làm vào lúc này thì phải thay những từ *cực thành *hở bị**.

Chữ *nhoè* trong bài thơ trên dùng khi uống rượu bia, có nghĩa là say, xỉn. Người có tần lượng kém hay dùng câu “ chỉ một hai chai là *nhoè* ”. Có lần tôi đi ăn đêm ở phố Mai Hắc Đế với một người bạn Hà Nội, trên đường đi tôi hỏi thăm về giá cả, người bạn nói : “ Cần vài chục là *nhoè* ”. Chữ *nhoè* ở đây

võng của một người đi buôn. Tự nhiên Tuyên thấy hụt hẫng và buồn vô kể. không phải là buôn phát khóc hay là muốn chết, hay là nghẹn ngào ; Tuyên chỉ thấy buồn, có phần hồn độn vô lý, như những ngày thi căng thẳng vừa hết, như những năm học cực nhọc vừa xong, vừa nhẹ gánh vừa man mác... Mà so sánh như vậy cũng sai nốt, Tuyên chỉ thấy cuộc đời trước mặt mình thăm thẳm, mới cách đây ít giờ nó còn rõ

ràng, các nhiệm vụ nó đặt ra đáng ghét, nặng nề, nhưng cụ thể... Tuyên thấy thương đứa bé không có thực ấy, mình đã tính toán chi li với nó, Khang cũng phải mất công trốn nó, mà nó có thực đâu. Tuyên định khi nào xuống ga rồi sẽ gọi cho Khang, giống như hồi bé chơi trốn tìm báo cho nhau : “ Ra đi ! ”, nhưng chỉ thoáng nghĩ thế thôi trong một giây rồi mất ngay, bởi hình ảnh của Khang tự nhiên mờ mịt. Nó mờ nhanh

lại có cả nghĩa no nê, đầy đủ. Khi tôi viết bài này thì chữ *nhoè* vẫn chưa lạc hậu nhưng lúc nhậu người Hà Nội còn dùng chữ *quay* hoặc đôi khi du nhập từ phương Nam cụm từ *cho chó ăn chè*.

Về chuyện ăn nói ở Hà Nội thì còn nhiều. Ví dụ như từ “ *mông má* ”, có nghĩa là tân trang, trang điểm, làm đẹp, thậm chí là tu sửa tuỳ theo trường hợp. Một cô gái trước khi đi chơi với người yêu phải *mông má* một chút, một chiếc xe cũ muốn bán cũng cần *mông má*, một ngôi nhà được sửa chữa quét vôi lại cũng gọi là *mông má*... Riêng chuyện gọi xe máy bằng *con* thì một người Hà Nội quả quyết với tôi là nó xuất phát từ giới buôn bán xe máy. Người ta hay nói *con DD*, *con Dream*. Thằng em họ của tôi (mà tôi đã nhắc đến ở đầu bài) đi lao động ở Đức về năm 91 mang theo được hai chiếc xe máy DD và 10 000 USD, nghe lời bố mẹ nó giữ xe trong thùng, còn tiền thì gửi ngân hàng. Mãi đến mấy năm sau, lúc đất sốt giá đến đỉnh điểm nó mới mua một mảnh đất “ *giòi oi* ” ở ngoại thành. Lúc tâm sự nó bảo : “ Giá em đẩy đi 2 *con DD* cộng thêm với tiền mặt *đánh quả* đất ngay từ lúc về thì *thắng đậm rồi* ”. Đã có thời một phi vụ làm ăn được gọi là *đánh quả*, trúng mánh là vào câu (thời bắt đầu mở cửa, người ta hay nói : “ *tôan dân đánh quả, cả nước vào câu* ” !!!). Sau đó, từ *vào câu* được thay bằng *thắng*, nếu thắng nhiều thì gọi là *thắng đậm*, vốn tăng thì gọi là *lỗi*, làm ăn thua lỗ thì bảo là *bị lõm, màu đậm* nghĩa là nhiều tiền, nghề có “ *màu đậm* ” lại bảo là “ *thom* ”. Ai cưới vợ giàu thì dùng chữ “ *giun chui ống mật* ” thay cho “ *chuột sa chinh gạo* ”, người ở những vùng ngoại thành mới nhập về Hà Nội được gọi là “ *dân điện thoại đầu 3* ” vì số điện thoại vùng này mở đầu bằng số 3... vân vân và vân vân...

Cuối năm 98, VT chiếu bộ phim *Của để dành* được khá nhiều người ở TP.HCM quan tâm. Trong phim ngoài việc các nhân vật hay dùng chữ *hở bị* tôi còn thấy một từ lạ là từ *tinh túng*. Cứ theo những tình huống diễn ra trong phim thì *tinh túng* có thể hiểu là lúu cá, chơi trội, đanh đá, dữ dằn. Tôi diễn ra Hà Nội gặp thằng em họ hỏi nghĩa của từ này, nó bảo thằng nào chẳng ra gì mà mặt cứ vênh lên thì bị gọi là *tinh túng*, tóm lại, “ *tinh túng là... hơi bị kiêu* ” (lại thêm một kiểu định nghĩa) ! Sau câu giải thích về ngôn ngữ, nó khoe : “ *Thằng con em nói bập bê rôi, đi chập chững, biết nói trước biết đi* ”. Tôi đáp : “ *Biết nói trước biết đi, các cụ bảo là mồm miệng đỡ chân tay*, khôn ra phết, nói chung là *hở bị... tinh túng đấy* ”. Nó nghe rồi cười phá lên trong điện thoại.

Lại nói theo giọng Nam Bộ, thì ngôn ngữ Hà Nội hơi bị ngộ !

Phạm Hy Hưng

(Sài Gòn Tiếp Thị, Xuân Kỷ Mão 99)

quá làm Tuyên cũng hoảng nhưng quả thực nó mất hẳn rồi.

Tuyên không muốn nghĩ nữa, bây giờ thì không phải vì sức khoẻ của đứa bé, mà chỉ vì Tuyên muốn quên đi. Tuyên nằm lắc lư, lắc lư và ngủ thiếp đi, không nghe cả tiếng còi tàu rúc lên khi vào đến sân ga tỉnh lẻ...

1.99

PHAN THỊ VÀNG ANH

Trở lại quán cà phê trên đường số một

Buổi sáng êm á
như mái tóc trôi chảy của người đàn bà quay mặt
buổi sáng nắng vàng hiu hiu
hoa hồng đâu mùa nở vài nụ ngoài thềm hiên vắng.

Không gian quán quá đỗi thân thuộc
khuôn mặt anh chàng pha cà phê thoảng chút lém
lỉnh
bàn ghế & gạch lót nhà lặng yên
những bức tranh treo trên vách cũng lặng yên
những khuôn mặt khách cũng lặng yên.

Quán cà phê tôi thường ngồi vài lần trong một tuần
âm thầm chia sẻ nỗi lòng tôi trong nhiều năm.

Những bài thơ, giòng chữ viết. Những hồi hộp, lo
âu, dự tính.
Những muộn phiền, nản lòng, cô đơn như sợi dây
mỗi ngày
thêm thắt chặt.
Mỗi ghế mòn nhẵn một phần,
vì tôi.

Mỗi mặt bàn
là mỗi khuôn mặt

Tôi đã khóc một mình nơi đây
tôi đã tìm thấy tâm hồn thật bình thản nơi đây
tôi đã giấu nỗi buồn riêng nơi đây
tôi đã thương tôi cùng cực cũng ở nơi đây.

Cầm ly cà phê thấy tay mình run run
như lần đầu
thò tay trộm tiền lẻ trong túi áo mẹ.

Hai muỗng đường cát nâu
chút sữa half & half
nhấp ngụm cà phê
tôi lại gặp tôi.

Buổi sáng nắng vàng hiu hiu
hoa hồng đâu mùa nở vài nụ ngoài thềm hiên vắng.

Lê Thị Thẩm Văn

(trích từ tập thơ YELLOW LIGHT, 1998. Giá : 8 MK.
Chi phiếu, thư từ liên lạc : Lê Quang Tuấn, P.O. Box
360923 Milpitas, CA 95035)

LTS.- Chúng tôi hân hạnh giới thiệu cùng độc
giả truyện ngắn **GIA ĐÌNH VỀ NHỒNG** trích từ
tập **TRUYỀN NGẮN** của Đặng Văn Long do tác
giả xuất bản, 1998. Sách in đẹp, dày 212 trang, giá
13MK. Địa chỉ liên lạc : Đặng Văn Long, DT 33
(0)148 571898, 3 square de la Libération, 93 100
Montreuil - CCP 2154821 - C. Paris.

Một túp nhà tranh lụp sụp như cái lêu, một gian
hai trái, lần sau hàng cây đu đủ, ở gần phía chợ
làng Ngọc Hà. Trước cửa ngay cạnh giọt tranh, mấy đứa
trẻ trần trụi như nhộng hí hoáy nặn những cái pháo đất.
Đó là gia đình vệ Nhồng. Anh Nhồng vừa mới đắt lính
đi Tây nên người trong làng đặt thêm cho anh cái tên vệ
nữa.

Gia đình vệ Nhồng đã nghèo lại phải cái tội đong
con, lúc nhúc như đàn gà. Mà lũ con lại còn bé, đứa lớn
nhất là thằng Mích chừng mười một, mười hai tuổi cất
nhắc được công việc thì Nhồng đã bán nó cho người
hương sư trong làng lấy hai đồng bạc để đóng thẻ từ cái
năm thóc rẻ như bèo mà thiên hạ gọi là “cái thời kinh tế
khủng hoảng”. Còn lại năm mун, vừa trai, vừa gái xì mũi
chưa sạch, sống nhèo nhẽo ở nhà với mẹ.

Suốt năm, ngoài hai vụ đi ở lực điền gặp phái những
ngày ba tháng tám, nghĩa là những ngày gần giáp hạt,
không có người mướn, Nhồng lại bò lên tỉnh ngay gần
làng lính cái xe chạy thuê. Được cái Nhồng có sức và
người lại lanh lẹ nên vừa bỏ cái nghề cầm cày, cầm cuốc
là cầm ngay cái càng xe chạy vùn vụt không kém gì đám
anh em áo ngắn. Nhưng từ ngày anh làm nghề “cầm
càng xe” người trong làng thường hay bàn tán. Có lần
ngay giữa phiên chợ, bà chánh Bí nhìn về phía túp lều
của Nhồng, cong cớn nói với vợ bác trương Nhị : “Thằng
cu Nhồng bây giờ ra dáng lâm. Nó gặp người làng, người
nước không chào. Cả cái con vợ nó ăn phải đũa của
chồng, thấy người là mặt cứ xác lén ấy !”. Bác trương
Nhị nhổ bã quết trâu đến bẹt một cái xuống đất, cũng
hoạ theo : “Thưa bà thật là đồ bạc nghệ. Chả trách người
ta gọi nó là “cu-li xe” có khác !”. Bác vênh váo nói tiếp :
“Thưa bà chánh, cái con mệ ấy nó có hay tám vạn nghìn tư
thì nó cũng chỉ là vợ thằng cu-li xe !”.

Trong nhà, chị Nhồng cũng thường hay to nhỏ với
chồng :

- Bố thằng Mích à, làm gì thì làm chứ đừng có đi kéo xe
nữa.

Mặt Nhồng sần ra, nhìn vợ lâu lâu rồi mới trả lời, hỏi
lại : “Thế bu nó bảo làm gì ? Thời buổi thóc rẻ, gạo hơn
này mà người thì cứ đói dài, đói rạc ra ấy không đi kéo
xe thì lấy gì mà ăn ?”. Nhìn mấy đứa con đang cấu chí
lẫn nhau kêu oai oái ở phía cái vại nước kê lồng chỏng
bên cạnh giọt tranh, anh nói tiếp : “Còn một đống nợ đây
nữa, lấy gì mà đút vào miệng cho chúng nó ! Hay là...”.

Gia đình vệ Nhống

truyện ngắn

Đặng Văn Long

Chị Nhống đoán trước được ý chồng là hay gạ chuyện bán con, nên vội ngắt lời :” Nói vậy thôi chứ bố nó còn có sức dài, vai rộng làm gì mà có được miễn ăn là được rồi. Vả lại mình đã để chúng nó ra thì...”. Chị ngập ngừng, bỗng đổi giọng :

– Mà kéo xe cũng chả xấu đâu bố nó à. Thời buổi này con người ta thất thế là thường.

Anh Nhống cúi gầm mặt nhìn đôi dép cao su nằm dưới hai bàn chân bàn chổi của mình, bên tai vọng lên những tiếng rõ mồn một của máy bà lý, bà hương : “Nghề không có tổ sư ! Ráo mồ hôi hết tiền ! Không có hậu !”. Anh lẩm bẩm : “Cũng biết thế. Nhưng một miếng đất cẩm dùi không có mà nhà thì một đống miệng ăn rồi lại còn phải thuê má nữa có mà, chả nhẽ...”.

Chị Nhống hết những vụ đi mót lúa lại sống với cái “nghề” mò cua, bắt ốc.

Ngày tháng cứ đáp đổi lân hồi, vợ chồng con cái anh Nhống vẫn sống với cái cảnh đói chật vật ấy. Lũ con của Nhống cũng dần dần lớn lên theo nghiệp mẹ. Đứa nào xách nồi cái giỏ là theo mẹ ra đồng.

Có những ngày trời nắng chang chang, mẹ con chị Nhống như đòn vịt mò mắm trong những vũng nước nóng bỏng. Lũ trẻ mồ hôi nhễ nhại. Mắt chúng đỏ ngầu như mắt cá chày, người thì run lên bần bật muốn ngã, thế mà vẫn mải miết y hư mẹ, cố bắt cho được những con cua ẩn vào giỏ. Chị Nhống bảo lũ con len nghỉ mát dưới gốc đê. Chị đi chợ bán cua. Máy đứa trẻ nằm trên bãi cỏ hóng gió, thiu thiu ngủ đi lúc nào không biết.

Mặt trời đứng bóng. Nắng vàng cháy xém da. Chị Nhống cũng bán xong mấy giỏ cua, đong được vài đấu tẩm và mua được mấy cái bánh đúc, đã trả lại gốc đê. Đánh thức con dậy, chia cho mỗi đứa một thỏi bánh đúc, chị ngồi chờ mặt ngắm đòn con đang ăn nhồm nhồm có vẻ ngon lành. Mặt chị tự nhiên cúi gầm xuống nhìn vào cái bọc gói bằng tàu lá chuối nằm gọn lỏn trong cái mít đựng tẩm. Mắt chị cứ lấm la lấm lét nhìn lú con rồi lại nhìn vào cái mít. Chị nuốt bọt đến ực một cái sau tiếng thở dài, bỗng ngừng đầu lên gọi lớn : “Đĩ Chiểu !”. Một con bé chùng tám, chín tuổi vừa ăn hết thỏi bánh đúc, nhón nhác quay lại : “Bu bảo gì ?” và hỏi tiếp : “Còn bánh hả bu ?”. Máy đứa trẻ khác nghe thấy tiếng “còn

bánh” cũng nhón nha, nhón nhác ngẩng cả lên nhìn mẹ. Chị Nhống thấp giọng âu yếm mắng con : “Bánh với quà gì... còn để phần em nữa chứ !”.

– Thế bu bảo gì ?

Đĩ Chiểu tiu nghỉu hỏi lại mẹ. Cái Hiền, cu Tý lại đưa những ngón tay còn vẩy hơi bánh đúc nồng nồng beo béo lên miệng mút chun chụt. Chị Nhống cũng không biết vì sao chị lại gọi con nên nói lảng : “Giờ về cuối tháng chín mà còn nóng như nung như nấu thế này. Giờ nắng y như là tháng sáu ấy”. Chị tự an ủi : “Mà có nắng như thế mẹ con mình mới dễ bắt cua đồng”. Cu Tý - đứa trẻ bé nhất trong đám - lần đến ngồi xích bên chị Nhống nói nũng nịu : “Thế bao giờ thầy mới về bu nhỉ ?”. Chị chặt đứa bé vào lòng, chị không nhìn rõ nước da cháy nắng của con, chỉ thấy nó ngoan ngoãn hơn những ngày khác.

– Bồ hôi của bu chảy cả xuống má của Tý bu nè !

Chị buông vội đứa con, đưa tay gạt ngang trên má. Chị nhìn chừng chừng vào cu Tý và bảo : “Con cởi áo để bu bắt rận cho nào !”. Cu Tý gầy nhẳng gầy nhip cũng như những anh chị nó, chỉ có cái bụng giun ống phưỡn tròn như quả bí đỏ dựng trên hai cái ống chân sậy. Đầu thằng Tý to như quả bòng cầm xuống cái cổ ngang nghiu nối vào cái ngực lép kẹp. Cu Tý lại tủi tê hỏi mẹ : “Sao lần này thầy đi lâu thế mãi không về bu nhỉ ?”. Chị Nhống vẫn cúi xuống bắt rận, đòi mắt lần theo những hàng chỉ khâu của cái áo đụp, lặng lẽ trả lời : “Mấy tháng nữa thầy mới về !” và giục cu Tý : “Con lại chồ kia mà chơi với chị Chiểu !”.

Ánh nắng từ từ chạy xiên thân cây đê. Gió từ làng Ngọc Hà thỉnh thoảng lượt trên cánh đồng cỏ mới nhú. Cơn gió nồng thổi nhẹ nhẹ như mơn trớn làn da mát dịu. Từ đĩ Chiểu, cái Biền, cu Tý lại nằm quay ra cả trên bãi cỏ ngủ tít. Chị Nhống cũng mệt nhoài thiêm thiếp. Nhưng hình ảnh anh Nhống cứ chập chờn trước mắt làm chị bồi hồi nhớ đến một buổi chiều ngày đầu tháng chín cách hôm ấy không lâu. Anh Nhống làm ở tỉnh về mồ hôi còn đọng trên cái áo vải xanh in hàng chữ trắng, hốt hoảng nói với vợ : “Bu nó à, sắp có loạn hay sao ấy. Tao thấy người ta bắt lính tải sang Tây nhiều quá !”. Khi ấy chị cũng hồi hộp lo âu nhưng cố nói lảng : “Bố thằng Mích xem hộ tôi nỗi canh đã chín chưa. Khéo không nó đào hết sạch”. Chị cất tiếng gọi thật to lũ con : “Về mà ngồi cho sớm đi, chừ chốc nữa đèn dầu không có !”.

Trong bữa ăn chiều hôm ấy, anh Nhống cứ chắp cha, chắp chối nhìn vụt vợ rồi lại gợi chuyện bắt lính đi Tây : “Tao không biết cái thứ lính trắng gì ấy mà có những ông lão già gần bằng tuổi thầy ấy bu nó à !”. Không thấy chị Nhống bắt lời, anh lại tiếp : “Hay là lính trù bị ?”. Chị Nhống giục mấy đứa con ăn cho mau rồi rửa ráy còn đi ngủ. Anh chồng lại nói giọng : “Mà quái lạ có cả những cậu con giai chí nhón hơn thằng Mích nhà ta bu nó à. Thế thì không phải là bắt lính trù bị”. Chị Nhống phũi

hạt tẩm dưới cầm đứa con út, nói buông thõng : “Thì đã gọi là bát lính mà ly !”. Anh Nhống trố mắt nhìn vợ. Bỗng có tiếng người từ ngoài đường vọng vào hỏi gắt :

– Cu Nhống có nhà không ?

Nhống vội đặt bát cơm tấm thổi độn khoai lên góc cái mâm gỗ, đứng dậy bước ra cửa ngó cổ thưa to :

– Dạ. Tôi có nhà ạ.

Và đổi giọng :

– À mà bác Đôn. Bác gọi tôi có việc gì đây ?

Đôn, tên người phu tuân, đứng nghiêng người nhìn Nhống, nói thõng :

– Cụ Lý bảo sáng sớm mai phải lên huyện.

Chị Nhống cũng tất tưởi chạy ra hỏi chõ : “Việc gì mà phải lên huyện, thưa bác Đôn ?”.

– Tuyển lính đi Tây.

Người tuân nói dứt lời, anh ta lại rảo bước về phía những túp nhà tranh gọi đám nông dân làng Ngọc Hà đi “tòng quân sang Pháp”.

Tiếng trống thu không ngoài điểm đổ từng hồi. Tiếp đến trong đình tiếng trống bắt lính vang lên vọng vào cái gia đình Nhống một nỗi buồn vô hạn.

Xa xa phía chân trời vắng thái dương đã chìm sau dãy núi đen mờ, nhưng những tia sáng thoai thóp còn rọi lên vòm trời màu hồng lợt.

Trong túp nhà tranh, mấy đứa con của vợ chồng Nhống đã ngủ say trên những chiếc chõng tre kê lồng chõng ở khắp mọi góc nhà. Tiếng rì rầm của vợ chồng Nhống cũng đều đều theo tiếng trống câm canh.

– Bố nó nhiều tuổi rồi may ra thì khỏi.

Chị Nhống thởn thức nói với chồng. Nhưng anh lạnh lùng :

– Khi nó đã bắt thì có kể gì đến tuổi với tác.

Suốt cái đêm đen như mực ấy, vợ chồng Nhống trần trọc cõa mình trên cái chõng ọp ẹp không sao ngủ được. Thỉnh thoảng một cơn gió nồm đậm vào cái liếp trên đầu hồi kêu phành phạch hoà với tiếng nghiến răng của đàn mồi gọi lên cái cảnh lạnh lùng tái tái.

Trời đã hửng sáng. Con gà trống của nhà hàng xóm cất tiếng gáy lần thứ hai. Nhống choàng dậy chậm ngọn đèn dầu soi trên khắp mọi cái chõng. Anh nhíu mày nhìn mấy đứa con còn say sưa trong giấc ngủ. Mắt anh bỗng từ từ mờ tối. DĐã bước khỏi hàng hiên, anh còn nhìn vợ nói vọng lại :

– Đừng có khóc mình nhé ! Minh chịu khó nuôi đàn con trứng nước cho nên người.

Nhin theo bóng chồng khuất trong đám sương mù trên con đường xa tắp, chị đưa cả hai bàn tay lên bưng mặt nắc từng hồi.

Ngày rồi ngày đã gần một tháng rồi, chị Nhống được người trong làng cũng mau quên những câu b้อง gió “vợ

thằng cu-li xe” như trước. Mà người ta thành thực gọi chị là “chị vệ”, tiếng thơm lây (!) của con gnười “tòng quân” cũng lan đến chị. Tuy nhiên từ khi Nhống trở thành anh vệ, gia đình chị Nhống trở nên tiêu điều lạnh lẽo. Cu Tý thường hay hỏi mẹ : “Bao giờ thây về ?”. Chị chỉ nói một câu dối nó mà cũng tự dối mình là “mấy tháng nữa thây về”. Lần này dưới gốc cây đẽ chị cũng lặp lại cái câu như đã thuộc lòng ấy. Nhưng đâu chị nặng như đang đội một phiến đá, đôi mắt sầm lại, tay chị đánh roi cái áo đụp của cu Tý trên bãi cỏ. Đĩ Chiểu cõa mình thức dậy, chạy lật đật đến chõ mẹ, hỏi líu túu : “Bu oi bu, làm sao bu lại khóc ?”. Chị nói láng với con : “Chiểu rồi, mày đánh thức em dậy đi bắt thêm ít cua nã, còn về kéo tối mất con ạ”.

Đàn vịt người lai mò mẫm trong vũng nước nóng thiêu cho mãi đến nhá nhem tối mới bò về túp lều tranh ở gần xóm chợ Ngọc Hà.

Mấy đứa trẻ tòng ngồng đang nặn những chiếc pháo đất ở bên cái vại nước thấy mẹ và các anh chị đã về, mừng quýnh chạy lai bíu lấy cái mệt khảo. Chị Nhống bấu cho mỗi đứa một miếng bánh đúc và nói nặng : “Con tôi đói lắm. Chốc nữa u thổi cơm tấm cho con ăn nhé !”. Đĩ Chiểu, cái Biền, cu Tý mặt tiu nghỉu nhìn mấy đứa em nhai những miến bánh đúc ngon lành. Bọn đĩ Chiểu ậm ực nuốt nước bọt. Chúng nó nhớ đến những miếng bánh khi trưa ăn ở dưới gốc cây đẽ, mùi nồng nồng, beo béo, thèm chảy nước rãri. Bỗng nhiên cu Tý hỏi mẹ : “Thế bao giờ thây mới về hả bu ?”.

Còn gió nồm thổi mạnh át cả tiếng của đứa trẻ trong những tiếng vù vù... u...ú....

Đặng Văn Long
Phố Mazarine, đầu năm 1957
(trích từ tập TRUYỆN NGẮN - 1998)

Diễn Đàn *forum*

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 7 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063

địa chỉ điện tử ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, ABC, TCVN, VPS, PDT, ABC,...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)